

SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH AN GIANG
TRƯỜNG TRUNG CẤP KỸ THUẬT – TỔNG HỢP AN GIANG



CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT MÔN HỌC, MÔ ĐUN
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
(ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC CƠ SỞ)

NGHỀ: CHĂN NUÔI – THÚ Y

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)*

Châu Đốc, tháng 8 năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT MÔN HỌC TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)*

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH.

Mã môn học: MH02073

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 21 giờ; Thực hành: 21 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp.

- Tính chất của môn học: Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự, sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

+ Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

+ Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyển thương.

- Về kỹ năng:

+ Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;

+ Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

+ Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

+ Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyển thương.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;

+ Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;

+ Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	2		
2	Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam	4	3	1	
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên	4	3	1	
4	Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	4	3	1	
5	Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo	4	3	1	
6	Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4	3	1	
7	Kiểm tra	1			1
8	Bài 7: Đội ngũ đơn vị	4	1	3	
9	Bài 8: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	10	2	8	
10	Bài 9: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	6	1	5	
11	Kiểm tra	2			2
	Cộng	45	21	21	3

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Nhập môn giáo dục quốc phòng và an ninh

Thời gian: 2 giờ (LT: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung:

2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học

2.2. Các nội dung chính

2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học

2.4. Điều kiện thực hiện môn học

2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập

Bài 2: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam

Thời gian: 4 giờ (LT: 3 giờ; TL: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam;

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung:

2.1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội

2.1.1. Khái niệm chiến lược "Diễn biến hòa bình"

2.1.2. Khái niệm bạo loạn lật đổ

2.2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam

2.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam

2.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam

2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ

2.3.1. Quan điểm chỉ đạo

2.3.2. Phương châm tiến hành

2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay

2.4.1. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ

2.4.2. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế

2.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân

2.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt

2.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh

2.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch

2.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động

2.5. Thảo luận

Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên

Thời gian: 4 giờ (LT: 3 giờ; TL: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên;

- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

2. Nội dung:

2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

2.1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay

2.3. Thảo luận

Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ biên giới, quốc gia

Thời gian: 4 giờ (LT: 3 giờ; TL: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia;

- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia.

2. Nội dung:

2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

2.1.2. Chủ quyền biên giới quốc gia

2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên đảo và biên giới quốc gia

2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên đảo và biên giới quốc gia

2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên đảo và biên giới quốc gia

2.5. Thảo luận

Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo

Thời gian: 4 giờ (LT: 3 giờ; TL: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay;

- Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung:

2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc

2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam

2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo

2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo

2.2.2. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam

2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam

2.3.1. Quan điểm, chính sách về dân tộc của Đảng và Nhà nước

2.3.2. Quan điểm, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước

2.3.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

2.4. Thảo luận

Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội

Thời gian: 4 giờ (LT: 3 giờ; TL: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

2. Nội dung:

2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm

2.1.1. Khái niệm tội phạm và phòng chống tội phạm

2.1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường

2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội

2.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.3. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong phòng chống tệ nạn xã hội

2.3. Thảo luận

* Kiểm tra

Thời gian: 1 giờ

Bài 7: Đội ngũ đơn vị

Thời gian: 4 giờ (LT: 1 giờ; TH: 3 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

2. Nội dung:

2.1. Đội hình tiểu đội

2.1.1. Đội hình tiểu đội một hàng ngang

2.1.2. Đội hình tiểu đội hai hàng ngang

2.1.3. Đội hình tiểu đội một hàng dọc

2.1.4. Đội hình tiểu đội hai hàng dọc

2.2. Đội hình trung đội

2.2.1. Đội hình trung đội một hàng ngang

2.2.2. Đội hình trung đội hai hàng ngang

2.2.3. Đội hình trung đội ba hàng ngang

2.2.4. Đội hình trung đội một hàng dọc

2.2.5. Đội hình trung đội hai hàng dọc

2.2.6. Đội hình trung đội ba hàng dọc

2.3. Đổi hướng đội hình

2.3.1. Đổi hướng đội hình khi đứng tại chỗ

2.3.2. Đổi hướng đội hình trong khi đi

2.4. Thực hành

Bài 8: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

Thời gian: 10 giờ (LT: 2 giờ; TH: 8 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;

- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;

- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh

2.1.1. Súng trường CKC

2.1.2. Súng tiểu liên AK

2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.3. Thực hành

Bài 9: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương

Thời gian: 6 giờ (LT: 1 giờ; TH: 5 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương;

- Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

2. Nội dung:

2.1. Cầm máu tạm thời

2.1.1. Mục đích

2.1.2. Nguyên tắc cầm máu tạm thời

2.1.3. Phân biệt các loại chảy máu

2.1.4. Các biện pháp cầm máu tạm thời

2.2. Cố định tạm thời xương gãy

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy

2.2.3. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy

2.3. Hô hấp nhân tạo

- 2.3.1. Nguyên nhân gây ngạt thở
- 2.3.2. Kỹ thuật cấp cứu ban đầu
- 2.3.3. Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở
- 2.4. Kỹ thuật chuyển thương
- 2.4.1. Mang vác bằng tay
- 2.4.2. Chuyển nạn nhân bằng cáng
- 2.5. Thực hành

*** Kiểm tra**

Thời gian: 2 giờ

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

2. Trang thiết bị máy móc:

2.1. Tài liệu:

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí:

- Mô hình súng AK-47, CKC;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập.

2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07.

2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn;
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);
- Giá đặt bia đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;

- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cáng cứu thương;
- Giá súng và bàn thao tác;
- Tủ đựng súng và thiết bị.

2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục mùa hè;
- + Trang phục dã chiến;
- + Mũ Kêpi;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Thắt lưng;
- + Giày da;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Biểu tên;
- + Ca vát.
- Trang phục học sinh giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục hè;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Giày vải;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Thắt lưng;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu: Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh trình độ trung cấp;
- Tranh in: Súng tiểu liên AK, súng trường CKC; các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC; cấu tạo và động tác sử dụng lựu đạn; các động tác vận động trong chiến đấu.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá bằng phương pháp kiểm tra trắc nghiệm học sinh cần đạt được các yêu cầu nội dung cơ bản về giáo dục quốc phòng – an ninh.

- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hiện thành thạo những nội dung đã học vào thực tế sinh hoạt và học tập trong nhà trường, địa phương.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, say mê môn học;
- + Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022, của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh dùng cho học sinh đào tạo trình độ trung cấp cho tất cả các ngành đào tạo của trường.

- Với học sinh là bộ đội xuất ngũ có thể miễn học các bài: 7, 8, 9 theo Luật giáo dục quốc phòng – an ninh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên:

+ Khi giảng dạy nên sử dụng các hình ảnh trực quan, máy tính, máy chiếu để mô tả một cách tỉ mỉ, chính xác các kiến thức môn học;

+ Sử dụng các thiết bị của môn học;

+ Khi hướng dẫn thực hành cần sử dụng các mô hình thật, giáo viên phải bám sát hỗ trợ người học kỹ năng, uốn nắn các thao tác cơ bản.

- Đối với người học: Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu, ghi chép đầy đủ và tích cực luyện tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Bài 2, 4, 6, 8.

4. Tài liệu tham khảo:

- Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

- Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII”, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.

- Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

- Luật Biên giới quốc gia, 2004.

- Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.

- Luật an ninh quốc gia, 2004.

- Bộ luật hình sự, 2015.

- Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi bổ sung năm 2018.

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.

- Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.

- Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.

- Luật biển Việt Nam, 2012.

- Luật Dân quân tự vệ, 2009.

- Luật phòng, chống ma túy, năm 2000; sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.

- Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.

- Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.

- Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.

- Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.

- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

- Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

- Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.

- Thông tư số 08/2015/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành chương trình, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.

- Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.

- Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.

- Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.

- Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.

- Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.

- Sách dạy bắn súng trung liên RPD, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.

- Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục quân huấn, BTTM, năm 2002./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

Mã môn học: MH02072

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thảo luận: 13 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

- Tính chất của môn học: Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; chú trọng về đạo đức công dân, đạo đức nghề nghiệp; góp phần giáo dục người lao động phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Về kiến thức: Trình bày được một số nội dung khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; yêu cầu và nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

- Về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào việc học tập, rèn luyện, xây dựng đạo đức, lối sống để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	1	1		
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lê nin	4	2	2	
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	5	3	2	
4	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	3	2	
5	Bài 4: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con	10	5	5	

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
	người ở Việt Nam				
6	Bài 5: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	1	2	
7	Kiểm tra	2			2
	Cộng	30	15	13	02

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu

Thời gian: 1 giờ (LT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung:

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác- Lênin

Thời gian: 4 giờ (LT: 2 giờ; TL: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, nội dung chính và giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với sự phát triển của xã hội;

- Khẳng định được chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng ta.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2. Các bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2.1. Triết học Mác - Lênin

2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh

Thời gian: 5 giờ (LT: 3 giờ; TL: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, một số nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;
- Có nhận thức đúng đắn và bước đầu vận dụng tốt kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, phong cách cá nhân.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

Thời gian: 5 giờ (LT: 3 giờ; TL: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;
- Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

2. Nội dung:

2.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam

2.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

2.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

2.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

2.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Bài 4: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam

Thời gian: 10 giờ (LT: 5 giờ; TL: 5 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số quan điểm và giải pháp cơ bản xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;
- Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

2. Nội dung:

2.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

2.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

Bài 5: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

Thời gian: 3 giờ (LT: 1 giờ; TL: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày sơ lược được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;

- Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Nội dung:

2.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

2.1.1. Người công dân tốt

2.1.2. Người lao động tốt

2.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

2.2.2. Phấn đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

*** Kiểm tra**

Thời gian: 2 giờ

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, màn chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan;

4. Các điều kiện khác: Không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Nắm được các kiến thức cơ bản của từng bài.

- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc liên hệ kiến thức bài học với thực tế địa phương và nghề nghiệp tương lai của mình.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022, của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Giáo dục chính trị được sử dụng để giảng dạy cho học sinh đào tạo trình độ trung cấp ở các ngành học.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với Giáo viên: Đây là môn học khá trừu tượng, khó hiểu, mau quên, dễ dẫn tới tâm lý nhàm chán. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Bài 2, 3, 4 và 5.

4. Tài liệu tham khảo:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

- Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

- Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

- Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), Sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

- Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH, ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 07/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;
- Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
- Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Mã môn học: MH01074

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 4 giờ; Thực hành: 24 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

- Tính chất của môn học: Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Về kiến thức: Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật chính và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

- Về kỹ năng: Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Chương/bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	BÀI MỞ ĐẦU	1	1		
II	Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG	15	2	12	1
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	6	1	5	
2	Bài 2: Điền kinh	8	1	7	
3	Kiểm tra giáo dục thể chất chung	1			1
III	Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN (chọn 1 trong các chuyên đề sau)	14	1	12	1
1	Chuyên đề 1: Môn bơi lội	14	1	12	1
2	Chuyên đề 2: Môn cầu lông	14	1	12	1

TT	Chương/bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
3	Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền	14	1	12	1
4	Chuyên đề 4: Môn bóng rổ	14	1	12	1
5	Chuyên đề 5: Môn bóng đá	14	1	12	1
6	Chuyên đề 6: Môn bóng bàn	14	1	12	1
7	Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác	14	1	12	1
	Cộng	30	4	24	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu

Thời gian: 1 giờ (LT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung:

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

Chương I: Giáo dục thể chất chung

Thời gian: 15 giờ (LT: 2 giờ; TH: 12 giờ; KT: 1 giờ)

Bài 1: Thể dục cơ bản

Thời gian: 6 giờ (LT: 1 giờ; TH: 5 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản đối với bài thể dục tay không liên hoàn;
- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của bài thể dục tay không liên hoàn.

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản

2.2. Thể dục tay không liên hoàn

2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: Điền kinh

Thời gian: 8 giờ (LT: 1 giờ; TH: 7 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung:

2.1. Chạy cự ly ngắn

2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn

2.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn

2.2. Chạy cự ly trung bình

2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình

*** Kiểm tra** Thời gian: 1 giờ

Chương II: Chuyên đề thể dục thể thao tự chọn

(Chọn 1 trong các chuyên đề sau)

Thời gian: 14 giờ (LT: 1 giờ; TH: 12 giờ; KT: 1 giờ)

Chuyên đề 1: Môn Bơi lội

Thời gian: 14 giờ (LT: 1 giờ; TH: 12 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật bơi;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bơi lội.

2. Nội dung:

2.1. Tác dụng của môn Bơi lội

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Làm quen với nước, phương pháp thở nước và thả nổi

2.2.2. Động tác chân và tay

2.2.3. Phối hợp tay - chân

2.2.4. Phối hợp tay - chân - thở

2.3. Một số quy định của Luật bơi

Chuyên đề 2: Môn Cầu lông

Thời gian: 14 giờ (LT: 1 giờ; TH: 12 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;

- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Cầu lông.

2. Nội dung:

2.1. Tác dụng của môn Cầu lông

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt

2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm

2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay

2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay

2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ

2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)

2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

Chuyên đề 3: Môn Bóng chuyền

Thời gian: 14 giờ (LT: 1 giờ; TH: 12 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền;

- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng chuyền.

2. Nội dung:

2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2)

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1)

2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt

2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt

2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

Chuyên đề 4: Môn Bóng rổ

Thời gian: 14 giờ (LT: 1 giờ; TH: 12 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng rổ;

- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng rổ.

2. Nội dung:

2.1. Tác dụng của môn Bóng rổ

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển

- 2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng
- 2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng hai tay trước ngực
- 2.2.4. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai
- 2.2.5. Kỹ thuật hai bước ném rổ
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng rổ

Chuyên đề 5: Môn Bóng đá

Thời gian: 14 giờ (LT: 1 giờ; TH: 12 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:
 - Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng đá;
 - Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng đá.
2. Nội dung:
 - 2.1. Tác dụng của môn Bóng đá
 - 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Kỹ thuật di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng
 - 2.2.3. Kỹ thuật giữ/khống chế bóng
 - 2.2.4. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân
 - 2.2.5. Kỹ thuật đá biên hoặc ném biên
 - 2.3. Một số quy định của Luật Bóng đá

Chuyên đề 6: Môn Bóng bàn

Thời gian: 14 giờ (LT: 1 giờ; TH: 12 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:
 - Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng bàn;
 - Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng bàn.
2. Nội dung:
 - 2.1. Tác dụng của môn Bóng bàn
 - 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị và di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng thuận tay và trái tay
 - 2.2.3. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay và trái tay
 - 2.2.4. Kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay
 - 2.3. Một số quy định của Luật Bóng bàn

Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác

Thời gian: 14 giờ (LT: 1 giờ; TH: 12 giờ; KT: 1 giờ)

- Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của người học, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định xây dựng và thực hiện các chuyên đề thể dục thể thao tự chọn khác như: Võ thuật, đẩy tạ, tennis, đá cầu...bảo đảm yêu cầu về mục tiêu, nội dung và thời lượng của chuyên đề thể dục thể thao.

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị:

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

- Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.

- Điền kinh:

Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác;

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác;

- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;

- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác.

3. Các điều kiện khác: Không

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Nắm vững được một số kiến thức cơ bản và phương pháp tập luyện của các môn thể dục thể thao được quy định trong chương trình, trên cơ sở đó tự rèn luyện sức khỏe trong quá trình học tập, lao động sản xuất.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản của một số môn thể dục thể thao quy định trong chương trình.

+ Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để tự tập luyện nhằm tăng cường bảo vệ sức khỏe.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có thói quen vận động, tập luyện thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe thường xuyên.

+ Có tinh thần siêng năng trong tập luyện.

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022, của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Giáo dục thể chất được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp các ngành đào tạo của trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên:

+ Phương pháp giảng giải

+ Phương pháp trực quan

+ Phương pháp tập luyện

- Đối với người học:

+ Lắng nghe, tiếp thu

+ Tập luyện

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 1 và 2.

4. Tài liệu tham khảo:

- Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

- Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;

- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.

- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.

- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.

- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.

- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.

- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

- Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
- Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
- Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.
- Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
- Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.
- Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.
- Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.
- Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
- Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
- Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
- Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: TIN HỌC

Mã môn học: MH02231

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp.

- Tính chất của môn học: Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về máy tính, công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được một số nội dung trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được một số kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

- Về kỹ năng:

+ Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, phân loại phần mềm;

+ Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;

+ Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu;

+ Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản;

+ Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu các nội dung đơn giản;

+ Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin;

+ Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nhận thức được tầm quan trọng, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

+ Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng một số nội dung trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương I: Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	4	3	1	
2	Chương II: Sử dụng máy tính cơ bản	4	2	2	
3	Chương III: Xử lý văn bản cơ bản	15	3	12	
4	Chương IV: Sử dụng bảng tính cơ bản	9	3	6	
5	Chương V: Sử dụng trình chiếu cơ bản	8	2	6	
6	Chương VI: Sử dụng Internet cơ bản	4	2	2	
7	Kiểm tra	1			1
	Cộng	45	15	29	1

2. Nội dung chi tiết:

Chương I: Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản

Thời gian: 4 giờ (LT: 3 giờ; TH, TL, BT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính;

- Nhận biết được các thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng.

2. Nội dung:

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

2.1.1.1. Thông tin

2.1.1.2. Dữ liệu

2.1.1.3. Xử lý thông tin

2.1.2. Phần cứng

2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm

2.1.2.2. Thiết bị nhập

2.1.2.3. Thiết bị xuất

2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

2.2. Phần mềm

2.2.1. Phần mềm hệ thống

2.2.2. Phần mềm ứng dụng

2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng

2.2.4. Phần mềm nguồn mở

2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

Chương II: Sử dụng máy tính cơ bản

Thời gian: 4 giờ (LT: 2 giờ; TH, TL, BT: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, phần mềm tiện ích, tiếng Việt trong máy tính, máy in;
- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Tạo và xóa được thư mục, tập tin; sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung:

2.1. Làm việc với hệ điều hành

2.1.1. Windows là gì?

2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows

2.1.3. Desktop

2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)

2.1.5. Menu Start

2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng

2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng

2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng

2.1.9. Sử dụng chuột

2.2. Quản lý thư mục và tập tin

2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin

2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin

2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập

tin

2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục

2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục

2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục

2.3. Một số phần mềm tiện ích

2.3.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin

2.3.2. Phần mềm diệt virus

2.4. Sử dụng tiếng Việt

2.4.1. Các bộ mã tiếng Việt

2.4.2. Cách thức nhập tiếng Việt

2.4.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt

2.5. Sử dụng máy in

2.5.1. Lựa chọn máy in

2.5.2. In

Chương III: Xử lý văn bản cơ bản

Thời gian: 15 giờ (LT: 3 giờ; TH, TL, BT: 12 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về văn bản và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản;

- Sử dụng được phần mềm soạn thảo Microsoft Word để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu, in được văn bản.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản

2.1.1. Khái niệm văn bản

2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản

2.2. Sử dụng Microsoft Word

2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word

2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word

2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word

2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word

2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn

2.2.2.2. Tạo một tập tin mới

2.2.2.3. Lưu tập tin

2.2.2.4. Đóng tập tin

2.2.3. Định dạng văn bản

2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)

2.2.3.2. Định dạng đoạn văn

2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)

2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering

- 2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)
- 2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)
- 2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)
- 2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản
 - 2.2.3.4.1. Bảng (Table)
 - 2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)
 - 2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)
 - 2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt
 - 2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes
- 2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)
- 2.2.3.6. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)
- 2.2.4. In văn bản

Chương IV: Sử dụng bảng tính cơ bản

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ; TH, TL, BT: 6 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;
- Sử dụng được phần mềm Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản.

2. Nội dung:

2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)

- 2.2.1. Khái niệm bảng tính
- 2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

2.2. Sử dụng Microsoft Excel

- 2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel
 - 2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm
 - 2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel
- 2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính
 - 2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính
 - 2.2.2.2. Lưu bảng tính
 - 2.2.2.3. Đóng bảng tính

2.3. Thao tác với ô

- 2.3.1. Các kiểu dữ liệu
- 2.3.2. Cách nhập dữ liệu

2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu

2.3.3.1. Xóa dữ liệu

2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu

2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)

2.4.1. Dòng và cột

2.4.1.1. Thêm dòng và cột

2.4.1.2. Xóa dòng và cột

2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột

2.4.2. Trang tính

2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính

2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính

2.4.2.3. Mở nhiều trang tính

2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính

2.5. Biểu thức và hàm

2.5.1. Biểu thức số học

2.5.1.1. Khái niệm biểu thức số học

2.5.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản

2.5.1.3. Các lỗi thường gặp

2.5.2. Hàm

2.5.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm

2.5.2.2. Toán tử so sánh =, <, >

2.5.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND)

2.5.2.4. Hàm điều kiện IF

2.5.2.5. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR)

2.5.2.6. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)

2.6. Định dạng ô, dãy ô

2.6.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ

2.6.2. Định dạng văn bản

2.6.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền

2.7. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính

2.7.1. Trình bày trang tính để in

2.7.2. Kiểm tra và in

2.7.3. Phân phối trang tính

Chương V: Sử dụng trình chiếu cơ bản

Thời gian: 8 giờ (LT: 2 giờ; TH, TL, BT: 6 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu một số nội dung đơn giản.

2. Nội dung:

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint

2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản

2.2.1.3. Các thao tác trên slide

2.2.1.4. Chèn Picture

2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox

2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt

2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình

2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng

2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide

2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn

2.2.2.4. Lặp lại trình diễn

2.2.2.5. In bài thuyết trình

Chương VI: Sử dụng internet cơ bản

Thời gian: 4 giờ (LT: 2 giờ; TH, TL, BT: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;
- Sử dụng được các thao tác đơn giản trong trình duyệt Web, nhận và soạn thảo trả lời thư điện tử; tìm kiếm thông tin.
- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung:

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet

2.1.1. Tổng quan về Internet

2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web

2.2.3. Thư điện tử (Email)

2.2.3. Tìm kiếm thông tin (Search)

2.2.4. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.3. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng

2.3.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin

2.3.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng

2.3.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet

2.3.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

*** Kiểm tra** Thời gian: 1 giờ

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy). Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.

- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).

- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.

- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa.

- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giáo viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác: Không

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra thực hành, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau: Làm việc với các thành phần trên cửa sổ Desktop, các chương trình ứng dụng, Windows Explorer, Control Panel, cách bỏ dấu tiếng Việt trong Windows, soạn thảo văn bản với Word, thực hiện tính toán với Excel và tạo bài thuyết trình bằng Powerpoint.

- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành các bài tập thực hành trên máy tính.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm;
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, say mê môn học;
- + Thực hành các bài tập và tham khảo thêm tài liệu.

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022, của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Tin học được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Kết hợp việc giảng dạy lý thuyết với việc mô phỏng các thao tác trên máy tính thông qua phần mềm Netsupport School để học sinh dễ hình dung. Đồng thời áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 2, 3, 4, 5, 6.

4. Tài liệu tham khảo:

- Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.

- Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

- Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

- Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

- Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.

- Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.

- Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.

- Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.

- Joan Lambert and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.

- Peter Weverka, Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022

của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: TIẾNG ANH

Mã môn học: MH04226

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 56 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

- Tính chất của môn học: Chương trình môn học Tiếng Anh này bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng Tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

Sau khi học xong chương trình ở trình độ trung cấp, người học đạt được trình độ năng lực Tiếng Anh Bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

- Về kiến thức:

+ Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại và quá khứ, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; nhận biết được các từ vựng về giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt và kỳ nghỉ.

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng nghe: Theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận các thông tin về các chủ đề liên quan đến thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ vật trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

+ Kỹ năng nói: Đưa ra và hồi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề rất quen thuộc như tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, trình bày sở thích, đặt câu hỏi về số lượng, trình bày về những ngày lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

+ Kỹ năng đọc: Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các món ăn và thức uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

+ Kỹ năng viết: Viết được những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

+ Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends)	9	3	6	
2	Bài 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)	9	3	6	
3	Bài 3: Địa điểm (Places)	9	3	6	
4	Bài 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)	9	3	6	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	9	3	4	2
6	Bài 5: Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)	9	3	6	
7	Bài 6: Kỳ nghỉ (Vacation)	9	3	6	
8	Bài 7: Các hoạt động hàng ngày (Activities)	9	3	6	
9	Bài 8: Sở thích (Hobbies and interests)	9	3	6	
10	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	9	3	4	2
	Cộng	90	30	56	4

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ; TH, TL, BT: 6 giờ)

1. Mục tiêu:

- Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;
- Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;
- Nói về bản thân và gia đình;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;
- Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Gia đình;

- 2.1.2. Nghề nghiệp;
- 2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Động từ “to be”;
- 2.2.2. Tính từ sở hữu;
- 2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;
- 2.2.4. Thì hiện tại đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình;
- 2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình;
- 2.4.2. Hỏi và trả lời.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: My friend Minh;
- 2.5.2. Bài tập trắc nghiệm;
- 2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).

Bài 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ; TH, TL, BT: 6 giờ)

1. Mục tiêu:

- Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often...?;
- Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;
- Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;
- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các môn thể thao;
- 2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;

2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;

2.2.3. Cấu trúc How often...?.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;

2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?;

2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.4. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).

Bài 3: Địa điểm (Places)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ; TH, TL, BT: 6 giờ)

1. Mục tiêu:

- Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;

- Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;

- Hỏi đường và chỉ đường;

- Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;

- Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;

2.1.2. Các tính từ thông dụng;

2.1.3. Các đồ vật trong nhà;

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;

2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;

2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bảng câu hỏi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ; TH, TL, BT: 6 giờ)

1. Mục tiêu:

- Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should / shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống;

- Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

- Hỏi về số lượng;

- Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn;

- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các loại thực phẩm và đồ uống.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được;

2.2.2. Cấu trúc How much/ How many;

2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't;

2.2.4. Cấu trúc Would like.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

2.3.2. Bài tập True/False;

2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với **much** hoặc **many**;

2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;

2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).

Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ; TH, TL, BT: 4 giờ; KT: 2 giờ)

Bài 5: Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ; TH, TL, BT: 6 giờ)

1. Mục tiêu:

- Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;

- Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

- Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;

2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;

2.1.3. Quần áo và màu sắc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại đơn;

2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;

2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Thảo luận.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).

Bài 6: Kỳ nghỉ (Vacation)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ; TH, TL, BT: 6 giờ)

1. Mục tiêu:

- Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc;

- Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;

- Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;

- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;

- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;

2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;

2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;

2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;

2.2.4. Động từ hợp quy tắc.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 7: Các hoạt động hằng ngày (Activities)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ; TH, TL, BT: 6 giờ)

1. Mục tiêu:

- Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hằng ngày; các tính từ chỉ tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hằng ngày;
- Nói về các hoạt động hằng ngày;
- Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;
- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các hoạt động hằng ngày;

2.1.2. Tính từ chỉ tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.2. To infinitive and Gerund.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hằng ngày;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về các hoạt động hằng ngày;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A letter;

2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).

Bài 8: Sở thích (Hobbies and interests)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ; TH, TL, BT: 6 giờ)

1. Mục tiêu:

- Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: **play, go** và **do**;
- Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
- Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Sở thích;

2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn;

2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).

Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ; TH, TL, BT: 4 giờ; KT: 2 giờ)

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;

- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác

- Khuyến khích trường trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.
- Kỹ năng:
 - + Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích theo yêu cầu.
 - + Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt theo yêu cầu.
 - + Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.
 - + Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022, của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung được sử dụng để giảng dạy cho học sinh đào tạo trình độ trung cấp.
- Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình trung học phổ thông hoặc đã thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào chương trình này và chương trình học trung học phổ thông mà người học đã hoàn thành để xem xét, quyết định điều chỉnh chương trình môn học cho phù hợp, bảo đảm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 1 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học 90 giờ trên lớp, giáo viên nên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 110 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt năng lực A1 theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp.

4. Những trọng tâm cần chú ý: Từ vựng, ngữ pháp và các kỹ năng ở các bài là những kiến thức trọng tâm học sinh cần nắm vững.

5. Tài liệu tham khảo:

- Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

- Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.
- Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.
- Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.
- Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022

của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: PHÁP LUẬT

Mã môn học: MH01185

Thời gian thực hiện môn học: 15 giờ (Lý thuyết: 9 giờ; Thảo luận, bài tập: 5 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

- Tính chất của môn học: Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;

+ Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Về kỹ năng:

+ Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;

+ Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan đến các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương/bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	2	1	1	

TT	Tên chương/bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/bài tập	Kiểm tra
2	Bài 2: Hiến pháp	2	1	1	
3	Bài 3: Pháp luật lao động	7	5	2	
4	Bài 4: Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	1	1	
5	Bài 5: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	1	1	0	
6	Kiểm tra	1			1
	Cộng	15	9	5	1

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật

Thời gian: 2 giờ (LT: 1 giờ; TL, BT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

2. Nội dung:

2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật

2.2.1.1. Quy phạm pháp luật

2.2.1.2. Chế định pháp luật

2.2.1.3. Ngành luật

2.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay

Bài 2: Hiến pháp

Thời gian: 2 giờ (LT: 1 giờ; TL, BT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

2. Nội dung:

2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.1.1. Khái niệm hiến pháp

2.1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013

2.2.1. Chế độ chính trị

2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Bài 3: Pháp luật lao động

Thời gian: 7 giờ (LT: 5 giờ; TL, BT: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động.
- Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động

2.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động

2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động

2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động

2.3.3. Hợp đồng lao động

2.3.4. Tiền lương

2.3.5. Bảo hiểm xã hội

2.3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi

2.3.7. Kỷ luật lao động

2.3.8. Tranh chấp lao động

2.3.9. Công đoàn

Bài 4: Pháp luật phòng, chống tham nhũng

Thời gian: 2 giờ (LT: 1 giờ; TL, BT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng;
- Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm tham nhũng

2.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng

2.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng

2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng

2.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng

Bài 5: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Thời gian: 1 giờ (LT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng;
- Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Nội dung:

2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng

2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

*** Kiểm tra**

Thời gian: 1 giờ

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.
4. Các điều kiện khác: Không

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tình huống pháp luật, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:
 - + Hệ thống kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật;

+ Kiến thức pháp luật chuyên ngành liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động;

+ Kiến thức pháp luật về Phòng chống tham nhũng.

- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành các bài tập tình huống pháp luật.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022, của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Pháp luật được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế đời sống, nhằm mục tiêu giáo dục toàn diện người lao động trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và trong cộng đồng. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, lòng ghép đưa vào những tình huống pháp luật, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Tăng cường thảo luận, luyện tập tình huống pháp luật nhằm mục đích củng cố, ghi nhớ, khắc sâu kiến thức đã học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Bài 2, 3 và 4.

4. Tài liệu tham khảo:

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

- Bộ Luật lao động, 2012.

- Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.

- Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.

- Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.

- Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.

- Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).

- Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.

- Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.

- Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.

- Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.

- Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.

- Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.

- Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: GIẢI PHẪU SINH LÝ VẬT NUÔI

Mã môn học: MH03071

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; thực hành: 28 giờ; kiểm tra: 3 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 1 (hệ THCS).
- Tính chất môn học: Là môn học cơ sở bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Về kiến thức: Biết vị trí, hình thái, cấu tạo, sự vận động, chức năng của các cơ quan trong cơ thể gia súc gia cầm với điều kiện sống bình thường.
- Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế sản xuất, giải thích được những kỹ thuật đang được áp dụng.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với học phần.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Tế bào và mô động vật 1.1. Tế bào động vật 1.2. Mô động vật 1.3. Cơ quan, hệ cơ quan (hệ thống)	2	2		
2	Chương 2: Hệ xương và cơ 2.1. Mô xương 2.2. Khớp xương 2.3. Hệ cơ 2.4. Bộ xương và hệ cơ gia cầm 2.5. Thực hành	10	2	8	
3	Chương 3: Hệ tiêu hóa 3.1. Khái niệm về bộ máy tiêu hóa 3.2. Giải phẫu hệ tiêu hóa	13	4	8	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực tập	Kiểm tra
	3.3. Sinh lý hệ tiêu hóa 3.4. Sinh lý quá trình hấp thu 3.5. Hệ tiêu hóa gia cầm 3.6. Thực hành				
4	Chương 4: Hệ hô hấp 4.1. Giải phẫu hệ hô hấp 4.2. Sinh lý quá trình hô hấp 4.3. Hệ hô hấp gia cầm	5	5		
5	Chương 5: Hệ tuần hoàn 5.1. Tim 5.2. Mạch máu 5.3. Tuần hoàn máu trong cơ thể gia súc trưởng thành 5.4. Máu 5.5. Hệ bạch huyết 5.6. Cơ quan sinh lâm ba cầu 5.7. Thực hành	8	3	4	1
6	Chương 6: Các tuyến nội tiết 6.1. Khái niệm về tuyến nội tiết 6.2. Các tuyến nội tiết	2	2		
7	Chương 7: Hệ tiết niệu 7.1. Giải phẫu hệ tiết niệu 7.2. Sinh lý quá trình tiết niệu 7.3. Hệ tiết niệu gia cầm 7.4. Thực hành	7	3	4	
8	Chương 8: Hệ sinh dục gia súc 8.1. Hệ sinh dục gia súc cái 8.2. Hệ sinh dục gia súc đực 8.3. Sinh lý sinh sản và tiết sữa 8.4. Hệ sinh dục ở gia cầm 8.5. Thực hành	9	4	4	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực tập	Kiểm tra
9	Chương 9: Hệ thần kinh 9.1. Đại cương về hệ thần kinh 9.2. Giải phẫu hệ thần kinh 9.3. Sinh lý hệ thần kinh động vật 9.4. Sinh lý hệ thần kinh thực vật 9.5. Học thuyết Paplop	2	2		
10	Chương 10: Trao đổi chất và năng lượng 10.1. Trao đổi chất 10.2. Trao đổi năng lượng và thân nhiệt	2	2		
	Cộng	60	29	28	3

2. Nội dung chi tiết :

Chương 1: Tế bào và mô động vật

Thời gian: 2 giờ(LT:2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu cấu tạo, thành phần hóa học và đặc tính sinh lý tế bào động vật;
- Hiểu khái niệm về các loại mô, niêm mạc và tương dịch mạc.

2. Nội dung:

2.1. Tế bào động vật

2.2. Mô động vật

2.3. Cơ quan, hệ cơ quan (hệ thống)

Chương 2: Hệ xương và cơ

Thời gian: 10 giờ(LT:2 giờ; TH:8 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết phân loại, tác dụng, cấu tạo, thành phần hóa học, sự phát triển, các nhân tố ảnh hưởng và sự liên kết của xương;

- Phân tích được đặc tính sinh lý của mô trong cơ thể vật nuôi;
- So sánh được đặc điểm cơ xương của gia cầm với gia súc;
- Hiểu được cấu tạo, sự liên kết của xương, nhiệm vụ của khung xương động vật;
- Nhận dạng được các loại xương tạo cơ thể động vật;
- Làm được tiêu bản xương chó.

2. Nội dung:

- 2.1. Mô xương
- 2.2. Khớp xương
- 2.3. Hệ cơ
- 2.4. Bộ xương và hệ cơ gia cầm
- 2.5. Thực hành

Chương 3: Hệ tiêu hóa

Thời gian: 13 giờ(LT:4 giờ; TH:8 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu vị trí, hình thái, màu sắc, cấu tạo bình thường của từng cơ quan ở hệ tiêu hóa của gia súc và gia cầm;
- Hiểu và phân tích được hoạt động chức năng sinh lý của từng cơ quan trong hệ tiêu hóa của gia súc và gia cầm;
- Phân biệt được hệ tiêu hóa của gia súc và gia cầm;
- Qua cấu tạo và hoạt động sinh lý của hệ tiêu hóa, có nhận thức khoa học về việc nâng cao hiệu quả tiêu hóa, hấp thu trong công tác chăn nuôi, thú y;
- Hiểu lại toàn bộ vị trí, màu sắc hình thái và cấu tạo của từng cơ quan trong từng hệ thống của cơ thể gia cầm;
- Thực hiện thành thạo thao tác giải phẫu gia cầm;
- Biết đánh giá được tình trạng từng bộ phận trong cơ thể gia cầm.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm về bộ máy tiêu hóa
- 2.2. Giải phẫu hệ tiêu hóa
- 2.3. Sinh lý hệ tiêu hóa
- 2.4. Sinh lý quá trình hấp thu
- 2.5. Hệ tiêu hóa gia cầm
- 2.6. Thực hành

Chương 4: Hệ hô hấp

Thời gian: 5 giờ (LT:5 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được vị trí, hình thái, màu sắc, cấu tạo bình thường của từng cơ quan ở hệ hô hấp của gia súc, gia cầm;
- Hiểu được hoạt động chức năng sinh lý của từng cơ quan (bộ phận) trong hệ hô hấp của gia súc và gia cầm;
- So sánh được hệ hô hấp của gia súc và gia cầm;
- Thấy được vai trò quan trọng của trao đổi khí trong đời sống vật nuôi, có thái độ quan tâm đến việc ứng dụng hiểu biết về sinh lý hô hấp trong chăn nuôi thú y để nâng cao thể lực và sức sản xuất của vật nuôi.

2. Nội dung:

- 4.1. Giải phẫu hệ hô hấp
- 4.2. Sinh lý quá trình hô hấp
- 4.3. Hệ hô hấp gia cầm

Chương 5: Hệ tuần hoàn

Thời gian: 8 giờ (LT:3 giờ; TH:4 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được vị trí, hình thái, màu sắc, cấu tạo của các cơ quan thuộc hệ tuần hoàn;
- Hiểu được sự hoạt động sinh lý của các bộ phận thuộc hệ tuần hoàn;
- Hiểu sự vận chuyển của máu trong các mạch máu và thành phần của máu;
- Phân biệt được sự khác nhau của các loại mạch máu và sự vận chuyển của máu trong các mạch máu.

2. Nội dung:

- 2.1. Tim
- 2.2. Mạch máu
- 2.3. Tuần hoàn máu trong cơ thể gia súc trưởng thành
- 2.4. Máu
- 2.5. Hệ bạch huyết
- 2.6. Cơ quan sinh lâm ba cầu
- 2.7. Thực hành

Chương 6: Các tuyến nội tiết

Thời gian: 2 giờ (LT:2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được vị trí, cấu tạo của một số tuyến nội tiết quan trọng;
- Hiểu được các chức năng sinh lý của các tuyến nội tiết trong cơ thể động vật;
- Vận dụng được với các loại thuốc có bản chất hormone đang dùng trong chăn nuôi, thú y.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm về tuyến nội tiết
- 2.2. Các tuyến nội tiết

Chương 7: Hệ tiết niệu

Thời gian: 7 giờ (LT:3 giờ; TH:4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được vị trí, hình thái, cấu tạo của các cơ quan của hệ tiết niệu;
- Hiểu các hoạt động sinh lý của từng cơ quan thuộc hệ tiết niệu;

- Phân tích được nguyên lý hoạt động của thận và sự thải tiết;
- Xác định được vị trí thăm khám thận của một số loài gia súc.
- Hiểu lại toàn bộ vị trí, màu sắc hình thái và cấu tạo của từng cơ quan trong từng hệ thống của cơ thể dê;
- Thực hiện được thành thạo thao tác giải phẫu dê;
- Biết đánh giá được tình trạng từng bộ phận trong cơ thể dê.

2. Nội dung:

2.1. Giải phẫu hệ tiết niệu gia súc

2.2. Sinh lý quá trình tiết niệu

2.3. Hệ tiết niệu gia cầm

2.4. Thực hành

Chương 8: Hệ sinh dục gia súc

Thời gian: 9 giờ (LT:4 giờ; TH:4 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được vị trí, hình thái, đặc điểm cấu tạo từng cơ quan thuộc hệ sinh dục gia súc và gia cầm;
- Hiểu các hoạt động sinh lý của từng cơ quan thuộc hệ sinh dục gia súc và gia cầm;
- Giải thích được các cơ chế liên quan đến sinh sản, tiết sữa;
- Biết trạng thái bình thường của bộ máy sinh dục, biểu hiện động dục, biểu hiện lúc gần đẻ và quá trình sinh đẻ của gia súc;
- Hiểu lại toàn bộ vị trí, màu sắc, hình thái và cấu tạo của từng cơ quan trong cơ thể chó;
- Biết được thao tác giải phẫu chó;
- Biết đánh giá được tình trạng từng bộ phận trong cơ thể chó.

2. Nội dung:

2.1. Hệ sinh dục gia súc cái

2.2. Hệ sinh dục gia súc đực

2.3. Sinh lý sinh sản và tiết sữa

2.4. Hệ sinh dục ở gia cầm

2.5. Thực hành

Chương 9: Hệ thần kinh

Thời gian: 2 giờ (LT:2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được cấu tạo và phân bố của hệ thần kinh trong cơ thể;
- Biết chức năng sinh lý của hệ thần kinh não tủy và hệ thần kinh thực vật;
- Phân tích được các vấn đề cơ bản của học thuyết Paplop;

- Biết cách lựa chọn vật nuôi theo loại hình thần kinh, ứng dụng học thuyết Paplop trong việc thiết lập các phản xạ có điều kiện trong khai thác vật nuôi và ứng dụng hoạt động hệ thần kinh thực vật trong điều trị thú y.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương về hệ thần kinh

2.2. Giải phẫu hệ thần kinh

2.3. Sinh lý hệ thần kinh động vật

2.4. Sinh lý hệ thần kinh thực vật

2.5. Học thuyết Paplop

Chương 10: Trao đổi chất và năng lượng

Thời gian: 2 giờ (LT:2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được quá trình chuyển hóa protit, gluxit, lipit, khoáng, vitamine trong cơ thể vật nuôi;

- Hiểu nguyên lý của sự trao đổi năng lượng và thân nhiệt trong cơ thể vật nuôi.

2. Nội dung:

2.1. Trao đổi chất

2.2. Trao đổi năng lượng và thân nhiệt

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, phòng thí nghiệm, trại thực nghiệm của trường.

2. Dụng cụ và trang bị: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, thiết bị, mẫu.

4. Các điều kiện khác: không

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận và các bài thu hoạch của từng bài thực tập môn học. Nên học sinh cần đạt các yêu cầu sau:

+ Hiểu rõ các cơ quan thuộc từng hệ riêng biệt;

+ Hiểu rõ chức năng sinh lý của từng cơ quan trong cơ thể vật nuôi;

+ Phân biệt được cơ quan bình thường và bị bệnh.

- Kỹ năng:

+ Biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tế sản xuất;

+ Giải thích được những kỹ thuật đang được áp dụng;

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Giải phẫu sinh lý vật nuôi được sử dụng để giảng dạy trình độ Trung cấp ngành Chăn nuôi – Thú y.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học cơ sở ngành, nó đặt nền móng cho sự hiểu biết của các môn chuyên ngành khác. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Tăng cường thảo luận, luyện tập tình huống nếu có điều kiện nhằm mục đích củng cố, ghi nhớ, khắc sâu kiến thức đã học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Chương 3, chương 4, chương 5, chương 7, chương 8.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y Tế, 1999. *Giải Phẫu Sinh Lý*. NXB Y Học Hà Nội.
- Trần Thị Dân; Dương Nguyên Khang, 2006. *Sinh Lý Vật Nuôi*. NXB Nông Nghiệp. TP Hồ Chí Minh.
- W. Phillip And T. J. Chilton. Người dịch: Nguyễn Bá; Nguyễn Mộng Hùng; Trịnh Hữu Hằng; Hoàng Đức Cự; Phạm Văn Lập; Nguyễn Xuân Huân; Mai Đình Yên, 2007. *Sinh Học Tập 1*. NXB Giáo Dục.
- Lăng Ngọc Huỳnh, 2005. *Giáo trình Cơ Thể Gia Súc*. ĐH Cần Thơ.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: GIỐNG VÀ KỸ THUẬT TRUYỀN GIỐNG

Mã môn học: MH03060

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; thực hành: 28 giờ; kiểm tra: 3 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 1 (hệ THCS).
- Tính chất môn học: Là môn học cơ sở bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Kiến thức: Hiểu được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực chọn giống, nhân giống và kỹ thuật gieo tinh nhân tạo cho vật nuôi.

- Kỹ năng:

- + Thực hiện được phương pháp chọn giống vật nuôi;
- + Thực hiện được phương pháp lai tạo giống và nhân giống vật nuôi;
- + Thực hiện được phương pháp lấy tinh, pha chế tinh, bảo quản tinh và gieo tinh cho gia súc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo;

+ Hình thành thái độ khách quan, công bằng khi đánh giá các giống vật nuôi.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Lịch sử phát triển giống vật nuôi 1.1. Sự phát triển của sinh học và các môn khoa học đã ảnh hưởng đến quá trình hình thành các giống vật nuôi 1.2. Chọn giống và nhân giống vật nuôi ở Việt Nam	1	1		
2	Chương 2: Quá trình hình thành giống vật nuôi 2.1. Sự thuần hóa 2.2. Sự thích nghi	5	4		1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	2.3. Những khái niệm về vật nuôi.				
3	Chương 3: Sự phát triển của cơ thể vật nuôi 3.1. Sự phát triển của cơ thể vật nuôi 3.2. Các qui luật phát triển 3.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển	4	4		
4	Chương 4: Giám định giống vật nuôi 4.1. Khái niệm 4.2. Một số đặc điểm ngoại hình của thú tốt 4.3. Các phương pháp giám định 4.4. Thực hành	6	2	4	
5	Chương 5: Chọn giống động vật nuôi 5.1. Khái niệm 5.2. Những yếu tố liên hệ cường độ chọn lọc 5.3. Các yếu tố ảnh hưởng cường độ chọn lọc 5.4. Các phương pháp chọn lọc	3	3		
6	Chương 6: Phối giống và nhân giống 6.1. Sự phối giống xét về phương diện tính trạng 6.2. Sự phối giống xét về phương diện thân tộc 6.3. Nhân giống 6.4. Thực hành	8	4	4	
7	Chương 7: Kỹ thuật truyền giống 7.1. Các phương pháp phối giống ở vật nuôi 7.2. Các phương pháp lấy tinh thú đực 7.3. Kiểm tra phẩm chất tinh dịch 7.4. Pha chế, bảo quản và vận chuyển tinh dịch 7.5. Gieo tinh gia súc 7.6. Thực hành	33	11	20	2

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Cộng	60	29	28	3

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Lịch sử phát triển giống vật nuôi

Thời gian: 1 giờ (LT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được sự ra đời của các giống vật nuôi trên thế giới và ở Việt Nam;
- Trình bày được các giai đoạn phát triển của những giống vật nuôi

2. Nội dung:

2.1 . Sự phát triển của sinh học và các môn khoa học đã ảnh hưởng đến quá trình hình thành các giống vật nuôi

2.2. Chọn giống và nhân giống vật nuôi ở Việt Nam

Chương 2: Quá trình hình thành giống vật nuôi

Thời gian: 5 giờ (LT: 4 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được nguồn gốc giống vật nuôi và quá trình hình thành các giống vật nuôi;
- Trình bày được các khái niệm cơ bản về sự thuần hóa, thuần dưỡng, sự thích nghi, giống, dòng vật nuôi.

2. Nội dung:

2.1. Sự thuần hóa

2.2. Sự thích nghi

2.3. Những khái niệm về vật nuôi.

Chương 3: Sự phát triển của cơ thể vật nuôi

Thời gian: 4 giờ (LT: 4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được các phương pháp xác định sự sinh trưởng và phát dục của cơ thể vật nuôi;
- Biết được các quy luật phát triển của cơ thể vật nuôi.

2. Nội dung:

2.1. Sự phát triển của cơ thể vật nuôi

2.2. Các qui luật phát triển

2.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển

Chương 4: Giám định động vật nuôi

Thời gian: 6 giờ (LT:2 giờ; TH:4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Nêu được các khái niệm về giám định;
- Hiểu được các phương pháp giám định sức sản xuất của vật nuôi;
- Đánh giá được sức sinh sản, sức sản xuất của vật nuôi.
- Nêu được đặc điểm ngoại hình của một số giống vật nuôi;
- Nêu được năng suất cũng như hướng sản xuất của một số giống vật nuôi;
- Nhận biết được một số giống vật nuôi;
- So sánh được sự khác biệt giữa các giống vật nuôi;
- Có thái độ khách quan công bằng trong công tác phân biệt giống vật nuôi.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm

2.2. Một số đặc điểm ngoại hình của thú tốt

2.3. Các phương pháp giám định

2.4. Thực hành

Chương 5: Chọn giống động vật nuôi

Thời gian: 3 giờ (LT:3 giờ)

1. Mục tiêu:

- Nêu được các khái niệm về chọn giống;
- Biết được các phương pháp chọn giống động vật nuôi;
- Hiểu được các yếu tố ảnh hưởng đến cường độ chọn giống.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm

2.2. Những yếu tố liên hệ cường độ chọn lọc

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng cường độ chọn lọc

2.4. Các phương pháp chọn lọc

Chương 6: Phôi giống và nhân giống

Thời gian: 8 giờ (LT:4 giờ; TH:4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được các phương pháp phôi giống ở vật nuôi;
- Trình bày được các khái niệm về nhân giống;
- Hiểu được việc ghép đôi giao phối trong quá trình nhân giống.
- Nêu được các hệ thống đánh số tai của heo theo qui định của Bộ NN&PTNN;

- Thực hiện được việc đánh số tai cho heo.

2. Nội dung:

2.1. Sự phối giống xét về phương diện tính trạng

2.2. Sự phối giống xét về phương diện thân tộc.

2.3. Nhân giống.

2.4. Thực hành

Chương 7: Kỹ thuật truyền giống

Thời gian: 33 giờ (LT:11 giờ; TH:20 giờ; KT:2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được các phương pháp lấy tinh, pha chế tinh thú đực cũng như những đặc tính sinh lí của tinh trùng;

- Hiểu được các phương pháp xác định thời điểm gieo tinh và gieo tinh được cho heo cái.

- Nêu được kỹ thuật kiểm tra nồng độ tinh trùng và kỹ thuật đếm tinh trùng trong mỗi 1ml tinh dịch bằng buồng đếm hồng cầu;

- Thực hiện được việc kiểm tra nồng độ tinh trùng;

- Đếm được tinh trùng bằng buồng đếm hồng cầu.

2. Nội dung:

2.1. Các phương pháp phối giống ở vật nuôi

2.2. Các phương pháp lấy tinh thú đực

2.3. Kiểm tra phẩm chất tinh dịch

2.4. Pha chế - Bảo quản và vận chuyển tinh dịch

2.5. Gieo tinh gia súc.

2.6. Thực hành.

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, trại thực nghiệm, phòng thí nghiệm.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, màn hình, hệ thống âm thanh...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, thiết bị, mẫu.

4. Các điều kiện khác: không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu của những nội dung sau:

- + Nêu được đặc điểm ngoại hình của các thú tốt;
- + Đặc điểm của tinh dịch và tinh trùng;
- + Phương pháp xác định thời điểm gieo tinh;
- + Kỹ thuật lấy tinh, kiểm tra tinh, pha chế tinh và gieo tinh gia súc cái.
- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành các bài thực hành sau:

- + Nhận diện được các giống vật nuôi;
- + Lấy được tinh heo đực và gieo tinh cho heo cái.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn giống và kỹ thuật truyền giống được sử dụng để giảng dạy trình độ Trung cấp ngành Chăn nuôi – Thú y trong trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật An Giang.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Môn giống và kỹ thuật truyền giống là môn khoa học cơ sở. Môn học cung cấp những kiến thức về chọn giống và nhân giống vật nuôi cũng các kỹ thuật lấy tinh gia súc đực, kiểm tra tinh, pha chế tinh và gieo tinh cho gia súc cái. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 3, chương 4, chương 6, chương 7 là những kiến thức sát nhất với đối tượng người học.

4. Tài liệu tham khảo:

- Đinh Văn Cải & Nguyễn Ngọc Tấn, 2007. *Truyền tinh nhân tạo cho bò*. NXB Nông Nghiệp.
- Hà Văn Chiêu, 2002. *Kỹ thuật thụ tinh nhân tạo bò* NXB Nông nghiệp Hà Nội.
- Hoàng Kim Giao, Phạm Sỹ Lăng, 2004. *Cẩm nang chăn nuôi bò sữa*. NXB Nông nghiệp Hà Nội.
- Nguyễn Như Thanh, Nguyễn Đường, Nguyễn Khắc Tuấn, Nguyễn Thị Bích Lộc, Nguyễn Bá Hiên, 2004. *Vi sinh vật học đại cương*. NXB Nông nghiệp Hà Nội.

- Nguyễn Thiện, Đào Đức Thà, 1999. *Cẩm nang kỹ thuật thụ tinh nhân tạo gia súc gia cầm*. NXB Nông nghiệp Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: DƯỢC LÝ THÚ Y

Mã môn học: MH03060

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; thực hành: 28 giờ; kiểm tra: 3 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 2 (hệ THCS).
- Tính chất môn học: Là môn học cơ sở bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Về kiến thức: Biết được những tác dụng của một số loại thuốc thú y thông thường trong phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi và cách sử dụng.
- Về kỹ năng: Sử dụng được các loại thuốc thú y trong công tác phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với học phần.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Dược lý học đại cương 1. Đại cương về thuốc thú y 1.1. Nhiệm vụ, nội dung và phương pháp học tập môn dược lý thú y 1.2. Các khái niệm 1.3. Mối quan hệ giữa thuốc và thức ăn 1.4. Phương pháp học tập 2. Tác dụng của thuốc đối với cơ thể 3 Các nhân tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc 3.1. Do tính chất thuốc 3.2. Do dung môi 3.3. Do đường cấp thuốc 3.4. Do đường cấp thuốc	19	6	12	1

Số TT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	3.5. Do liều dùng và liệu trình 3.6. Do loại gia súc 3.7. Thuốc tác dụng tốt xấu phụ thuộc vào từng thời kỳ bệnh 3.8. Ứng dụng các nhân tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc 4. Cách dùng thuốc 4.1. Một số quy định 4.2. Các đường cấp thuốc vào cơ thể 4.3. Cách tính liều thuốc 5. Quá trình của thuốc trong cơ thể 5.1. Sự biến đổi của thuốc trong cơ thể 5.2. Sự thải trừ của thuốc 5.3. Ý nghĩa của việc biến đổi và thải trừ 6. Đơn thuốc thú y 6.1. Khái niệm về đơn thuốc 6.2. Cách kê đơn thuốc (Mẫu đơn thuốc) 7. Thực hành				
2	Chương 2: Thuốc tác dụng lên hệ thần kinh 1. Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh trung ương 1.1. Đại cương 1.2. Thuốc ức chế hệ thần kinh trung ương 1.3. Thuốc kích thích hệ thần kinh trung ương 2 Thuốc tác dụng trên thần kinh thụ cảm(cảm giác) 2.1. Đại cương 2.2. Thuốc tê 2.3. Thuốc xổ và nhuận trường 2.4.Thuốc trị tiêu chảy 2.5. Thuốc gây nôn, long đờm và giảm ho	8	4	4	

Số TT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	3. Thuốc tác dụng lên hệ thần kinh tự chủ 3.1. Đại cương 3.2. Các loại thuốc tác dụng lên hệ thần kinh thực vật 3.3. Ứng dụng trong điều trị 4. Thực hành				
3	Chương 3: Thuốc tác động lên hệ tuần hoàn, tiết niệu 1. Thuốc tác động lên hệ tuần hoàn 1.1. Đại cương về sự đông máu 1.2. Các loại thuốc cầm máu 1.3. Các loại thuốc tạo máu có chất sắt 1.4. Các loại thuốc tạo máu có Asen 1.5. Huyết thanh nhân tạo 2: Thuốc lợi tiểu 2.1. Đại cương 2.2. Các loại thuốc lợi tiểu 2.3. Các loại thuốc khác	3	2		1
4	Chương 4: Thuốc hạ sốt, giảm đau và kháng viêm 1. Thuốc hạ sốt, giảm đau 1.1. khái niệm 1.2. Cơ chế tác dụng 1.3. Các dạng thuốc hạ sốt, giảm đau thường dùng 2. Thuốc kháng viêm	2	2		
	Chương 5: Kích thích tố (Hormone) .1. Đại cương .2. Các loại hormone dùng trong thú y 3. Ứng dụng các hormone vào trong thú y	3	3		
6	Chương 6: Vitamine	1	1		

Số TT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	1. Đại cương 2. Các loại vitamin tan trong dầu 3. Các loại vitamin tan trong nước				
7	Chương 7: Thuốc sát trùng và trị ký sinh trùng 1. Đại cương 2. Thuốc sát trùng 3. Thuốc trị ký sinh trùng ngoài da 4. Thuốc trị giun sán 5. Thuốc trị ký sinh trùng đường máu 6. Thực hành	7	3	4	
8	Chương 8: Thuốc kháng sinh 8.1. Đại cương 8.1.1. Định nghĩa 8.1.2. Phân loại 8.1.3. Nguyên tắc sử dụng kháng sinh 8.1.4. Những nguyên nhân thất bại trong việc dùng kháng sinh 8.1.5. Vi khuẩn kháng kháng sinh 8.1.6. Phối hợp kháng sinh 8.2. Cơ chế tác động của kháng sinh 8.3. Các nhóm kháng sinh 8.4 Thực hành	17	8	8	1
	Cộng	60	29	28	3

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Dược lý học đại cương

Thời gian: 19 giờ (LT:6 giờ, TH:12, KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số khái niệm về thuốc thú y.
- Hiểu và nhớ được các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng dược lý của thuốc, các đường đưa thuốc vào cơ thể vật nuôi cũng như mối liên quan giữa đường đưa thuốc với tác dụng dược lý của thuốc

- Biết cách phòng, trị ngộ độc thuốc khi vật nuôi bị trúng độc thuốc thú y

2. Nội dung:

2.1. Đại cương về thuốc thú y

2.1.1. Nhiệm vụ, nội dung và phương pháp học tập môn tân dược

2.1.2. Khái niệm

2.1.3. Mối quan hệ giữa thuốc và thức ăn

2.2. Tác dụng của thuốc đối với cơ thể và đơn thuốc

2.2.1. Những tác dụng của thuốc

2.2.2. Tác dụng tại chỗ và toàn diện

2.2.3. Tác dụng chọn lọc

2.2.4. Tác dụng hiệp đồng

2.2.5. Tác dụng đối lập và tương kỵ

2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc

2.3.1. Do tính chất thuốc

2.3.2. Do dung môi

2.3.3. Do đường cấp thuốc

2.3.4. Do đường cấp thuốc

2.3.5. Do liều dùng và liệu trình

2.3.6. Do loại gia súc

2.3.7. Thuốc tác dụng tốt xấu phụ thuộc vào từng thời kỳ bệnh

2.3.8. Ứng dụng các nhân tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc

2.4. Cách dùng thuốc

2.4.1. Một số quy định

2.4.2. Các đường cấp thuốc vào cơ thể

2.4.3. Cách tính liều thuốc

2.5. Thải trừ của thuốc trong cơ thể

2.5.1. Sự biến đổi của thuốc trong cơ thể

2.5.2. Sự thải trừ của thuốc

2.5.3. Ý nghĩa của việc biến đổi và thải trừ

2.6. Đơn thuốc thú y

2.6.1. Khái niệm về đơn thuốc

2.6.2. Cách kê đơn thuốc

2.6.3. Mẫu đơn thuốc

2.7. Thực hành

Chương 2: Thuốc tác dụng lên hệ thần kinh

Thời gian: 8 giờ (LT:4 giờ, TH: 4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết những loại thuốc kích thích và ức chế hệ thần kinh trung ương;
- Biết các loại thuốc tác động lên hệ thần kinh thụ cảm;
- Biết những loại thuốc tác dụng lên hệ thần kinh tự chủ.
- Ứng dụng trong thực tế điều trị.

2. Nội dung:

2.1. Thuốc tác dụng lên hệ thần kinh trung ương

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Thuốc ức chế hệ thần kinh trung ương

2.1.3. Thuốc kích thích hệ thần kinh trung ương

2.2. Thuốc tác dụng trên dây thần kinh thụ cảm (cảm giác)

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Thuốc tê

2.2.3. Thuốc xổ và nhuận trường

2.2.4. Thuốc trị tiêu chảy

2.2.5. Thuốc gây nôn, long đờm và giảm ho.

2.3. Thuốc tác dụng lên hệ thần kinh tự chủ

2.3.1. Đại cương

2.3.2. Các loại thuốc tác dụng lên hệ thần kinh thực vật

2.3.3. Ứng dụng trong điều trị

2.4. Thực hành

Chương 3: Thuốc tác động lên hệ tuần hoàn, tiết niệu

Thời gian: 3 giờ (LT: 2 giờ, TH: 0 giờ, KT: 01 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết các loại thuốc tác động lên hệ tuần hoàn, tiết niệu và chuyển hóa tổ chức;

- Biết các loại thuốc lợi tiểu;

- Ứng dụng các loại thuốc đó trong điều trị.

2. Nội dung:

2.1. Thuốc tác dụng lên hệ tuần hoàn

2.1. Các loại thuốc cầm máu

2.2. Các loại thuốc tạo máu có chất sắt

2.3. Các loại thuốc tạo máu có Asen

2.3.Huyết thanh nhân tạo

2.2. Thuốc lợi tiểu

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Các loại thuốc lợi tiểu

2.2.3. Các loại thuốc nam dùng trong lợi tiểu

Chương 4: Thuốc hạ sốt, giảm đau và kháng viêm

Thời gian: 2 giờ (LT:2 giờ, TH:0 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được cơ chế tác dụng, ứng dụng điều trị của các thuốc chỉ có tác dụng hạ sốt đơn thuần với các thuốc hạ sốt, giảm đau và kháng viêm.

- Biết sử dụng các thuốc hạ sốt, giảm đau và kháng viêm trong các trường hợp sốt do những nguyên nhân khác nhau của vật nuôi

2. Nội dung

2.1. Thuốc hạ sốt, giảm đau

2.1.1. khái niệm

2.1.2. Cơ chế tác dụng

2.1.3. Các dạng thuốc hạ sốt, giảm đau thường dùng

2.2. Thuốc kháng viêm

Chương 5: Kích thích tố (Hormone)

Thời gian: 3 giờ (LT:3 giờ, TH: 0 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết các loại hormon;

- Ứng dụng các loại thuốc đó trong điều trị.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.2. Các loại hormone dùng trong thú y

2.3. Ứng dụng các hormone vào trong thú y

Chương 6: Vitamine

Thời gian: 1 giờ (LT:1, giờ; TH:0 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết các loại vitamine tan trong nước và tan trong dầu;

- Ứng dụng các loại vitamine đó trong điều trị.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.2. Các loại vitamin tan trong dầu

2.3. Các loại vitamin tan trong nước

Chương 7: Thuốc sát trùng và trị ký sinh trùng

Thời gian: 7 giờ (LT:3 giờ; TH:4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết các loại thuốc sát trùng và thuốc trị nội, ngoại ký sinh;
- Ứng dụng các loại thuốc đó trong điều trị;
- Biết tác dụng của một số loại thuốc sát trùng mà chúng ta cần pha;
- Thực hiện việc pha thuốc sát trùng.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.2. Thuốc sát trùng

2.3. Thuốc trị ký sinh trùng ngoài da

2.4. Thuốc trị giun sán

2.5. Thuốc trị ký sinh trùng đường máu

2.6. Thực hành

Chương 8: Thuốc kháng sinh

Thời gian: 17 giờ (LT:8 giờ; TH:8 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết các loại thuốc kháng sinh;
- Biết được một số loại thuốc thú y, tác dụng của nó trong phòng và trị.
- Ứng dụng các loại thuốc đó trong điều trị.
- Biết biểu hiện của vật nuôi khi bị gây mê;
- Thực hiện được việc gây mê cho vật nuôi.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Phân loại

2.1.3. Nguyên tắc sử dụng kháng sinh

2.1.4. Những nguyên nhân thất bại trong việc dùng kháng sinh

2.1.5. Vi khuẩn kháng kháng sinh

2.1.6. Phối hợp kháng sinh

2.2. Cơ chế tác động của kháng sinh

2.3 Phân loại kháng sinh

2.4. Ứng dụng trong điều trị bệnh cho gia súc và gia cầm

2.5. Thực hành

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, phòng thí nghiệm của trường.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, thiết bị, mẫu.

4. Các điều kiện khác: không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu: Hiểu được các loại thuốc dùng trong phòng trị bệnh gia súc và gia cầm.

- Về kỹ năng: Ứng dụng các kiến thức đã học trong phòng - trị bệnh cho gia súc và gia cầm.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học được lý thú y được sử dụng để giảng dạy trình độ Trung cấp ngành Chăn nuôi – Thú y trong trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật An Giang.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế công tác sau khi tốt nghiệp. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Bài 4, bài 5, bài 6, bài 7 bài 8, bài 10, bài 15.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bùi Thị Tho, BSTY Nghiêm Thị Anh Đào, 2005. *Giáo trình dược lý thú y*. NXB Hà Nội.
- Nguyễn Như Pho, Ths Võ Thị Trà An, 2003. *Giáo trình dược lý thú y*. Trường Đại học Nông Lâm TP HCM.
- Phạm Khắc Hiếu. 2009. *Giáo trình dược lý học thú y*. NXB Giáo Dục Việt Nam
- Vũ Tuyên Giáo. 1977. *Dược Lý Thú Y*. NXB Nông nghiệp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: DINH DƯỠNG VÀ THỨC ĂN

Mã môn học: MH03058

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; thực hành: 28 giờ; kiểm tra: 3 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 2 (hệ THCS).
- Tính chất môn học: Là môn học cơ sở bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Về Kiến thức:
 - + Biết được vai trò của các loại dưỡng chất trong thức ăn;
 - + Nhận dạng và đánh giá được các nguyên liệu sử dụng làm thức ăn chăn nuôi;
 - + Phối hợp được khẩu phần thức ăn cho gia súc gia cầm.
- Về Kỹ năng:
 - + Thực hiện được việc chọn và phối hợp các nguyên liệu làm thức ăn cho vật nuôi, chế biến và bảo quản được các loại thực liệu;
 - + Phòng và xử lý các bệnh về dinh dưỡng trên vật nuôi.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo;
 - + Hình thành thái độ khách quan, công bằng khi đánh giá các loại thực liệu làm thức ăn cho vật nuôi.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương về dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi 1.1. Vị trí môn học 1.2. Khái niệm về dinh dưỡng và thức ăn 1.3. Vị trí của thức ăn trong chăn nuôi 1.4. Nguyên tắc của dinh dưỡng vật nuôi 1.5. Sự phát triển của ngành chăn nuôi và	2	2		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	ngành sản xuất thức ăn cho vật nuôi ở Việt Nam				
2	Chương 2: Vai trò và tác dụng của các dưỡng chất 2.1. Vai trò và tác dụng của nước 2.2. Vai trò và tác dụng của protein 2.3. Vai trò và tác dụng của chất bột đường 2.4. Vai trò và tác dụng của chất béo 2.5. Vai trò và tác dụng của vitamine 2.6. Vai trò và tác dụng của chất khoáng	6	5		1
3	Chương 3: Tỷ lệ tiêu hóa và các loại nhu cầu dinh dưỡng vật nuôi 3.1. Tỷ lệ tiêu hóa 3.2. Năng lượng và các hệ thống năng lượng thức ăn chăn nuôi 3.3. Các loại nhu cầu dinh dưỡng	8	8		
4	Chương 4: Phân loại thức ăn và đặc điểm một số loại thức ăn thường dùng trong chăn nuôi 5.1. Phân loại thức ăn 5.2. Đặc điểm một số loại thức ăn thường dùng trong chăn nuôi 5.3. Thực hành	9	4	4	1
5	Chương 5: Chế biến và dự trữ thức ăn 6.1. Mục đích của chế biến và dự trữ thức ăn 6.2. Các phương pháp chế biến thức ăn 6.3. Dự trữ thức ăn 6.4. Thực hành	16	4	12	
6	Chương 6: Xác định tiêu chuẩn ăn và xây dựng khẩu phần 7.1. Khái niệm 7.2. Phối hợp khẩu phần 7.3. Thực hành	19	6	12	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Cộng	60	29	28	3

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Đại cương về dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi

Thời gian: 2 giờ (LT:2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được vị trí và tính chất của môn học cũng như các khái niệm cơ bản trong dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi;
- Trình bày được các khái niệm cơ bản trong dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi.

2. Nội dung:

2.1. Vị trí môn học

2.2. Khái niệm về dinh dưỡng và thức ăn

2.3. Vị trí của vấn đề thức ăn trong chăn nuôi

2.4. Nguyên tắc của dinh dưỡng vật nuôi

2.5. Sự phát triển của ngành chăn nuôi và ngành sản xuất thức ăn cho vật nuôi ở Việt Nam

Chương 2: Vai trò và tác dụng của các dưỡng chất

Thời gian: 6 giờ (LT: 5 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được vai trò của các chất dinh dưỡng đối với cơ thể vật nuôi;
- Sử dụng có hiệu quả các chất dinh dưỡng trong chăn nuôi.

2. Nội dung:

2.1. Vai trò và tác dụng của nước

2.2. Vai trò và tác dụng của protein

2.3. Vai trò và tác dụng của chất bột đường

2.4. Vai trò và tác dụng của chất béo

2.5. Vai trò và tác dụng của vitamine

2.6. Vai trò và tác dụng của chất khoáng

Chương 3: Tỷ lệ tiêu hóa và các loại nhu cầu dinh dưỡng

Thời gian: 8 giờ (LT: 8 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được tỷ lệ tiêu hóa, các dạng năng lượng trong thức ăn chăn nuôi;
- Biết được phương pháp xác định nhu cầu dinh dưỡng cho vật nuôi;

- Tính được tỷ lệ tiêu hóa và xác định được nhu cầu dinh dưỡng cho từng đối tượng vật nuôi.

2. Nội dung:

2.1. Tỷ lệ tiêu hóa

2.2. Năng lượng và các hệ thống năng lượng thức ăn chăn nuôi

2.3. Các loại nhu cầu dinh dưỡng

Chương 4: Phân loại thức ăn và đặc điểm một số loại thức ăn thường dùng trong chăn nuôi

Thời gian: 9 giờ (LT:4 giờ; TH:4 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu biết được đặc điểm và cách phân loại thức ăn và đặc điểm một số loại thức ăn thường dùng trong chăn nuôi;
- Có thể phân biệt được các loại thức ăn dùng trong chăn nuôi;
- Biết cách nhận dạng và đánh giá được chất lượng của từng loại nguyên liệu dùng làm thức ăn chăn nuôi.

2. Nội dung:

2.1. Phân loại thức ăn

2.2. Đặc điểm một số loại thức ăn thường dùng trong chăn nuôi

2.3. Thực hành.

Chương 5: Chế biến và dự trữ thức ăn

Thời gian: 16 giờ (LT:4 giờ; TH:12 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được các phương pháp chế biến và dự trữ thức ăn trong chăn nuôi;
- Có thể áp dụng được các phương pháp chế biến và dự trữ thức ăn đã học vào thực tế;
- Xác định được phương pháp ủ cám bằng men rượu làm thức ăn cho heo;
- Đánh giá được chất lượng của cám sau khi ủ với men rượu;
- Thực hiện được việc ủ cám với men rượu;
- Biết cách chuẩn bị hồ ủ để ủ chua thức ăn;
- Biết cách chọn thực liệu để ủ chua;
- Chuẩn bị được hồ ủ để ủ chua;
- Biết được phương pháp ủ chua thức ăn xanh cho vật nuôi;
- Biết cách chọn loại nguyên liệu dùng làm thức ăn ủ chua;
- Thực hiện được phương pháp ủ chua thức ăn xanh cho vật nuôi.

2. Nội dung:

2.1. Mục đích của chế biến và dự trữ thức ăn

2.2. Các phương pháp chế biến thức ăn

2.3. Dự trữ thức ăn

2.4. Thực hành

Chương 6: Xác định tiêu chuẩn ăn và xây dựng khẩu phần cho vật nuôi

Thời gian: 19 giờ (LT:6 giờ; TH:12 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được thế nào là tiêu chuẩn và khẩu phần ăn; biết các bước xây dựng khẩu phần ăn cho vật nuôi;
- Xây dựng được công thức thức ăn phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi;
- Biết được tiêu chuẩn và khẩu phần ăn của từng loại gà, vịt, heo và phương pháp xây dựng công thức thức ăn hỗn hợp cho từng loại gà, vịt, heo.
- Biết cách xây dựng được công thức thức ăn hỗn hợp cho từng loại gà, vịt, heo.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm

2.2. Phối hợp khẩu phần

2.3. Thực hành

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, trại thực nghiệm.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, màn hình, hệ thống âm thanh...
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, thiết bị, mẫu.
4. Các điều kiện khác: không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu của những nội dung sau:
 - + Vai trò và tác dụng của các dưỡng chất;
 - + Các loại nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi;
 - + Các bước xây dựng công thức thức ăn hỗn hợp của vật nuôi.
- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành các bài thực hành sau:
 - + Nhận diện các loại thực liệu dùng làm thức ăn cho vật nuôi;
 - + Xây dựng các công thức thức ăn hỗn hợp cho vật nuôi.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Dinh dưỡng và thức ăn được sử dụng để giảng dạy trình độ Trung cấp ngành Chăn nuôi – Thú y trong trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật An Giang.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Môn dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi là môn khoa học cơ sở. Môn học cung cấp những kiến thức về vai trò của các chất dinh dưỡng cho vật nuôi, một số phương pháp đánh giá giá trị dinh dưỡng của các loại thức ăn, các phương pháp chế biến, sử dụng thức ăn nhằm tạo nên kiến thức cơ sở cho kỹ thuật chăn nuôi chuyên khoa. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học

- Đối với người học: chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Chương 2, chương 4, chương 6, chương 7 là những kiến thức sát nhất với đối tượng người học.

4. Tài liệu tham khảo:

- Hồ Thị Phương Thảo, 2010. *Giáo trình dinh dưỡng thức ăn*. Tài liệu giảng dạy. Đại học An Giang.

- Hội đồng nghiên cứu quốc gia Hoa Kỳ (NRC), 2010. *Nhu cầu dinh dưỡng của lợn*. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

- Lê Thị Thu Minh, 1997. *Giáo trình chăn nuôi gia cầm*. Tài liệu giảng dạy. Đại học Cần Thơ.

- Tôn Thất Sơn, Đặng Vũ Bình, 2004. *Chăn nuôi 1- Thức ăn giống vật nuôi*. Bộ giáo dục và đào tạo. NXB Giáo dục, Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: CHẨN ĐOÁN VÀ BỆNH NỘI KHOA

Mã môn học: MH03042

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; thực hành: 28 giờ; kiểm tra: 3 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 2 (hệ THCS)
- Tính chất môn học: Là môn học cơ sở bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Về kiến thức:

- + Hiểu những kiến thức cơ bản về bệnh học, các phương pháp chẩn đoán bệnh;
- + Hiểu các bệnh nội khoa trên gia súc.

- Về kỹ năng:

- + Biết khám lâm sàng, khám cận lâm sàng và khám nội quan;
- + Biết điều trị được các bệnh nội khoa trên gia súc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với học phần.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Bệnh học đại cương 1.1. Các thời kỳ của bệnh 1.2. Các thể bệnh 1.3. Viêm 1.4. Sốt	3	3		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
2	Chương 2: Chẩn đoán bệnh học 2.1. Khái niệm và nhiệm vụ môn chẩn đoán 2.2. Lịch sử phát triển môn học 2.3. Cơ sở lý luận của chẩn đoán lâm sàng. 2.4. Khái niệm về triệu chứng 2.5. Khái niệm về chẩn đoán 2.6. Khái niệm về tiên lượng 2.7. Phương pháp chẩn đoán bệnh gia súc 2.8. Trình tự khám bệnh 2.9. Thực hành	12	3	8	1
3	Chương 3: Khám chung 3.1. Kiểm tra thể trạng 3.2. Kiểm tra niêm mạc 3.3. Khám lông da 3.4. Khám hạch và mạch lâm ba 3.5. Kiểm tra thân nhiệt gia súc 3.5. Thực hành	7	3	4	
4	Chương 4: Khám và các bệnh ở hệ tiêu hóa 4.1. Khám hệ tiêu hóa 4.2. Bệnh hệ tiêu hóa 4.3. Thực hành	10	5	4	1
5	Chương 5: Khám và các bệnh ở hệ hô hấp 5.1. Khám hệ hô hấp 5.2. Bệnh ở hệ hô hấp	5	5		
6	Chương 6: Khám và các bệnh ở hệ tim mạch 6.1. Khám hệ tim mạch 6.2. Bệnh tim mạch 6.3. Thực hành	7	3	4	
7	Chương 7: Khám và các bệnh ở hệ tiết niệu 7.1. Khám hệ tiết niệu 7.2. Bệnh ở hệ tiết niệu	4	3		1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
8	Chương 8: Bệnh dinh dưỡng và trao đổi chất 8.1. Bệnh bại liệt sau khi sanh 8.2. Bệnh mềm xương – còi xương 8.3. Chứng thiếu kẽm (Zn) 8.4. Thực hành	10	2	8	
9	Chương 9: Bệnh ở hệ thần kinh 9.1. Co giật lợn con 9.2. Cảm nắng – cảm nóng 9.3. Trúng độc	2	2		
	Cộng	60	29	28	3

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Bệnh học đại cương

Thời gian: 3 giờ (LT :3 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu rõ một số khái niệm về bệnh học;
- Biết vận dụng khái niệm bệnh học để chẩn đoán và điều trị bệnh gia súc gia cầm.

2. Nội dung:

- 2.1. Các thời kỳ của bệnh
- 2.2. Các thể bệnh
- 2.3. Viêm
- 2.4. Sốt

Chương 2: Chẩn đoán bệnh học

Thời gian: 12 giờ (LT:3 giờ; TH:8 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu rõ các khái niệm về chẩn đoán bệnh;
- Biết các phương pháp khám lâm sàng;
- Hiểu các cách cầm cột gia súc và gia cầm;
- Thực hiện được việc cầm cột gia súc, gia cầm trong quá trình chẩn đoán và điều trị;
- Hiểu phương pháp khám lâm sàng;
- Chẩn đoán được bệnh chính xác cho vật nuôi.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm và nhiệm vụ môn chẩn đoán
- 2.2. Lịch sử phát triển môn học
- 2.3. Cơ sở lý luận của chẩn đoán lâm sàng
- 2.4. Khái niệm về triệu chứng
- 2.5. Khái niệm về chẩn đoán
- 2.6. Khái niệm về tiên lượng (prognosis)
- 2.7. Phương pháp chẩn đoán bệnh gia súc
- 2.8. Trình tự khám bệnh

Chương 3: Khám chung

Thời gian: 7 giờ (LT:3 giờ; TH:4 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:
 - Hiểu rõ các biểu hiện bệnh lý của bệnh trên cơ thể gia súc;
 - Chẩn đoán được bệnh gia súc.
 - Hiểu rõ phương pháp chẩn đoán nội quan;
 - Thực hiện được phương pháp chẩn đoán nội quan.
2. Nội dung:
 - 2.1. Kiểm tra thể trạng
 - 2.2. Kiểm tra niêm mạc
 - 2.3. Khám lông da
 - 2.4. Khám hạch và mạch lâm ba
 - 2.5. Kiểm tra thân nhiệt gia súc

Chương 4: Khám và các bệnh ở hệ tiêu hóa

Thời gian: 10 giờ (LT:5 giờ; TH:4 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:
 - Biết phương pháp khám và các bệnh xảy ra ở hệ tiêu hóa;
 - Điều trị được các bệnh nội khoa thuộc hệ tiêu hóa.
 - Biết được phương pháp sử dụng troca;
 - Biết dùng troca để điều trị bệnh chướng hơi dạ cỏ cấp tính ở trâu, bò.
2. Nội dung:
 - 2.1. Khám hệ tiêu hóa
 - 2.2. Bệnh hệ tiêu hóa

Chương 5: Khám và các bệnh ở hệ hô hấp

Thời gian: 5 giờ (LT:5 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được phương pháp khám bệnh và các bệnh xảy ra ở hệ hô hấp;
- Điều trị được các bệnh nội khoa thuộc hệ hô hấp.

2. Nội dung:

2.1. Khám hệ hô hấp

2.2. Bệnh ở hệ hô hấp

Chương 6: Khám và các bệnh ở hệ tim mạch

Thời gian: 7 giờ (LT:3 giờ; TH:4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được phương pháp khám và các bệnh xảy ra ở hệ tim mạch;
- Điều trị được các bệnh nội khoa thuộc hệ tim mạch;
- Hiểu cách đo nhịp tim và thân nhiệt gia súc;
- Thực hiện được việc đo nhịp tim và thân nhiệt gia súc.

2. Nội dung:

2.1. Khám hệ tim mạch

2.2. Bệnh tim mạch

Chương 7: Khám và các bệnh ở hệ tiết niệu

Thời gian: 4 giờ LT:3 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được phương pháp khám và các bệnh xảy ra ở hệ tiết niệu;
- Điều trị được các bệnh nội khoa thuộc hệ tiết niệu.

2. Nội dung:

2.1. Khám hệ tiết niệu

2.2. Bệnh ở hệ tiết niệu

Chương 8: Bệnh dinh dưỡng và trao đổi chất

Thời gian:10 giờ (LT:2 giờ;TH:8 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết các bệnh gây ra do dinh dưỡng và trao đổi chất;
- Điều trị được các bệnh do dinh dưỡng và trao đổi chất;
- Hiểu kỹ thuật các đường cấp thuốc cho chó, thỏ, dê và gia cầm;
- Thực hiện được các đường cấp thuốc cho chó, thỏ, dê và gia cầm;
- Biết kỹ thuật các đường cấp thuốc cho bò và heo;
- Thực hiện được các đường cấp thuốc cho bò và heo.

2. Nội dung:

- 2.1. Bệnh bại liệt sau khi sanh
- 2.2. Bệnh mềm xương – còi xương
- 2.3. Chứng thiếu kẽm (Zn)

Chương 9: Bệnh ở hệ thần kinh

Thời gian: 2 giờ (LT:2 giờ)

1. Mục tiêu:
 - Chẩn đoán được các bệnh xảy ra ở hệ thần kinh;
 - Điều trị được các bệnh ở hệ thần kinh.
2. Nội dung:
 - 2.1. Co giật lợn con
 - 2.2. Cảm nắng – cảm nóng
 - 2.3. Trúng độc

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, trại thực nghiệm của trường
2. Dụng cụ và trang bị: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, thiết bị, mẫu.
4. Các điều kiện khác: Không

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:
 - Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận và các bài thu hoạch thực hành, học sinh cần đạt các yêu cầu của những nội dung sau:
 - + Những kiến thức cơ bản về bệnh học;
 - + Các phương pháp chẩn đoán bệnh;
 - + Các bệnh nội khoa trên gia súc.
 - Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành các bài thực hành sau:
 - + Biết cầm cột gia súc;
 - + Thực hiện được các đường cấp thuốc cho gia súc và gia cầm;
 - + Biết khám bệnh và điều trị được các bệnh nội khoa trên gia súc.
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
 - + Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng của chương trình: Chương trình môn học Chẩn đoán và bệnh nội khoa dùng để giảng dạy trình độ Trung cấp ngành Chăn nuôi- Thú y.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế đời sống sản xuất, nó cung cấp kiến thức chuyên môn cho ngành Chăn nuôi- Thú y. Vì vậy nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Tăng cường thảo luận, luyện tập tình huống nếu có gia súc bị bệnh nhằm mục đích củng cố, ghi nhớ, khắc sâu kiến thức đã học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Chương 3, Chương 4, Chương 5 và những bài thực hành kiến thức sát với thực tế.

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Hồ Văn Nam, Phạm Gia Ninh, 2012. *Giáo trình chẩn đoán và bệnh nội khoa gia súc*. Tủ sách Trường Đại học Nông Nghiệp I Hà Nội.

- Hồ Văn Nam, 2002. *Giáo trình chẩn đoán bệnh không lây*. Hà Nội: NXB Nông Nghiệp.

- Hồ Văn Nam, Nguyễn Thị Đào Nguyên, Phạm Ngọc Thạch, 1997. *Bệnh nội khoa gia súc*. Hà Nội: NXB Nông Nghiệp.

- Lưu Trọng Hiếu, 2007. *Sinh lý gia súc*. Tủ sách Trường Đại học Nông Lâm, Tp Hồ Chí Minh.

- Phạm Gia Ninh, 2005. *Giáo trình bệnh nội khoa gia súc*. Tủ sách Trường Đại học Nông Nghiệp I Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: PHÁP LUẬT CHUYÊN NGÀNH CHĂN NUÔI – THÚ Y

Mã môn học: MH02187

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 1 (hệ THCS)
- Tính chất môn học: Là môn học cơ sở bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Về kiến thức: Giải thích được các khái niệm, các thuật ngữ pháp luật lĩnh vực chăn nuôi thú y.
- Về kỹ năng: Nắm rõ các thông tư; nghị định về chăn nuôi và thú y.
- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: Thể hiện ý thức công dân, rèn luyện tác phong sống, tuân thủ các quy định có liên quan đến chăn nuôi thú y.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
1	Chương 1: Luật thú Y 1.1. Những qui định chung 1.2. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ; kiểm tra vệ sinh thú y 1.3. Quản lý thuốc thú y 1.4. Hành nghề thú y	8	7	1
2	Chương 2: Pháp lệnh giống vật nuôi 2.1. Những qui định chung 2.2. Quản lý bảo tồn nguồn gen vật nuôi 2.3. Nghiên cứu, chọn, tạo, khảo nghiệm và công nhận giống vật nuôi mới 2.4. Sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi 2.5. Quản lý chất lượng giống vật nuôi	4	4	
3	Chương 3: Nghị định của chính phủ về xử phạt hành chính 3.1. Những qui định chung	6	6	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	3.2. Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực thú y 3.3. Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực giống vật nuôi			
4	Chương 4: Thông tư 07/2016/TT-BNN PTNT về phòng chống dịch bệnh động vật trên cạn 4.1. Những qui định chung 4.2. Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn	2	2	
5	Chương 5: Thông tư 14/2016/ TT-BNNPTNT qui định về vùng cơ sở an toàn dịch bệnh 5.1. Những qui định chung 5.2. Vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn 5.3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký chứng nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh	8	7	1
6	Chương 6: Nghị định 41/2017/NĐ-CP. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi - Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 119/2013/NĐ-CP	2	2	
	Cộng	30	28	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Luật thú Y

Thời gian: 8 giờ (LT:4 giờ, KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được các quy định về luật thú y;
- Hiểu và thực hiện được các quy định về thú y.

2. Nội dung:

2.1. Những qui định chung

2.2. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ; kiểm tra vệ sinh thú y

2.3. Quản lý thuốc thú y

2.4. Hành nghề thú y

Chương 2: Pháp lệnh giống vật nuôi

Thời gian: 4 giờ (LT:4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được những qui định trong quản lý giống vật nuôi.

2. Nội dung:

2.1. Những qui định chung

2.2. Quản lý bảo tồn nguồn gen vật nuôi

2.3. Nghiên cứu, chọn, tạo,, khảo nghiệm và công nhận giống vật nuôi mới

2.4. Sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi

2.5. Quản lý chất lượng giống vật nuôi

Chương 3: Nghị định của chính phủ về xử phạt hành chính

Thời gian: 6 giờ (LT:6 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được những nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi;

- Hiểu và thực hiện các nghị định có liên quan.

2. Nội dung:

2.1. Những qui định chung

2.2. Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực thú y

2.3. Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực giống vật nuôi

Chương 4: Thông tư 07/2016/TT-BNN PTNT về phòng chống dịch bệnh động vật trên cạn

Thời gian: 2 giờ (LT:2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được thông tư về phòng chống dịch bệnh động vật trên cạn;

- Hiểu và thực hiện các thông tư về chống dịch bệnh động vật trên cạn.

2. Nội dung:

2.1. Những qui định chung

2.2. Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn

Chương 5: Thông tư 14/2016/ TT-BNNPTNT qui định về vùng cơ sở an toàn dịch bệnh

Thời gian: 8 giờ (LT:7 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được thông tư qui định về vùng cơ sở an toàn dịch bệnh;
- Hiểu và thực hiện các qui định về vùng cơ sở an toàn dịch bệnh.

2. Nội dung:

2.1. Những qui định chung

2.2. Vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn

2.3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký chứng nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh

Chương 6: Nghị định 41/2017/NĐ-CP. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y; giống vật nuôi; thức ăn chăn nuôi

Thời gian: 2 giờ (LT:2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt qui định hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi.

2. Nội dung:

- Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 119/2013/NĐ-CP

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, màn hình, hệ thống âm thanh...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, thiết bị, hình ảnh những hành vi vi phạm lĩnh vực thú y.

4. Các điều kiện khác: không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau: Hệ thống kiến thức cơ bản các quy định của pháp luật trong việc phòng bệnh, chữa bệnh cho động vật, chống dịch bệnh động vật; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y; quản lý thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dùng trong thú y và hành nghề thú y.

- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thảo luận các tình huống pháp luật.

- Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

2. Phương pháp:

Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Pháp luật được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp ngành Chăn nuôi - thú y.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Môn pháp luật chuyên ngành CNTY là môn khoa học cơ sở. Môn học cung cấp những kiến thức về các khái niệm, các thuật ngữ pháp luật lĩnh vực chăn nuôi thú y. Nắm rõ các thông tư, nghị định về chăn nuôi và thú y.

- Đây là môn học gắn liền với thực tế đời sống, nhằm mục tiêu giáo dục toàn diện người lao động trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và trong cộng đồng. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với học sinh: Tăng cường thảo luận, luyện tập tình huống pháp luật nhằm mục đích củng cố, ghi nhớ, khắc sâu kiến thức đã học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Chương 1, Chương 4 và Chương 5 là những kiến thức sát nhất với đối tượng người học

4. Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Ngọc Dũng, 2004. *Tìm hiểu Pháp Lệnh Thú y*, NXB Chính Trị Quốc Gia.

- Ngô thị Hòa, 2005. *Giáo trình pháp lệnh thú y và kiểm nghiệm sản phẩm vật nuôi*, NXB Hà Nội

- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015

- Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 *Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn*

- Thông tư 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 *Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật*

- Nghị định 41/2017/NĐ-CP ngày 5 tháng 4 năm 2017 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: CHĂN NUÔI GIA CẦM

Mã môn học: MH02038

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành 28 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 3 (hệ THCS).
- Tính chất môn học: Là môn học chuyên môn bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Về kiến thức: Hiểu được cách chọn gia cầm để nuôi, kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, quy trình phòng bệnh và trị bệnh cho gia cầm.
- Về kỹ năng:
 - + Biết được việc chọn gia cầm giống, kỹ thuật chăm sóc và nuôi dưỡng gia cầm;
 - + Thực hiện được quy trình phòng bệnh và trị bệnh cho gia cầm.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với học phần.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Nguồn gốc và sự thuần hóa gia cầm 1.1. Giới thiệu một số đặc điểm và quá trình sinh trưởng của giống gà và vịt ở địa phương 1.2. Giới thiệu một số đặc điểm và quá trình sinh trưởng của giống gà và vịt nhập ngoại	1	1		
2	Bài 2: Chuồng trại và dụng cụ chăn nuôi 2.1. Giới thiệu một số kiểu chuồng kín và kiểu chuồng hở 2.2. Giới thiệu một số kiểu máng ăn, máng uống tự động và bán tự động	1	1		
3	Bài 3 :Kỹ thuật ấp gia cầm 3.1. Chọn, bảo quản và vận chuyển trứng ấp 3.2. Máy ấp và máy nở gia cầm	16	3	12	1

Số TT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	3.3. Quy trình ấp trứng bằng máy 3.4. Kiểm tra sinh vật học trứng ấp 3.5. Một số bệnh lý thường gặp ở ấp trứng bằng máy 3.6. Ưu, nhược điểm ấp trứng bằng máy 3.7. Thực hành				
4	Bài 4 : Kỹ thuật úm và nuôi gà 4.1. Kỹ thuật nuôi úm gà con 4.2. Gà nuôi thả vườn 4.3. Gà nuôi nhốt 4.4. Gà nuôi bán công nghiệp 4.5. Kỹ thuật nuôi gà thịt 4.6. Kỹ thuật nuôi gà đẻ 4.7. Một số bệnh thường gặp trên gà 4.8. Thực hành	13	4	8	1
5	Bài 5: Kỹ thuật úm và nuôi vịt 5.1. Kỹ thuật nuôi úm vịt con trên lồng 5.2. Kỹ thuật nuôi úm vịt con dưới nền 5.3. Kỹ thuật nuôi úm vịt con dưới nền có sử dụng đệm lót sinh học 5.4. Kỹ thuật nuôi vịt thịt 5.5. Kỹ thuật nuôi vịt đẻ 5.6. Một số bệnh thường gặp trên vịt 5.7. Thực hành	7	3	4	
6	Bài 6: Kỹ thuật nuôi cút 6.1. Giới thiệu một số giống cút 6.2. Kỹ thuật nuôi úm cút con 6.3. Kỹ thuật nuôi cút thịt 6.4. Kỹ thuật nuôi cút hậu bị và cút đẻ 6.5. Một số bệnh thường gặp ở cút con, cút thịt và cút đẻ 6.6. Thực hành	7	3	4	

Số TT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Cộng	45	15	28	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Nguồn gốc và sự thuần hóa gia cầm

Thời gian: 1 giờ (LT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được nguồn gốc các giống gia cầm nội và nhập ngoại;
- Hiểu được đặc điểm sinh trưởng của các giống gia cầm nội và nhập ngoại.

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu nguồn gốc một số giống gia cầm nội và nhập ngoại

2.2. Giới thiệu một số đặc điểm sinh trưởng của giống gia cầm nội và nhập ngoại

Bài 2: Chuồng trại và dụng cụ chăn nuôi

Thời gian: 1 giờ (LT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được một số kiểu nuôi gia cầm phổ biến;
- Thiết kế và xây dựng được các kiểu chuồng nuôi gia cầm.

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu một số kiểu chuồng nuôi gia cầm phổ biến

2.2. Giới thiệu một số dụng cụ chăn nuôi gia cầm

Bài 3: Kỹ thuật ấp trứng gia cầm

Thời gian: 16 giờ (LT:3 giờ; TH:12 giờ; KT:1 giờ)

1 Mục tiêu:

- Hiểu được cách lựa chọn, bảo quản trứng, kỹ thuật ấp trứng bằng máy;
- Hiểu và trình bày được cách lựa chọn trứng, bảo quản trứng, ấp trứng gia cầm bằng máy;
- Biết cách chọn trứng gia cầm để ấp;
- Thực hiện việc ấp trứng gia cầm;
- Biết kỹ thuật soi trứng trong quá trình ấp;
- Thực hiện được kỹ thuật soi trứng trong quá trình ấp.
- Biết cách xây dựng lò ấp và kỹ thuật ấp trứng vịt.

2. Nội dung:

2.1. Chọn, bảo quản và vận chuyển trứng ấp

2.2. Máy ấp và máy nở gia cầm

- 2.3. Kỹ thuật ấp trứng bằng phương pháp trứng ấp trứng và bằng máy
- 2.4. Kiểm tra sinh vật học trứng ấp
- 2.5. Một số bệnh lý thường gặp ở gia cầm con khi ấp trứng bằng máy
- 2.6. Ưu, nhược điểm ấp trứng bằng máy
- 2.7. Thực hành

Bài 4: Kỹ thuật úm và nuôi gà

Thời gian: 13 giờ (LT:4 giờ; TH:8 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết kỹ thuật úm gà và nuôi gà;
- Hiểu được qui trình chăm sóc và nuôi dưỡng gà;
- Biết được phương pháp mổ và khảo sát đánh giá chất lượng thịt gia cầm;
- Đá- Biết cách xây dựng chuồng trại nuôi gà;
- Biết quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng bệnh cho gà.nh giá được chất lượng thịt gia cầm.
- Biết cách xây dựng chuồng trại nuôi gà;
- Biết quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng bệnh cho gà.

2. Nội dung:

- 2.1. Kỹ thuật nuôi úm gà con
- 2.2. Gà nuôi thả vườn
- 2.3. Gà nuôi nhốt
- 2.4. Gà nuôi bán công nghiệp
- 2.5. Kỹ thuật nuôi gà thịt
- 2.6. Kỹ thuật nuôi gà đẻ
- 2.7. Một số bệnh thường gặp trên gà
- 2.8. Thực hành

Bài 5: Kỹ thuật úm và nuôi vịt

Thời gian: 7 giờ (LT:3 giờ; TH:4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết kỹ thuật úm vịt và nuôi vịt;
- Hiểu được qui trình chăm sóc và nuôi dưỡng vịt.

2. Nội dung:

- 2.1.Kỹ thuật nuôi úm vịt con trên lồng
- 2.2. Kỹ thuật nuôi úm vịt con dưới nền
- 2.3. Kỹ thuật nuôi úm vịt con dưới nền có sử dụng đệm lót sinh học
- 2.4. Kỹ thuật nuôi vịt thịt

- 2.5. Kỹ thuật nuôi vịt đẻ
- 2.6. Một số bệnh thường gặp trên vịt
- 2.7. Thực hành

Bài 6: Kỹ thuật nuôi cút

Thời gian: 7 giờ (LT:3 giờ; TH:4 giờ)

1. Mục tiêu:
 - Biết kỹ thuật úm và nuôi cút;
 - Hiểu được quy trình chăm sóc và nuôi dưỡng cút.
 - Biết được quy trình chăm sóc và nuôi dưỡng cút con, cút thịt và cút đẻ;
 - Hiểu được quy trình chăm sóc và nuôi dưỡng cút con, cút thịt và cút đẻ.
2. Nội dung:
 - 2.1. Giới thiệu một số giống cút
 - 2.2. Kỹ thuật nuôi úm cút con
 - 2.3. Kỹ thuật nuôi cút thịt
 - 2.4. Kỹ thuật nuôi cút hậu bị và cút đẻ
 - 2.5. Một số bệnh thường gặp ở cút con, cút thịt và cút đẻ
 - 2.6. Thực hành

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, trại thực nghiệm
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, thiết bị, mẫu.
4. Các điều kiện khác: không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:
 - Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu.
 - + Hiểu được các kỹ thuật ấp trứng;
 - + Biết được phương pháp chăm sóc nuôi dưỡng và phòng bệnh cho gia cầm.
 - Kỹ năng: Vận dụng các kiến thức đã học trong phòng - trị bệnh cho gà và vịt.
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu.
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
 - + Chuyên cần, say mê môn học.
2. Phương pháp:

Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học chăn nuôi gia cầm được sử dụng để giảng dạy trình độ Trung cấp ngành Chăn nuôi- Thú y.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế công tác sau khi tốt nghiệp. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Bài 3, bài 4, bài 5, bài 6.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bùi Đức Lũng, Nguyễn Xuân Sơn, 1999. *Ấp trứng gia cầm*. Hà Nội: Nxb Nông nghiệp.

- Bùi Xuân Mến, 2000. *Bài giảng chăn nuôi vịt*. Khoa Nông nghiệp, Đại học Cần Thơ.

- Dương Thanh Liêm, 1997. *Nuôi gà công nghiệp*. NXB Nông nghiệp

- Đào Đức Long, Trần Long, 1995. *Ấp trứng gà và úm gà con*. NXB Nông nghiệp.

- Đào Đức Long, Nguyễn Chí Bảo, 1985. *Nuôi Vịt Ngỗng chăn thả*. NXB Nông nghiệp.

- Lã Thị Thu Minh, 2000. *Bài giảng Chăn nuôi Gia Cầm*. Khoa Nông nghiệp, Đại học Cần Thơ.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: CHĂN NUÔI HEO

Mã môn học: MH02039

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; thực hành: 28 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 3 (hệ THCS).
- Tính chất môn học: Là môn học chuyên môn bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Về Kiến thức: Hiểu được cách tổ chức quản lý, tự xây dựng một trang trại để chăn nuôi, chăm sóc và nuôi dưỡng các loại heo.

- Về Kỹ năng:

+ Thực hiện việc chăm sóc nuôi dưỡng heo con, heo thịt, nái mang thai và biết cách phòng một số bệnh cho heo;

+ Xây dựng được chuồng trại trong chăn nuôi heo.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với học phần.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Nhập môn chăn nuôi heo 1.1. Tình hình chăn nuôi heo trong nước 1.2. Tình hình chăn nuôi heo ngoài nước	1	1		
2	Bài 2 : Giới thiệu một số giống heo nội và giống heo ngoại 2.1. Giống heo nội 2.2. Giống heo ngoại 2.3. Công tác lai tạo giống 2.4. Thực hành	5	1	4	
3	Bài 3 : Xây dựng chuồng trại 3.1. Giới thiệu một số kiểu chuồng kin và chuồng hở	1	1		

Số TT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	3.2. Một số loại máng ăn tự động và bán tự động 3.3. Cách xây dựng chuồng trại				
4	Bài 4 : Kỹ thuật nuôi heo nọc 4.1. Nuôi heo đực hậu bị 4.2. Nuôi heo nọc 4.3. Chế độ dinh dưỡng cho heo nọc 4.4.. Chăm sóc và quản lý nọc giống 4.5. Thực hành	8	3	4	1
5	Bài 5: Kỹ thuật nuôi heo nái mang thai và nuôi con 5.1. Đặc điểm sinh lý của heo cái 5.2.Chế độ dinh dưỡng cho heo hậu bị, heo nái mang thai 5.3. Chế độ dinh dưỡng cho heo nái đẻ và nuôi con 5.4. Thực hành	18	6	12	
6	Bài 6: Kỹ thuật nuôi heo thịt 6.1. Chế độ dinh dưỡng cho heo thịt 6.2. Chăm sóc heo thịt 6.3. Thực hành	12	3	8	1
	Cộng	45	15	28	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1:Nhập môn chăn nuôi heo

Thời gian: 1 giờ (LT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được tình hình chăn nuôi ở trong nước và thế giới;
- Giúp người học nắm bắt tình hình chăn nuôi thực tế để phát triển đàn.

2. Nội dung:

2.1. Tình hình chăn nuôi heo trong nước

2.2. Tình hình chăn nuôi heo ngoài nước

Bài 2:Giới thiệu một số giống heo nội và giống heo ngoại

Thời gian: 5 giờ (LT:1 giờ; TH:4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được những giống heo nội và heo nhập ngoại;
- Phân biệt được các giống heo nội và ngoại;
- Phân biệt được ngoại hình các giống heo;
- Biết cách chọn một giống heo để làm giống.

2. Nội dung:

2.1. Giống heo nội

2.2. Giống heo ngoại

2.3. Công tác lai tạo giống

2.4. Thực hành

Bài 3: Xây dựng chuồng trại

Thời gian: 1 giờ (LT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được cách chọn địa điểm, hướng chuồng để xây trại và tầm quan trọng của các kiểu chuồng trong chăn nuôi heo;
- Biết tác dụng của một số loại máng ăn, máng uống tự động.

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu một số kiểu chuồng kín và chuồng hở

2.2. Một số loại máng ăn tự động và bán tự động

2.3. Cách xây dựng chuồng trại

Bài 4: Kỹ thuật nuôi heo nọc

Thời gian: 8 giờ (LT:3 giờ; TH:4 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết cách chọn một heo nọc tốt và chăm sóc và nuôi dưỡng heo nọc;
- Hiểu được cách phòng và điều trị một số bệnh thường gặp trên heo nọc;
- Biết được cách chọn heo đực để làm giống;
- Thực hiện được quy trình phòng bệnh cho nọc;
- Hiểu được tầm quan trọng và ứng dụng phần mềm này vào trong chăn nuôi thực tế;
- Thực hiện được việc xây dựng khẩu phần trên phần mềm Ultramix.

2. Nội dung:

2.1. Nuôi heo đực hậu bị

2.2. Nuôi heo nọc

2.3. Chế độ dinh dưỡng cho heo nọc

2.4. Chăm sóc và quản lý nọc giống

2.5. Thực hành

Bài 5: Kỹ thuật nuôi heo nái mang thai và nuôi con

Thời gian: 18 giờ (LT:6 giờ; TH:12 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết cách chọn, chăm sóc và nuôi dưỡng một heo cái hậu bị;
- Hiểu được qui trình chăm sóc và nuôi dưỡng heo nái mang thai và nuôi con;
- Thực hiện được quy trình phòng bệnh cho nái;
- Biết cách chọn một số thực liệu;
- Thực hiện được việc nhập các thực liệu vào máy;
- Biết cách chuyển heo nái mang thai sang chuồng đẻ;
- Thực hiện được việc chuyển heo nái mang thai sang chuồng đẻ .

2. Nội dung:

2.1. Đặc điểm sinh lý của heo cái

2.2. Chế độ dinh dưỡng cho heo hậu bị, heo nái mang thai

2.3. Chế độ dinh dưỡng cho heo nái đẻ và nuôi con

2.4. Thực hành

Bài 6: Kỹ thuật nuôi heo thịt

Thời gian: 12 giờ (LT:3 giờ; TH:8 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được sinh lý tiêu hóa của heo sau cai sữa;
- Hiểu được qui trình chăm sóc và tác động thức ăn cho heo ở từng giai đoạn;
- Biết được những giống heo nội và heo nhập ngoại;
- Thực hiện được việc chọn lọc, lai tạo và làm tươi máu những giống có chất lượng cao;
- Biết chọn thực liệu làm thức ăn đậm đặc;
- Biết giá trị dinh dưỡng của thực liệu;
- Xây dựng được công thức thức ăn đậm đặc.

2. Nội dung:

2.1. Chế độ dinh dưỡng cho heo thịt

2.2. Chăm sóc và nuôi dưỡng heo thịt

2.3. Thực hành

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, trại chăn nuôi thực nghiệm của trường.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, màn hình, hệ thống âm thanh...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, thiết bị, mẫu.

4. Các điều kiện khác: không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu; Hiểu được các cách chăm sóc heo nọc, heo nái mang thai, heo nái nuôi con và heo thịt.

- Kỹ năng: Thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng - trị bệnh cho heo nọc, heo nái mang thai, heo nái nuôi con và heo thịt.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học chăn nuôi heo được sử dụng để giảng dạy trình độ Trung cấp trong trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật An Giang.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế công tác sau khi tốt nghiệp. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Bài 3, bài 4, bài 5, bài 6.

4. Tài liệu tham khảo:

- Đặng Tinh, 2007. *Cách chọn heo đực giống*. Báo Nông nghiệp.
- Đào Trọng Đạt, Huỳnh Văn Kháng, Lê Mỹ Ngọc, Phan Thanh Phương, 2001. *Bệnh ở lợn nái và lợn con*. NXB Nông nghiệp Hà Nội.
- Nguyễn Quang Linh, 2005. *Kỹ Thuật Chăn Nuôi Lợn*. NXB Nông Nghiệp.
- Trần Văn Phùng, 2009. *Giáo trình chăn nuôi lợn*. NXB Nông Nghiệp Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: NGOẠI VÀ SẢN KHOA

Mã môn học: MH03180

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; thực hành: 28 giờ; kiểm tra: 3 giờ).

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 3 (hệ THCS).
- Tính chất môn học: Là môn học chuyên môn bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Về kiến thức:
 - + Hiểu được những kiến thức cơ bản về ngoại khoa và sản khoa;
 - + Vận dụng được trong xử lý các ca giải phẫu, xử lý được các tình huống về lĩnh vực ngoại khoa cho gia súc;
 - + Vận dụng được trong việc đỡ đẻ cho gia súc và phòng, trị bệnh sản khoa ở gia súc.
- Về kỹ năng:
 - + Thực hiện được các ca ngoại khoa như: mổ lấy thai, mổ hernia, thiến gia súc đực cái, xử lý gia súc bị sa trực tràng;
 - + Thực hiện được các ca đỡ đẻ cho gia súc và phòng, trị bệnh cho gia súc.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với học phần.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Chương trình giảng dạy và phân bổ thời gian					
Số TT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
PHẦN 1: NGOẠI KHOA		40	15	24	1
1	Bài 1: Phẫu thuật ngoại khoa 1.1. Gây mê, gây tê 1.2. Dụng cụ giải phẫu, phương pháp vô trùng dụng cụ 1.3. Kim chỉ giải phẫu, các đường may cơ bản thường dùng 1.4. Một số phương pháp cầm cột gia súc 1.5. Thực hành	11	7	4	

Số TT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
2	Bài 2: Ứng dụng phẫu thuật ngoại khoa 2.1. Thiến gia súc đực 2.2. Thiến gia súc cái 2.3. Áp xe (Abseess) 2.4. Sa trực tràng 2.5. Mổ lấy thai 2.6. Mổ heo bị thoát vị qua rốn (Hernia rốn) 2.7. Mổ heo bị thoát vị qua bao dịch hoàn (Hernia âm nang) 2.8. Thiến gà trống 2.9. Thực hành	29	8	20	1
PHẦN 2: SẢN KHOA		20	14	4	2
3	Bài 3: Chăm sóc và đỡ đẻ cho gia súc 3.1. Công việc chuẩn bị 3.2. Đỡ đẻ gia súc và chăm sóc gia súc mẹ, gia súc con trong quá trình đẻ 3.3. Thực hành	9	4	4	1
4	Bài 4: Chăm sóc gia súc mẹ, gia súc con sau khi sinh 4.1. Chăm sóc gia súc mẹ 4.2. Chăm sóc gia súc con sau khi sinh	3	3		
5	Bài 5: Bệnh sản khoa 5.1. Bệnh ở thời kỳ mang thai 5.2. Bệnh ở thời kỳ sinh đẻ 5.3. Bệnh sau khi sinh ở gia súc 5.4. Bệnh vô sinh	8	7		1
	Cộng	60	29	28	3

2. Nội dung chi tiết:

PHẦN 1: NGOẠI KHOA

Bài 1: Phẫu thuật ngoại khoa

Thời gian: 11 giờ (LT:7 giờ; TH:4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được thuốc mê, thuốc tiền mê, thuốc tê và biết sử dụng những dụng cụ đơn giản thường dùng, cách cầm cột gia súc để thực hiện trong ngoại khoa;

- Biết được các thao tác cấp thuốc mê, thuốc tiền mê, thuốc tê; cầm cột gia súc và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ thường dùng;

- Biết được cách chuẩn bị, cách sát trùng, cách sử dụng dụng cụ đơn giản thường dùng;

- Thực hiện được cách chuẩn bị, cách sát trùng, cách sử dụng dụng cụ đơn giản thường dùng.

2. Nội dung:

2.1. Gây mê, gây tê

2.2. Dụng cụ giải phẫu, phương pháp vô trùng dụng cụ

2.3. Kim chỉ giải phẫu, các đường may cơ bản thường dùng

2.4. Một số phương pháp cầm cột gia súc

2.5. Thực hành

Bài 2: Ứng dụng phẫu thuật ngoại khoa

Thời gian: 29 giờ (LT:8 giờ; TH:20 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được những ứng dụng phẫu thuật ngoại khoa;

- Biết được các thao tác kỹ thuật để xử lý bệnh ngoại khoa;

- Trình bày được các đường may và cột nút cơ bản thường dùng trong giải phẫu;

- Thực hiện được các đường may cơ bản và cột nút thường dùng trong giải phẫu.

- Biết được phương pháp thiến heo đực, thiến heo đực dịch hoàn ẩn và phương pháp cầm cột heo đực để thiến;

- Thực hiện được phương pháp thiến heo đực, thiến heo đực dịch hoàn ẩn và phương pháp cầm cột heo đực để thiến.

- Biết được phương pháp thiến heo cái và phẫu thuật hernia cho heo;

- Thực hiện được phương pháp thiến heo cái và phẫu thuật hernia cho heo.

- Biết được phương pháp thiến gà trống;

- Thực hiện được phương pháp thiến gà trống.

- Biết được phương pháp thiến chó cái;

- Thực hiện được phương pháp thiến chó cái

2. Nội dung:

2.1. Thiến gia súc đực

2.2. Thiến gia súc cái

2.3. Áp xe (Abscess)

2.4. Sa trực tràng

2.5. Mổ lấy thai

2.6. Mổ heo bị thoát vị qua rốn (Hernia rốn)

2.7. Mổ heo bị thoát vị qua bao dịch hoàn (Hernia âm nang)

2.8. Thiến gà trống

2.9. Thực hành

PHẦN 2: SẢN KHOA

Bài 3: Chăm sóc và đỡ đẻ cho gia súc

Thời gian: 9 giờ (LT:4 giờ; TH:4 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được những phương pháp, những kỹ thuật về chăm sóc và đỡ đẻ cho gia súc;
- Hiểu được các thao tác kỹ thuật khi đỡ đẻ và chăm sóc cho gia súc;
- Biết được phương pháp đỡ đẻ và sản sóc heo mẹ, heo con;
- Thực hiện được phương pháp đỡ đẻ và sản sóc heo mẹ, heo con.

2. Nội dung:

2.1. Công việc chuẩn bị

2.2. Đỡ đẻ gia súc và chăm sóc gia súc mẹ, gia súc con trong quá trình đẻ

2.3. Thực hành

Bài 4: Chăm sóc gia súc mẹ, gia súc con sau khi sinh

Thời gian: 3 giờ (LT:3 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được những phương pháp, những kỹ thuật về chăm sóc gia súc mẹ, gia súc con sau khi sinh;
- Hiểu được các thao tác kỹ thuật khi chăm sóc cho gia súc mẹ, gia súc con sau khi sinh.

2. Nội dung:

2.1. Chăm sóc gia súc mẹ

2.2. Chăm sóc gia súc con sau khi sinh

Bài 5: Bệnh sản khoa

Thời gian: 8 giờ (LT:7 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được những bệnh sản khoa thường hay xảy ra trên gia súc;
- Hiểu được các thao tác kỹ thuật trong xử lý, điều trị khi gặp các ca về bệnh sản khoa và đưa ra được những biện pháp phòng tránh hữu hiệu.

2. Nội dung:

2.1. Bệnh ở thời kỳ mang thai

2.2. Bệnh ở thời kỳ sinh đẻ

2.3. Bệnh sau khi sinh ở gia súc

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, trại chăn nuôi thực nghiệm.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, phim, tranh ảnh minh họa các tình huống, dụng cụ thiết bị chuyên dùng, mẫu.

4. Các điều kiện khác: không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu:

+ Vận dụng được trong xử lý các ca giải phẫu, xử lý được các tình huống về lĩnh vực ngoại khoa cho gia súc;

+ Vận dụng được trong đỡ đẻ cho gia súc và phòng, trị bệnh sản khoa ở gia súc.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện được các ca ngoại khoa như: mổ lấy thai, mổ hernia, thiến gia súc đực cái, xử lý gia súc bị sa trực tràng,...;

+ Thực hiện được các ca đỡ đẻ cho gia súc và phòng, trị bệnh sản khoa cho gia súc.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Ngoại và sản khoa gia súc được sử dụng để giảng dạy trình độ Trung cấp, ngành Chăn nuôi – Thú y.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế công tác sau khi tốt nghiệp. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Bài 2, bài 3 và bài 5.

4. Tài liệu tham khảo:

- Huỳnh Văn Kháng, 1993. *Bệnh ngoại khoa gia súc*. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

- Huỳnh Văn Kháng, 2000. *Hướng dẫn chẩn và phẫu thuật chữa bệnh cho gia súc gia cầm*. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

- Lê Văn Thọ, Lê Quang Thông, 2009. *Ngoại khoa thú y*. Khoa Chăn nuôi – Thú y. Trường đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh.

- Nguyễn Hữu Ninh, Bạch Đăng Phong, 1994. *Bệnh sinh sản gia súc*. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

- Nguyễn Danh Phương, 2002. *Ngoại sản khoa thú y*. NXB Thống kê, Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: VI SINH VÀ BỆNH TRUYỀN NHIỄM

Mã môn học: MH03304

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; thực hành: 28 giờ; kiểm tra: 3 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 2 (hệ THCS).
- Tính chất môn học: Là môn học chuyên môn bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Về kiến thức:
 - + Biết những kiến thức cơ bản về vi sinh vật học thú y như tính bắt màu, đặc tính nuôi cấy, sức đề kháng, tính gây bệnh;
 - + Biết được các biện pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm;
 - + Hiểu được nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh cũng như triệu chứng và bệnh tích của một số bệnh điển hình trên gia súc gia cầm, từ đó đưa ra phương pháp phòng và chống bệnh cho gia súc và gia cầm.
- Về kỹ năng:
 - + Thực hiện được các kỹ thuật nhuộm màu trong nghiên cứu vi sinh;
 - + Phòng chống được bệnh truyền nhiễm trên vật nuôi khi có dịch bệnh xảy ra;
 - + Chẩn đoán và điều trị được bệnh truyền nhiễm cho vật nuôi.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo;
 - + Phải có quan điểm kinh tế đúng đắn trong việc điều trị bệnh cho vật nuôi.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương vi sinh vật học thú y 1.1. Khái niệm 1.2. Nhiệm vụ môn học 1.3. Nội dung nghiên cứu	1	1		
2	Chương 2: Vi khuẩn học 2.1. Staphylococcus (Tụ cầu khuẩn) 2.2. Streptococcus (Liên cầu khuẩn)	9	4	4	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	2.3. Vi khuẩn <i>Pasteurella multocida</i> (vi khuẩn Tụ huyết trùng) 2.4. Họ vi khuẩn đường ruột 2.5. Họ Mycoplasmataceae 2.6. Thực hành				
3	Chương 3: Virus học 3.1. Virus dịch tả vịt 3.2. Virus đậu gà (Pox virus) 3.3. Virus dịch tả gà (Virus Newcastle) 3.4. Virus dịch tả heo (Pestis suum virus)	2	2		
4	Chương 4: Bệnh truyền nhiễm học đại cương 4.1. Đặc điểm của bệnh truyền nhiễm và sức đề kháng của cơ thể đối với bệnh 4.2. Quá trình sinh dịch 4.2. Phòng chống bệnh truyền nhiễm 4.4. Điều trị bệnh truyền nhiễm	4	4		
5	Chương 5: Bệnh truyền nhiễm chuyên khoa 5.1. Bệnh chung cho người và động vật 5.2. Một số bệnh truyền nhiễm trên heo 5.3. Một số bệnh truyền nhiễm trên gia cầm 5.4. Một số bệnh truyền nhiễm trên bò 5.5. Thực hành	44	18	24	2
	Cộng	60	29	28	3

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Đại cương vi sinh vật học thú y

Thời gian: 1 giờ (LT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các khái niệm cơ bản trong vi sinh thú y;
- Hiểu được những nội dung cơ bản trong nghiên cứu vi sinh vật học thú y.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Nhiệm vụ môn học

2.3. Nội dung nghiên cứu

Chương 2: Vi khuẩn học

Thời gian: 9 giờ (LT:4 giờ; TH:4giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được đặc điểm hình thái và tính bắt màu của một số vi khuẩn học thú y;
- Hiểu được các đặc tính gây bệnh của một số vi khuẩn học thú y;
- Hiểu được các biện pháp phòng trị bệnh do vi khuẩn ở vật nuôi;
- Biết được đặc điểm hình dạng một số loại vi sinh vật gây bệnh thường gặp trong chăn nuôi thú y;
- Phân biệt được một số loại vi sinh vật gây bệnh thường gặp trong chăn nuôi thú y qua đặc điểm hình thái.

2. Nội dung:

2.1. Staphylococcus (Tụ cầu khuẩn)

2.2. Streptococcus (Liên cầu khuẩn)

2.3. Vi khuẩn Pasteurella multocida (vi khuẩn Tụ huyết trùng)

2.4. Họ vi khuẩn đường ruột (Enterobacteriaceae)

2.5. Họ Mycoplasmataceae

Chương 3: Virus học

Thời gian: 2 giờ (LT:2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được các đặc tính gây bệnh của một số virus học thú y;
- Hiểu được các biện pháp phòng trị bệnh do virus ở vật nuôi.

2. Nội dung:

2.1. Virus dịch tả vịt

2.2. Virus đậu gà (Pox virus)

2.3. Virus dịch tả gà (Virus Newcastle)

2.4. Virus dịch tả heo (Pestis suum virus)

Chương 4: Bệnh truyền nhiễm học đại cương

Thời gian: 4 giờ (LT:4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết đặc điểm của bệnh truyền nhiễm và sức đề kháng của cơ thể đối với bệnh;
- Trình bày được các khái niệm cơ bản trong bệnh truyền nhiễm học thú y;
- Hiểu được các biện pháp phòng và trị chung cho các bệnh truyền nhiễm.

2. Nội dung:

2.1. Đặc điểm của bệnh truyền nhiễm và sức đề kháng của cơ thể đối với bệnh

- 2.2. Quá trình sinh dịch
- 2.3. Phòng chống bệnh truyền nhiễm
- 2.4. Điều trị bệnh truyền nhiễm

Chương 5: Bệnh truyền nhiễm chuyên khoa

Thời gian: 44 giờ (LT:18 giờ; TH:24 giờ; KT:2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được đặc tính sinh bệnh của từng loại bệnh truyền nhiễm thú y;
- Biết được triệu chứng và bệnh tích đặc trưng của từng loại bệnh;
- Thực hiện được các biện pháp phòng và trị bệnh khi có dịch bệnh xảy ra;
- Biết được phương pháp mổ khám tìm bệnh tích trên gia cầm;
- Thực hiện được phương pháp mổ khám trên gia cầm;
- Nhận diện được bệnh tích đặc trưng một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong chăn nuôi thú y;
- Phân biệt được bệnh tích đặc trưng của từng loại bệnh truyền nhiễm;
- Biết được các phương pháp sát trùng chuồng trại;
- Thực hiện được các bước sát trùng chuồng trại;
- Biết được cách quan sát triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm trên vật nuôi;
- Áp dụng được các phương pháp nhận biết triệu chứng lâm sàng trên vật nuôi mắc bệnh và chẩn đoán được bệnh trên vật nuôi;
- Biết được các đường tiêm phòng vaccine cho vật nuôi và cách sử dụng các dụng cụ tiêm phòng;
- Biết một số loại vaccine dùng để tiêm phòng cho động vật nuôi;
- Sử dụng được các loại dụng cụ và tiêm phòng được cho vật nuôi.

2. Nội dung:

- 2.1. Bệnh chung cho người và động vật
- 2.2. Một số bệnh truyền nhiễm trên heo
- 2.3. Một số bệnh truyền nhiễm trên gia cầm
- 2.4. Một số bệnh truyền nhiễm trên bò
- 2.5. Thực hành

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

- 1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, trại thực nghiệm.
- 2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, màn hình, hệ thống âm thanh...
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, thiết bị, mẫu.
- 4. Các điều kiện khác: không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu của những nội dung sau:

- + Đặc điểm hình thái của các vi sinh vật gây bệnh;
- + Đặc điểm của bệnh truyền nhiễm;
- + Biện pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm;
- + Các triệu chứng và bệnh tích đặc trưng của bệnh truyền nhiễm trên vật nuôi.

- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành các bài thực hành sau:

- + Phân biệt được các vi sinh vật gây bệnh cho động vật nuôi qua đặc điểm hình thái;
- + Thực hiện được việc chẩn đoán và điều trị bệnh trên động vật nuôi.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Vi sinh và bệnh truyền nhiễm được sử dụng để giảng dạy trình độ Trung cấp ngành Chăn nuôi – Thú y trong trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật An Giang.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Môn vi sinh và bệnh truyền nhiễm là môn học chuyên ngành. Môn học cung cấp những kiến thức về đặc điểm hình thái, tính nhuộm màu và các phương pháp nghiên cứu vi sinh vật thú y. Đặc điểm của bệnh và các biện pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm. Chẩn đoán và điều trị được các bệnh truyền nhiễm trên vật nuôi. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Chương 2, chương 3, chương 4 , chương 5 là những kiến thức sát nhất với đối tượng người học.

4. Tài liệu tham khảo:

- Hồ Thị Việt Thu, 1999. *Bài giảng bệnh truyền nhiễm gia súc*. Khoa Nông nghiệp, Đại học Cần Thơ.
- Lê Anh Phụng, 1999. *Bệnh truyền nhiễm trâu bò*. ĐH Nông Lâm Tp.HCM.
- Lê Văn Năm, Trần Văn Bình, Nguyễn Thị Hương, 1999. *Hướng dẫn phòng và trị bệnh lợn cao sản*: NXB Nông Nghiệp Hà Nội
- Lê Văn Thọ, 2000. *Giáo trình Bệnh ngoại khoa gia súc*. Khoa Chăn nuôi- thú y. Trường đại học Nông Lâm TP. HCM.
- Lương Văn Huân, Lê Hữu Khương, 1999. *Ký sinh và bệnh ký sinh ở gia súc – gia cầm*. NXB Nông Nghiệp.
- Nguyễn Vĩnh Phước, 1987. *Giáo trình bệnh truyền nhiễm gia súc*. NXB Nông Nghiệp Hà Nội.
- Phạm Sỹ Lăng, Nguyễn Bá Hiên, Huỳnh Thị Mỹ Lệ, Đỗ Ngọc Thúy, 2011. *Một số bệnh quan trọng ở lợn và biện pháp phòng trị*. NXB Hà Nội.
- Phạm Sỹ Lăng, Nguyễn Bá Hiên, Huỳnh Thị Mỹ Lệ, Đỗ Ngọc Thúy, 2011. *Chẩn đoán và phòng trị một số bệnh mới quan trọng ở gia cầm*. NXB Hà Nội.
- Phạm Sỹ Lăng, Nguyễn Bá Hiên, Trần Xuân Hạnh, Huỳnh Thị Mỹ Lệ, Đỗ Ngọc Thúy, Phạm Ngọc Thạch, Phạm Quang Thái, 2011. *Bệnh gia cầm ở Việt Nam*. NXB Hà Nội.
- Phạm Sỹ Lăng, Nguyễn Bá Hiên, Trần Xuân Hạnh, Nguyễn Kim Lan, Nguyễn Hữu Nam, Huỳnh Văn Kháng, Hoàng Văn Năm, Nguyễn Văn Quang, Nguyễn Văn Thọ, Phạm Quang Thái, 2009. *Bệnh của trâu bò*. NXB Nông nghiệp.
- Phạm Sỹ Lăng (Chủ biên), Nguyễn Bá Hiên, Huỳnh Thị Mỹ Lệ, Đỗ Ngọc Thúy, Bạch Quốc Thắng, 2011. "6 bệnh quan trọng do virus ở lợn và biện pháp phòng trị". NXB Nông nghiệp Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: BỆNH KÝ SINH GIA SÚC

Mã môn học: MH03013

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; thực hành: 28 giờ; kiểm tra: 3 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 3 (hệ THCS)
- Tính chất môn học: Môn học chuyên môn bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Về kiến thức:
 - + Hiểu đặc điểm sinh học, hình thái các ký sinh trùng thú y;
 - + Hiểu cách gây bệnh và một số bệnh ký sinh trùng trong chăn nuôi thú y.
- Về kỹ năng:
 - + Nhận dạng một số ký sinh trùng;
 - + Chẩn đoán và điều trị được bệnh ký sinh trùng.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với học phần.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Cơ sở ký sinh trùng học 1.1. Định nghĩa. 1.2. Các phương thức ký sinh. 1.3. Phân loại ký sinh. 1.4. Phân loại ký chủ. 1.5. Những phản ứng của ký chủ và ký sinh vật. 1.6. Vòng đời.	3	3		
2	Chương 2: Bệnh gây ra do các <i>Protozoa</i> 2.1. Khái niệm về nguyên sinh động vật (<i>Protozoa</i>). 2.2. Hình thái nguyên sinh động vật	11	6	4	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	(Protozoa). 2.3. Sinh học. 2.4. Các bệnh nguyên trùng.				
3	Chương 3: Bệnh gây ra do các loài sán lá (<i>Trematoda</i>) 3.1. Khái niệm về <i>Trematoda</i> . 3.2. Các bệnh sán lá.	12	4	8	
4	Chương 4: Bệnh gây ra do các loài sán dây (<i>Cestoda</i>) 4.1. Khái niệm về sán dây (<i>cestoda</i>). 4.2. Các bệnh sán dây (<i>cestoda</i>).	9	5	4	
5	Chương 5: Bệnh gây ra do các loài giun tròn (<i>Nematoda</i>) 5.1. Khái niệm về giun tròn (<i>Nematoda</i>) 5.2. Các bệnh do giun đũa	13	4	8	1
6	Chương 6: Bệnh gây ra do các động vật chân đốt (<i>Artropoda</i>) 6.1. Đại cương về <i>Arthropoda</i> . 6.2. Các bệnh cho ngành chân đốt.	12	7	4	1
7	Cộng	60	29	28	3

2. Nội dung chi tiết :

Chương 1: Cơ sở ký sinh trùng học

Thời gian: 3 giờ (LT:3 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu rõ các phương thức ký sinh, những tác hại do ký sinh trùng gây ra;
- Hiểu các hình thức ký sinh, ký chủ và vòng đời ký sinh trùng.

2. Nội dung:

2.1. Định nghĩa

2.2. Các phương thức ký sinh

2.3. Phân loại ký sinh

2.4. Phân loại ký chủ

2.5. Những phản ứng của ký chủ và ký sinh vật

2.6. Vòng đời

Chương 2: Bệnh gây ra do các *Protozoa*

Thời gian: 11 giờ (LT:6 giờ; TH:4 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu về đặc điểm hình thái, đặc tính sinh học và cách gây bệnh do nguyên trùng trên động vật nuôi;
- Biết chẩn đoán và điều trị được bệnh do nguyên trùng gây ra cho động vật;
- Hiểu được hình thái, đặc điểm sinh học một số ký sinh trùng đường máu;
- Nhận dạng và phân biệt được các loại ký sinh trùng máu.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm về nguyên sinh động vật (*Protozoa*)

2.2. Hình thái nguyên sinh động vật (*Protozoa*)

2.3. Sinh học

2.4. Các bệnh do nguyên trùng

Chương 3: Bệnh gây ra do các loài sán lá (*Trematoda*)

Thời gian: 12 giờ (LT:4 giờ; TH:8 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu về đặc điểm, hình thái, đặc tính sinh học và cách gây bệnh do các loài sán lá gây ra trên động vật;
- Biết chẩn đoán và điều trị được bệnh do các loài sán lá gây ra cho động vật;
- Nhận dạng được nội ký sinh trùng trên gia súc;
- Biết phương pháp thu thập và bảo quản phân để xét nghiệm tìm ký sinh trùng;
- Thao tác thành thạo, kết quả bảo quản tốt và đạt yêu cầu.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm về Trematoda

2.2. Các bệnh sán lá

Chương 4: Bệnh gây ra do các loài sán dây (*Cestoda*)

Thời gian: 9 giờ (LT:5 giờ; TH:4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu đặc điểm hình thái, đặc tính sinh học và cách gây bệnh do các loài sán dây gây ra trên động vật nuôi;
- Học sinh biết thu thập và bảo quản các loại ký sinh trùng;
- Định danh được ký sinh trùng.
- Biết chẩn đoán và điều trị được bệnh do các loài sán dây gây ra cho động vật nuôi.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm về sán dây (cestoda)

2.2. Các bệnh sán dây (cestoda)

Chương 5: Bệnh gây ra các loài giun tròn (*Nematoda*)

Thời gian: 13 giờ (LT:4 giờ; TH:8 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu về đặc điểm hình thái, đặc tính sinh học và cách gây bệnh do các loài giun tròn gây ra trên động vật nuôi;
- Biết chẩn đoán và điều trị được bệnh do các loài giun tròn gây ra cho động vật nuôi;
- Biết xét nghiệm phân để tìm trứng ký sinh trùng bằng phương pháp trực tiếp và gạn rửa sa lắng;
- Phân biệt được các loại ký sinh trùng: cầu trùng, sán lá gan, giun tròn;
- Biết xét nghiệm phân để tìm trứng ký sinh trùng bằng phương pháp phù nổi;
- Phân biệt được các loại ký sinh trùng: cầu trùng, sán lá gan, giun tròn.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm về giun tròn (*Nematoda*)

2.2. Các bệnh do giun đũa

Chương 6: Bệnh gây ra do các động vật chân đốt (*Artropoda*)

Thời gian: 12 giờ (LT:7 giờ; TH:4 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu về đặc điểm hình thái, đặc tính sinh học và cách gây bệnh do các loài động vật chân đốt gây ra trên động vật;
- Biết chẩn đoán và điều trị được bệnh do các loài động vật chân đốt gây ra cho động vật;
- Hiểu được hình thái, đặc điểm sinh học và cách gây bệnh của một số ngoại ký sinh trùng;
- Nhận dạng được một số ngoại ký sinh trùng trên vật nuôi như mò bao lông, cái ghê, bọ chét, ve.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương về *Arthropoda*

2.2. Các bệnh do ngành chân đốt

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, phòng thí nghiệm, trại thực nghiệm của trường.
2. Dụng cụ và trang bị: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, thiết bị, mẫu.
4. Các điều kiện khác: không

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tự luận và các bài thực hành môn học bệnh ký sinh trùng, học sinh cần đạt yêu cầu của các nội dung sau:

- + Hiểu hình thái, đặc tính sinh học, tác hại từng loại ký sinh trùng cho vật nuôi;
- + Hiểu các bệnh gây ra bởi ký sinh trùng.

- Kỹ năng: Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế chăn nuôi.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

5. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học bệnh ký sinh dùng để giảng dạy trình độ Trung cấp ngành Chăn nuôi - Thú y.

6. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế đời sống, nó giúp người học hiểu rõ sự thiệt hại của bệnh ký sinh trùng và biết cách chữa trị một cách thích hợp để đem lại hiệu quả cao. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Tăng cường thảo luận, luyện tập tình huống nếu có gia súc bị bệnh nhằm mục đích củng cố, ghi nhớ, khắc sâu kiến thức đã học.

7. Những trọng tâm cần chú ý:

Kiến thức môn học và những bài thực hành của môn đều sát với thực tế, chú trọng những bệnh ký sinh thường xảy ra trong chăn nuôi như bệnh cầu trùng gà, bệnh sán lá gan trâu bò, bệnh giun đũa heo.

8. Tài liệu tham khảo:

- Lương Văn Huân, 1999. *Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng ở gia súc gia cầm* (tập 2). Hà Nội: NXB Nông Nghiệp.

- Nguyễn Hữu Hưng, 1999. *Bài giảng ký sinh trùng thú y phần 1*. Khoa Nông nghiệp & ứng dụng, Đại học Cần Thơ.

- Phạm Văn Khuê, Phan Lục, 1996. *Ký sinh trùng thú y*. Hà Nội: NXB Nông Nghiệp.

- Phan Thế Việt (chủ biên) Nguyễn Thị Kỳ, Nguyễn Thị Lê, 1977. *Giun sán ký sinh ở động vật Việt Nam*. Hà Nội: NXB khoa học và kỹ thuật.

- Phạm sĩ Lăng, Phan Địch Lân, 2001. *Bệnh ký sinh trùng gia súc và biện pháp phòng trị*. Hà Nội: NXB Nông Nghiệp.

- Trịnh Văn Thịnh, 2007. *Ký sinh trùng thú y*. Hà Nội: NXB Nông Thôn.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: CHĂN NUÔI TRÂU BÒ – DÊ THỎ

Mã môn học: MH03040

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; thực hành: 28 giờ; kiểm tra: 3 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 3 (hệ THCS).
- Tính chất môn học: Là môn học chuyên môn bắt buộc

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Về kiến thức: Hiểu được về đặc điểm sinh học của gia súc, giống và chọn giống, nhu cầu dinh dưỡng, loại thức ăn, cách thức xây dựng chuồng nuôi và quy trình nuôi các loại trâu bò - dê thỏ.

- Về kỹ năng:

- + Biết chọn được giống trâu, bò – dê, thỏ tốt;
- + Thực hiện chăm sóc và nuôi dưỡng trâu, bò – dê, thỏ hiệu quả vào sản xuất.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nghiêm túc, cẩn thận trong học tập. Chú trọng thực hành, chú ý quan sát, ghi chép, mô tả... Chịu khó tìm hiểu tình hình kỹ thuật chăn nuôi mới.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
PHẦN 1: CHĂN NUÔI TRÂU BÒ		35	17	16	2
1	Chương 1: Đặc điểm giải phẫu sinh lý và khả năng sản xuất của trâu bò 1.1. Đặc điểm cấu tạo và hoạt động của dạ dày trâu, bò 1.2. Khả năng sản xuất của trâu, bò	2	2		
2	Chương 2: Giới thiệu một số giống và công tác giống trâu, bò ở nước ta 2.1. Giới thiệu một số giống trâu, bò 2.2. Các biện pháp quản lý trâu, bò 2.3. Phương hướng công tác giống ở nước ta hiện nay	8	4	4	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	2.4. Thực hành				
3	Chương 3: Chăn nuôi trâu, bò sinh sản 3.1. Chăn nuôi trâu, bò đực giống 3.2. Chăn nuôi trâu, bò cái giống 3.3. Nuôi dưỡng và chăm sóc trâu, bò sinh sản 3.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất sinh sản của trâu, bò	6	5		1
4	Chương 4: Chăn nuôi bò sữa 4.1. Chọn bò sữa 4.2. Nuôi dưỡng chăm sóc bò sữa 4.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến sức sản xuất sữa	3	3		
5	Chương 5: Chăn nuôi trâu, bò thịt 5.1. Đặc điểm ngoại hình trâu, bò thịt 5.2. Chuồng trại 5.3. Vỗ béo trâu, bò 5.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng thịt 5.5. Thực hành	16	3	12	1
PHẦN 2: CHĂN NUÔI DÊ THỎ		25	12	12	1
6	Chương 6: Giống và công tác giống dê, thỏ 6.1. Nguồn gốc và đặc tính sinh học của dê, thỏ 6.2. Một số giống dê, thỏ phổ biến 6.3. Kỹ thuật chọn lọc và nhân giống 6.4. Thực hành	6	2	4	
7	Chương 7: Dinh dưỡng và thức ăn của dê, thỏ 7.1. Cấu tạo bộ máy tiêu hóa dê, thỏ 7.2. Sinh lý tiêu hóa của dê, thỏ 7.3. Nhu cầu dinh dưỡng của dê, thỏ 7.4. Thức ăn cho dê, thỏ	3	3		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
8	Chương 8: Kỹ thuật làm chuồng trại nuôi dê, thỏ 8.1. Nguyên tắc xây dựng chuồng dê, thỏ 8.2. Một số kiểu chuồng nuôi dê thông dụng 8.3. Vệ sinh tiêu độc chuồng nuôi dê	2	2		
9	Chương 9: Kỹ thuật chăn nuôi dê, thỏ 9.1. Chăn nuôi dê, thỏ cái sinh sản 9.2. Chăn nuôi dê, thỏ đực giống 9.3. Nuôi dưỡng và chăm sóc dê, thỏ con 9.4. Chăn nuôi dê, thỏ hậu bị 9.5. Thực hành	14	5	8	1
	Cộng	60	29	28	3

2. Nội dung chi tiết:

PHẦN 1 : CHĂN NUÔI TRÂU BÒ

Chương 1: Đặc điểm giải phẫu sinh lý và khả năng sản xuất của trâu, bò

Thời gian: 2 giờ (LT:2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được đặc điểm sinh lý, tác dụng, cấu tạo dạ dày trâu, bò; phân biệt dạ dày của trâu bò và gia súc khác;
- Hiểu được khả năng sản xuất trâu, bò để ứng dụng trong sản xuất.

2. Nội dung:

- 2.1. Đặc điểm cấu tạo và hoạt động dạ dày trâu, bò
- 2.2. Khả năng sản xuất của trâu, bò

Chương 2: Giới thiệu một số giống và công tác giống trâu bò ở nước ta

Thời gian: 8 giờ (LT:4 giờ; TH:4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Nhận biết được giống trâu, bò trong và ngoài nước;
- Biết được các phương pháp quản lý và phối giống cho trâu, bò;
- Phân biệt được đặc điểm từng giống trâu, bò;
- Biết được 1 số mô hình chăn trâu, bò có hiệu quả.

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu một số giống trâu bò
- 2.2. Các biện pháp quản lý trâu, bò

2.3. Phương hướng công tác giống ở nước ta hiện nay

Chương 3: Chăn nuôi trâu, bò sinh sản

Thời gian: 6 giờ (LT:5 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

Hiểu được các kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng bò sinh sản.

2. Nội dung:

2.1. Chăn nuôi trâu, bò đực giống

2.2. Chăn nuôi trâu, bò cái giống

2.3. Nuôi dưỡng và chăm sóc trâu, bò sinh sản

2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất sinh sản của trâu bò

Chương 4: Chăn nuôi bò sữa

Thời gian: 3 giờ (LT:3 giờ)

1. Mục tiêu:

Hiểu được các kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng trâu, bò sữa.

2. Nội dung:

2.1. Chọn bò sữa

2.2. Nuôi dưỡng chăm sóc bò sữa

2.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến sức sản xuất sữa

Chương 5: Chăn nuôi trâu, bò thịt

Thời gian: 16 giờ (LT:3 giờ; TH:12 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được các kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng trâu, bò thịt ;
- Hiểu các loại răng trâu, bò;
- Biết được cách xem răng định tuổi trâu, bò;
- Đo được một số chiều đo trên trâu, bò
- Biết cách dùng rơm ủ với Ure cho trâu, bò ăn.
- Hiểu cách thức chăn nuôi bò ở nông hộ;
- Biết được quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng bệnh cho trâu, bò.

2. Nội dung:

2.1. Đặc điểm ngoại hình trâu, bò thịt

2.2. Chuồng trại

2.3. Vỗ béo trâu, bò

2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng thịt

PHẦN 2: CHĂN NUÔI DÊ THỎ

Chương 6: Giống và công tác giống dê, thỏ

Thời gian: 6 giờ (LT: 2 giờ; TH: 4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được các phương pháp quản lý và phối giống cho dê, thỏ ;
- Phân biệt được đặc điểm từng giống dê, thỏ;
- Biết được 1 số mô hình chăn dê, thỏ có hiệu quả..

2. Nội dung:

2.1. Nguồn gốc và đặc tính sinh học của dê thỏ

2.2. Một số giống dê thỏ phổ biến

2.3. Kỹ thuật chọn lọc và nhân giống

Chương 7: Dinh dưỡng và thức ăn của dê, thỏ

Thời gian: 3 giờ (LT: 3 giờ)

1. Mục tiêu:

- Mô tả được vị trí, cấu tạo bộ máy tiêu hóa của dê, thỏ;
- Nắm bắt được tiêu chuẩn ăn và cân bằng về dinh dưỡng.

2. Nội dung:

2.1. Cấu tạo bộ máy tiêu hóa dê, thỏ

2.2. Sinh lý tiêu hóa của dê, thỏ

2.3. Nhu cầu dinh dưỡng của dê, thỏ

2.4. Thức ăn cho dê

Chương 8: Kỹ thuật làm chuồng trại nuôi dê thỏ

Thời gian: 2 giờ (LT: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được các nguyên tắc, vị trí, phương hướng xây dựng chuồng trại phù hợp;
- Cung cấp được những kiến thức của khoa học – công nghệ mới;
- Có khả năng tự chủ và ứng dụng kiến thức vào trong sản xuất.

2. Nội dung:

2.1. Nguyên tắc xây dựng chuồng dê thỏ

2.2. Một số kiểu chuồng nuôi dê thông dụng

2.3. Vệ sinh tiêu độc chuồng nuôi dê

Chương 9: Kỹ thuật chăn nuôi dê, thỏ

Thời gian: 14 giờ (LT: 5 giờ; TH: 8 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được các kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng dê, thỏ;
- Cần thận, nhẹ nhàng trong quá trình chăm sóc nuôi dưỡng dê, thỏ trước và sau khi đẻ;

- Hiểu cách thức chăn nuôi dê, thỏ ở nông hộ;
- Biết được quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng bệnh cho dê, thỏ.
- Biết được phương pháp giết mổ dê, thỏ;
- Biết cách xác định tỷ lệ thân thịt dê, thỏ.

2. Nội dung:

- 2.1. Chăn nuôi dê, thỏ cái sinh sản
- 2.2. Chăn nuôi dê, thỏ đực giống
- 2.3. Nuôi dưỡng và chăm sóc dê, thỏ con
- 2.4. Chăn nuôi dê, thỏ hậu bị

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, trại chăn nuôi thực nghiệm
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, màn hình, hệ thống âm thanh...
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, thiết bị, mẫu.
4. Các điều kiện khác: không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:
 - + Hệ thống kiến thức chăn nuôi, tiếp thu kiến thức mới, nhằm ứng dụng kiến thức vào trong sản xuất.
 - + Quy trình nuôi và quản lý thực hành
- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
 - + Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/4/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Chăn nuôi trâu bò – dê thỏ được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp ngành Chăn nuôi - Thú y.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Môn chăn nuôi trâu, bò – dê, thỏ là môn chuyên môn bắt buộc.
- Môn học cung cấp những kiến thức về chọn giống và nhân giống vật nuôi cùng các kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng vật nuôi.
- Đây là môn học gắn liền với thực tế đời sống, nhằm mục tiêu giáo dục toàn diện người lao động trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và trong cộng đồng. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.
- Tăng cường thảo luận, đặt câu hỏi nhằm mục đích củng cố, ghi nhớ, khắc sâu kiến thức đã học.
- Đối với người học: Chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Các chương 2, chương 3, chương 5, chương 7, chương 8 và chương 10.

4. Tài liệu tham khảo:

- Chu Thị Thơm và Phan thị Lài, 2005. *Nuôi dê và thỏ trong gia đình*: NXB Lao động.
- Hồ Quảng Đồ, 2000. *Chăn nuôi dê*. Đại Học Cần Thơ
- Lê Đăng Đảnh, 2005. *Chăn nuôi dê*. TPHCM: NXB Nông nghiệp.
- Lê Viết Ly 1995. *Nuôi bò thịt và những kết quả nghiên cứu bước đầu ở Việt Nam*. Hà Nội: NXB Nông nghiệp.
- Lê Văn Thông – Nguyễn Duy Lý và Trần Quang Hân. *Nuôi dê thịt và phòng chữa bệnh*. Công ty kỹ thuật truyền giống gia súc trung ương: NXB Lao động xã hội.
- Nguyễn Quang Súc và Đinh Văn Bình, 2001. *Nuôi thỏ ở gia đình*. Hà Nội: NXB Nông nghiệp
- Nguyễn Thiện và Đinh Văn Bình, 2003. *Chăn nuôi dê sữa và dê thịt*. Viện nghiên cứu và phổ biến kiến thức bách khoa Nghệ An: NXB Nghệ An.
- Nguyễn Văn Thu, 2003. *Giáo trình chăn nuôi thỏ*. Khoa Nông nghiệp. Trường Đại học Cần Thơ.
- Nguyễn Trọng Tiến, Nguyễn Xuân Trạch, Mai Thị Thơm và Lê Văn Ban, 2001. *Giáo trình chăn nuôi trâu bò*. Hà Nội: NXB Nông nghiệp.
- Nguyễn Xuân Trạch, 2003. *Sử dụng phụ phẩm nuôi gia súc nhai lại*. Hà Nội: NXB Nông nghiệp.
- Nguyễn Thiện Và Đinh Văn Bình, 2007. *Chăn nuôi dê sữa và dê thịt*: NXB Nông nghiệp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: KỸ NĂNG MỀM

Mã môn học: MH02107

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí môn học: Kỹ năng mềm là môn học bắt buộc và thuộc nhóm kiến thức cơ sở trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Những kiến thức, kỹ năng được cung cấp của môn học là cơ sở bổ trợ để người học học tập tốt các môn học khác và để chuẩn bị tư thế, tác phong khi đi thực tập, đi làm tại cơ sở;

- Tính chất của môn học: Là môn học tích hợp giữa lý thuyết và thực hành.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Về kiến thức: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp, ứng xử có hiệu quả. Giải thích được tầm quan trọng của các kỹ năng giao tiếp đối với quá trình học tập và làm việc như: Kỹ năng nghe, nói, sử dụng điện thoại, kỹ năng đối với bản thân, đối với cộng đồng...

- Về kỹ năng: Vận dụng được các phương tiện giao tiếp. Qua đó, người học tiếp thu và rèn luyện để từng bước có những kỹ năng hình thành nhân cách văn minh lịch sự, tự tin trong giao tiếp trước khi ra trường làm việc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với môn học.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Một số vấn đề khái quát về hoạt động giao tiếp 1.1. Khái niệm về giao tiếp 1.2. Quá trình giao tiếp 1.3. Kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp	8	8		
2	Chương 2: Giao tiếp ứng xử 2.1. Ấn tượng ban đầu trong giao tiếp 2.2. Một số nghi thức giao tiếp 2.3. Kỹ năng sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc	10	9		1
3	Chương 3: Kỹ năng giao tiếp ứng xử	12	11		1

	3.1. Diện mạo người phục vụ 3.2. Quan hệ giao tiếp với khách hàng 3.3. Quan hệ giao tiếp trong tổ chức 3.4. Ứng xử với những lời phàn nàn, chê bai của khách				
	Tổng cộng	30	28		2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Một số vấn đề khái quát về hoạt động giao tiếp

Thời gian: 8 giờ (LT: 8 giờ)

1. Mục tiêu:

- Giải thích được khái niệm giao tiếp, tầm quan trọng của giao tiếp, liệt kê được một số kỹ năng giao tiếp cơ bản;
- Vận dụng việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống;
- Có thái độ coi trọng sự phát triển kỹ năng giao tiếp cho bản thân.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm về giao tiếp
- 2.2. Quá trình giao tiếp
- 2.3. Kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp

Chương 2: Giao tiếp ứng xử

Thời gian: 10 giờ (LT: 9 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Cách khắc phục một số biểu hiện tâm lý bất lợi trong lần đầu gặp gỡ;
- Cách nhìn nhận về trang phục và diện mạo cần thiết khi làm việc.

2. Nội dung:

- 2.1. Ấn tượng ban đầu trong giao tiếp
- 2.2. Một số nghi thức giao tiếp
- 2.3. Kỹ năng sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc

Chương 3: Kỹ năng giao tiếp ứng xử

Thời gian: 12 giờ (LT: 11 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những kiến thức về các kỹ năng giao tiếp thông dụng;
- Vận dụng các kỹ năng giao tiếp thông dụng vào tình huống cụ thể.

2. Nội dung:

- 2.1. Diện mạo người phục vụ
- 2.2. Quan hệ giao tiếp với khách hàng
- 2.3. Quan hệ giao tiếp trong tổ chức
- 2.4. Ứng xử với những lời phàn nàn, chê bai của khách

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phòng học

- Phòng lý thuyết, hoặc phòng hội trường có không gian trống để thực hiện các hoạt động nhóm lớn.

- Bàn ghế của học viên được bố trí sao cho học viên có thể làm việc theo các nhóm riêng biệt.

- Phòng học đảm bảo đủ điều kiện ánh sáng và thoáng mát.

2. Trang thiết bị máy móc

- Bảng, phấn, màn hình và máy projector, máy vi tính, tivi, hệ thống âm thanh, bảng lật flipchart.

- Bàn ghế đủ cho giảng viên, học viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Các loại giấy khổ A0, A1, A4, các thẻ giấy màu.

- Bút lông ghi bảng cho giảng viên và cho học viên.

- Bài giảng do giáo viên biên soạn và tài liệu phát tay cho sinh viên.

- Các tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác: Không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận người học cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

- + Hệ thống kiến thức cơ bản về phương tiện và phong cách giao tiếp;
- + Kiến thức về các kỹ năng giao tiếp và cách lập kế hoạch khi giao tiếp;
- + Kiến thức về những nguyên tắc khi giao tiếp trong môi trường tổ chức.

- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của người học thông qua việc thực hành giải quyết các tình huống kỹ năng giao tiếp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Kỹ năng mềm được sử dụng để giảng dạy ở các ngành nghề thuộc trình độ trung cấp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế, nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản kết hợp các tình huống về nguyên tắc ứng xử trong giao tiếp với các bối cảnh khác nhau. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích hợp nhằm gây được hứng thú cho người học, làm cho người học chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm chương trình môn học cần chú ý:

- Kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp; Ấn tượng ban đầu trong giao tiếp; Kỹ năng giao tiếp - ứng xử.

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Đinh Văn Đáng, 2006. *Giáo trình kỹ năng giao tiếp*. Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.

- Chu văn Đức, 2005. *Giáo trình kỹ năng giao tiếp*. Nhà xuất bản Hà Nội, 2005;

- Trịnh Quốc Trung, 2010. *Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh*. NXB Phương Đông.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022

của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: SINH THÁI NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mã môn học: MH02213

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 3 (hệ THCS).

- Tính chất môn học: Là môn học chuyên môn tự chọn.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Về kiến thức: Hiểu được những kiến thức cơ bản về sinh thái học, các quy luật sinh thái và một số ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp.

- Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức vào các học phần chuyên môn, có khả năng vận dụng kiến thức sinh thái môi trường tự nhiên vào trong các vấn đề có liên quan đến ngành Bảo vệ thực vật.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo, thích thú đối với môn học. Nghiêm túc học tập, chú ý quan sát, tập trung thảo luận nội dung bài học. Thể hiện trách nhiệm trong việc vận dụng, thực hành các biện pháp sinh thái vào sản xuất nông nghiệp nhằm hạn chế tác động xấu đến môi trường sinh thái.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
1	Chương 1: Tổng quan về Sinh thái học 1.1. Khái niệm và cấu trúc Sinh thái học 1.2. Quy luật tác động số lượng của các nhân tố sinh thái 1.3. Ảnh hưởng của nhân tố vô sinh lên cơ thể sinh vật và sự thích nghi của chúng 1.4. Mối quan hệ giữa môi trường và con người 1.5. Ý nghĩa của Sinh thái học trong đời sống và sản xuất nông nghiệp	2	2	
2	Chương 2: Quần thể sinh vật 2.1. Khái niệm và phân loại quần thể sinh vật 2.2. Những đặc trưng cơ bản của quần thể	4	4	
3	Chương 3: Quần xã sinh vật	5	4	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	3.1. Khái niệm và đặc điểm của quần xã sinh vật 3.2. Hoạt động cơ bản của quần xã 3.3. Diễn thế sinh thái 3.4. Khống chế sinh học và cân bằng sinh thái			
4	Chương 4: Hệ sinh thái 4.1. Khái niệm và cấu trúc của hệ sinh thái 4.2. Đặc điểm và những hoạt động cơ bản của hệ sinh thái 4.3. Khả năng tự điều chỉnh của hệ sinh thái	4	4	
5	Chương 5: Hệ sinh thái nông nghiệp 5.1. Khái niệm hệ sinh thái nông nghiệp 5.2. Đặc điểm và những hoạt động cơ bản của hệ sinh thái nông nghiệp 5.3. Tính chất của hệ sinh thái nông nghiệp 5.4. Mối quan hệ giữa hệ sinh thái nông nghiệp và hệ thống xã hội	5	4	
6	Chương 6: Sinh thái học và sự phát triển nông nghiệp 6.1. Mô hình sinh thái nông nghiệp 6.2. Điều khiển hoạt động của các hệ sinh thái nông nghiệp 6.3. Các nền sản xuất nông nghiệp 6.4. Nông nghiệp bền vững và cách xây dựng dựa trên cơ sở sinh thái học 6.5. Các hệ thống nông nghiệp bền vững ở Việt Nam	11	10	1
	Cộng	30	28	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Tổng quan về Sinh thái học

Thời gian: 2 giờ (LT: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

+ Trình bày được khái niệm về Sinh thái học và vai trò của Sinh thái học đối với đời sống và sản xuất nông nghiệp;

+ Phân biệt được các nhân tố sinh thái và biết cơ chế tác động của các nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm và cấu trúc Sinh thái học

2.2. Quy luật tác động số lượng của các nhân tố sinh thái

2.3. Ảnh hưởng của nhân tố vô sinh lên cơ thể sinh vật và sự thích nghi của chúng

2.4. Mối quan hệ giữa môi trường và con người

2.5. Ý nghĩa của Sinh thái học trong đời sống và sản xuất nông nghiệp

Chương 2: Quần thể sinh vật

Thời gian: 4 giờ (LT:4 giờ)

1. Mục tiêu:

+ Trình bày được khái niệm quần thể sinh vật và mô tả các đặc trưng cơ bản của quần thể;

+ Biết được tác động của nhân tố sinh thái và cơ chế duy trì trạng thái cân bằng của quần thể sinh vật.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm và phân loại quần thể sinh vật

2.2. Những đặc trưng cơ bản của quần thể

Chương 3: Quần xã sinh vật

Thời gian: 5 giờ (LT:4 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

+ Trình bày được khái niệm quần xã sinh vật và giải thích được hiện tượng phân tầng trong quần xã;

+ Mô tả được chuỗi thức ăn, lưới thức ăn trong quần xã và xu thế của diễn thế sinh thái; giải thích được cơ chế của khống chế sinh học và cân bằng sinh thái.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm và đặc điểm của quần xã sinh vật

2.2. Hoạt động cơ bản của quần xã

2.3. Diễn thế sinh thái

2.4. Khống chế sinh học và cân bằng sinh thái

Chương 4: Hệ sinh thái

Thời gian: 4 giờ (LT:4 giờ)

1. Mục tiêu:

+ Trình bày được khái niệm hệ sinh thái và phân tích cấu trúc của hệ sinh thái;

+ Nêu được dòng năng lượng, vật chất di chuyển trong hệ sinh thái và khả năng tự điều chỉnh của hệ sinh thái.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm và cấu trúc của hệ sinh thái

2.2. Đặc điểm và những hoạt động cơ bản của hệ sinh thái

2.3. Khả năng tự điều chỉnh của hệ sinh thái

Chương 5: Hệ sinh thái nông nghiệp

Thời gian: 4 giờ (LT:4 giờ)

1. Mục tiêu:

+ Trình bày được khái niệm hệ sinh thái nông nghiệp và phân tích thành phần cấu trúc của hệ sinh thái nông nghiệp;

+ Phân tích nguyên lý hoạt động của một hệ sinh thái nông nghiệp điển hình và mô tả mối quan hệ giữa hệ sinh thái nông nghiệp với hệ thống xã hội.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm hệ sinh thái nông nghiệp

2.2. Đặc điểm và những hoạt động cơ bản của hệ sinh thái nông nghiệp

2.3. Tính chất của hệ sinh thái nông nghiệp

2.4. Mối quan hệ giữa hệ sinh thái nông nghiệp và hệ thống xã hội

Chương 6: Sinh thái học và sự phát triển nông nghiệp

Thời gian: 11 giờ (LT:10 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

+ Biết phân loại mô hình sinh thái và trình bày được nguyên lý, nội dung điều khiển hoạt động của các loại hình sinh thái nông nghiệp chủ yếu;

+ Phân tích đặc điểm của các nền sản xuất nông nghiệp và biết được tầm quan trọng của nền nông nghiệp bền vững đối với sự phát triển của con người.

2. Nội dung:

2.1. Mô hình sinh thái nông nghiệp

2.2. Điều khiển hoạt động của các hệ sinh thái nông nghiệp

2.3. Các nền sản xuất nông nghiệp

2.4. Nông nghiệp bền vững và cách xây dựng dựa trên cơ sở sinh thái học

2.5. Các hệ thống nông nghiệp bền vững ở Việt Nam

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, giáo án điện tử, hình ảnh minh họa.

4. Các điều kiện khác: không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận; học sinh cần đạt yêu cầu kiến thức gồm các nội dung sau:

- + Hệ thống kiến thức cơ bản về Sinh thái học;
- + Kiến thức liên quan trực tiếp đến hệ sinh thái nông nghiệp;
- + Phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường.

- Kỹ năng: Vận dụng các kiến thức đã học để sản xuất nông nghiệp bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc học phần. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng của môn học:

Chương trình môn học Sinh thái nông nghiệp và phát triển bền vững được sử dụng để giảng dạy trình độ Trung cấp BVTV, TT, CNTY.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý: Chương 4, chương 5 và chương 6.

4. Tài liệu tham khảo:

- Cao Liêm - Trần Đức Viên, 1990. *Sinh thái học nông nghiệp và bảo vệ môi trường*. Nhà xuất bản Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp.

- Lê Quốc Tuấn - Ngô An, 2005. *Sinh thái môi trường*. Trường Đại học Nông lâm TP. HCM.

- Lê Văn Khoa, 1999. *Nông nghiệp và môi trường*. Nhà xuất bản Giáo dục.

- Lê Văn Khoa, 2001. *Khoa học môi trường*, Nhà xuất bản Giáo dục.

- Nguyễn Đình Sinh, 2004. *Giáo trình Sinh thái học*. Đại học Qui Nhơn.

- Nguyễn Văn Đĩnh, 2004. *Giáo trình Biện pháp sinh học trong bảo vệ thực vật*. Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
- Nguyễn Văn Mẫn, 1996. *Phổ cập kiến thức về hệ sinh thái VAC*. Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội.
- Nguyễn Văn Minh, 2011. *Tài liệu giảng dạy Sinh thái nông nghiệp và phát triển bền vững*. Trường Đại học An Giang
- Phạm Bình Quyền, 2005. *Sinh thái học côn trùng*. Nhà xuất bản Giáo dục.
- Thạch Như Hiền, 2012. *Tài liệu giảng dạy Sinh thái nông nghiệp và phát triển bền vững*. Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật An Giang.
- Trần Đức Viên (chủ biên) - Nguyễn Thanh Lâm, *Giáo trình Sinh thái học đồng ruộng*, Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội, 2006.
- Trần Đức Viên - Phạm Văn Phê - Ngô Thế Ân, *Giáo trình Sinh thái học nông nghiệp*, Nhà xuất bản Giáo dục, 2004.
- Vũ Trung Tạng, *Sinh thái học cơ bản*, Nhà xuất bản Giáo dục, 2000.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: BỆNH CHÓ MÈO

Mã môn học: MH02011

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 3 (hệ THCS).
- Tính chất môn học: Là môn học chuyên môn tự chọn.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Về kiến thức:
 - + Biết được những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh lý chó mèo và kiến thức về bệnh chó mèo;
 - + Vận dụng được vào thực tế điều trị bệnh cho chó mèo và phòng bệnh cho chó mèo.
- Về kỹ năng: Thực hiện được chẩn đoán bệnh cho chó mèo và phòng, trị bệnh cho chó mèo.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với học phần.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Mở đầu 1.1. Các giống chó 1.2. Đặc điểm sinh học của loài chó	3	3		
2	Bài 2: Bệnh truyền nhiễm trên chó 2.1. Bệnh Ca Rê 2.2. Bệnh Parvovirus 2.3. Bệnh dại 2.4. Bệnh viêm gan truyền nhiễm 2.5. Bệnh Xoắn khuẩn (Leptopirosis) 2.6. Phương pháp xử lý vết thương khi chó cắn	16	15		1
3	Bài 3: Bệnh ký sinh trùng	11	10		1

Số TT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	3.1. Bệnh giun tim 3.2. Bệnh giun đũa chó 3.3. Bệnh mò bao lông 3.4. Bệnh ve chó				
	Cộng	30	28		2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Mở đầu

Thời gian: 3 giờ (LT:3 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được sinh lý bình thường của chó mèo;
- Phân loại được sinh lý bình thường của chó mèo với sinh lý của chó mèo mắc bệnh qua các hằng số sinh lý, các giống khác nhau, nhiệt độ môi trường, hoạt động bình thường hay hoạt động nhiều.

2. Nội dung:

- 2.1. Các giống chó
- 2.2. Đặc điểm sinh học của loài chó

Bài 2: Bệnh truyền nhiễm trên chó

Thời gian: 16 giờ (LT:15 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được các bệnh truyền nhiễm xảy ra trên chó, mèo;
- Biết được các phương pháp chẩn đoán bệnh truyền nhiễm thông qua các triệu chứng để đưa ra phương pháp điều trị có hiệu quả cao nhất. Biết cách phòng có hiệu quả các bệnh truyền nhiễm thường xảy ra trên chó mèo.

2. Nội dung:

- 2.1. Bệnh Ca Rê
- 2.2. Bệnh Parvovirus
- 2.3. Bệnh Đại
- 2.4. Bệnh Viêm gan truyền nhiễm
- 2.5. Bệnh Xoắn khuẩn (Leptopirosis)
- 2.6. Phương pháp xử lý vết thương khi chó cắn

Bài 3: Bệnh ký sinh trên chó

Thời gian: 11 giờ (LT:10 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được các bệnh ký sinh trùng xảy ra trên chó mèo;
- Biết được các phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng qua các triệu chứng để đưa ra phương pháp điều trị có hiệu quả cao nhất. Biết cách phòng có hiệu quả các bệnh ký sinh trùng thường xảy ra trên chó mèo.

2. Nội dung:

2.1. Bệnh giun tim

2.2. Bệnh giun đũa chó

2.3. Bệnh mò bao lông

2.4. Bệnh ve chó

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, trại chăn nuôi thực nghiệm.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, phim, tranh ảnh minh họa các tình huống, dụng cụ thiết bị chuyên dùng, mẫu.
4. Các điều kiện khác: không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu: Vận dụng được trong thực hiện các ca điều trị bệnh cho chó mèo và phòng bệnh cho chó mèo.

- Kỹ năng: Thực hiện được chẩn đoán bệnh chó mèo và phòng, trị bệnh chó mèo.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Bệnh chó mèo được sử dụng để giảng dạy trình độ Trung cấp trong trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật An Giang.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế công tác sau khi tốt nghiệp. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Bài 2, bài 3.

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Mai Văn Hưng, 2004. *Giáo trình thực tập sinh lý học người và động vật*. NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.

- Nguyễn Đình Nhung, Nguyễn Minh Tâm, 2005. *Giáo trình giải phẫu – sinh lý vật nuôi*. NXB Hà Nội.

- Nguyễn Văn Biện, 2010. *Kí sinh trùng – Giun đũa chó mèo*. Khoa Nông nghiệp, Trường Đại Học Cần Thơ.

- Nguyễn Văn Biện, 1997. *Giáo trình bệnh chó*. Khoa Nông nghiệp, Trường Đại Học Cần Thơ.

- Vương Đức Phát, 2007. *Bệnh thường gặp ở chó mèo và cách phòng trị*. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: CHĂN NUÔI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Mã môn học: MH02037

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 3 (hệ THCS).
- Tính chất môn học: Là môn học chuyên môn tự chọn.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Về kiến thức:
 - + Hiểu được tầm quan trọng của động vật hoang dã;
 - + Biết được đặc điểm sinh học của một số loại động vật hoang dã và những kiến thức cơ bản trong chăn nuôi động vật hoang dã;
 - + Biết được cách phòng và trị một số bệnh thường gặp trên động vật hoang dã.
- Về kỹ năng:
 - + Phân biệt được các loại động vật hoang dã;
 - + Thực hiện được việc bắt giữ và điều trị bệnh trên động vật hoang dã.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo;
 - Phải có thái độ ham thích môn học.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
1	Chương 1: Tầm quan trọng của nuôi và bảo tồn động vật hoang dã 1.1. Tầm quan trọng của nuôi động vật hoang dã 1.2. Tầm quan trọng của việc bảo tồn động vật hoang dã	2	2	
2	Chương 2: Phân loại một số động vật hoang dã phổ biến 2.1. Phân loại động vật hoang dã 2.2. Một số loài động vật hoang dã được	2	2	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	nuôi phổ biến ở nước ta			
3	Chương 3: Kỹ thuật nuôi ba ba 3.1. Cách phân biệt nhanh các loài ba ba 3.2. Tập tính sống của ba ba 3.3. Thức ăn nuôi ba ba 3.4. Sinh trưởng và sinh sản của ba ba 3.5. Phòng và trị bệnh cho ba ba	5	4	1
4	Chương 4: Kỹ thuật nuôi cá sấu 4.1. Chuồng trại nuôi cá sấu 4.2. Mật độ nuôi 4.3. Cho ăn và chăm sóc cá sấu 4.4. Phòng và trị bệnh cho cá sấu	5	5	
5	Chương 5: Kỹ thuật nuôi trăn và rắn 5.1. Kỹ thuật nuôi trăn 5.2. Kỹ thuật nuôi rắn	6	6	
6	Chương 6: Kỹ thuật nuôi chim cảnh 6.1. Một số loài chim cảnh 6.2. Nghệ thuật chọn chim 6.3. Chăm sóc và nuôi dưỡng chim 6.4. Nghệ thuật tập chim hát hay 6.5. Bồi bổ cho chim và cách trị bệnh	4	4	
7	Chương 7: Kỹ thuật nuôi heo rừng 7.1. Giống và đặc điểm giống heo rừng 7.2. Chọn giống và phối giống 7.3. Chuồng trại nuôi heo rừng 7.4. Thức ăn và khẩu phần ăn 7.5. Chăm sóc và nuôi dưỡng heo rừng 7.6. Phòng và trị bệnh cho heo rừng	6	5	1
	Cộng	30	28	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Tầm quan trọng của nuôi và bảo tồn động vật hoang dã

Thời gian: 2 giờ (LT:2 giờ)

1. Mục tiêu:

Biết được tầm quan trọng của việc nuôi và bảo tồn động vật hoang dã.

2. Nội dung:

2.1. Tầm quan trọng của nuôi động vật hoang dã

2.2. Tầm quan trọng của việc bảo tồn động vật hoang dã

Chương 2: Phân loại một số động vật hoang dã phổ biến

Thời gian: 2 giờ (LT: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được đặc điểm sinh học của một số loài động vật hoang dã;

- Thực hiện được việc phân loại một số loài động vật hoang dã.

2. Nội dung:

2.1. Phân loại động vật hoang dã

2.2. Một số loài động vật hoang dã được nuôi phổ biến ở nước ta

Chương 3: Kỹ thuật nuôi ba ba

Thời gian: 5 giờ (LT: 4 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được cách phân biệt các loài ba ba và tập tính sống của chúng;

- Hiểu được kỹ thuật chăm sóc và nuôi dưỡng ba ba;

- Xây dựng được mô hình nuôi ba ba;

- Phòng và trị được một số bệnh thường gặp trên ba ba.

2. Nội dung:

2.1. Cách phân biệt nhanh các loài ba ba

2.2. Tập tính sống của ba ba

2.3. Thức ăn nuôi ba ba

2.4. Sinh trưởng và sinh sản của ba ba

2.5. Phòng và trị bệnh cho ba ba

Chương 4: Kỹ thuật nuôi cá sấu

Thời gian: 5 giờ (LT: 5 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được cách xây dựng chuồng trại để nuôi cá sấu;

- Biết được cách chăm sóc và nuôi dưỡng cá sấu;

- Phòng và trị được một số bệnh thường gặp trên cá sấu.

2. Nội dung:

2.1. Chuồng trại nuôi cá sấu

2.2. Mật độ nuôi

2.3. Cho ăn và chăm sóc cá sấu

2.4. Phòng và trị bệnh cho cá sấu.

Chương 5: Kỹ thuật nuôi trăn và rắn

Thời gian: 6 giờ (LT:6 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được đặc điểm sinh học của trăn và rắn;
- Biết được kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng trăn và rắn;
- Xây dựng được mô hình nuôi trăn và rắn.

2. Nội dung:

2.1. Kỹ thuật nuôi trăn

2.2. Kỹ thuật nuôi rắn

Chương 6: Kỹ thuật nuôi chim cảnh

Thời gian: 4 giờ (LT:4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được hình dạng bên ngoài của một số loài chim cảnh;
- Nắm được kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng chim cảnh;
- Phân biệt được các loài chim cảnh;
- Phòng và trị được một số bệnh thường gặp trên chim cảnh.

2. Nội dung:

2.1. Một số loài chim cảnh

2.2. Nghệ thuật chọn chim

2.3. Chăm sóc và nuôi dưỡng chim

2.4. Nghệ thuật tập chim hát hay.

2.5. Bồi bổ cho chim và cách trị bệnh

Chương 7: Kỹ thuật nuôi heo rừng

Thời gian: 6 giờ (LT:5 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được hình dạng bên ngoài của heo rừng;
- Biết được cách chọn giống và phối giống cho heo;
- Xây dựng được chuồng trại để nuôi heo rừng;
- Xây dựng được công thức thức ăn phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng của heo rừng.

2. Nội dung:

2.1. Giống và đặc điểm giống heo rừng

- 2.2. Chọn giống và phối giống
- 2.3. Chuồng trại nuôi heo rừng
- 2.4. Thức ăn và khẩu phần ăn
- 2.5. Chăm sóc và nuôi dưỡng heo rừng.
- 2.6. Phòng và trị bệnh cho heo rừng

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, màn hình, hệ thống âm thanh...
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, thiết bị,...
4. Các điều kiện khác: không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu của những nội dung sau:

- + Hiểu được tầm quan trọng của động vật hoang dã;
- + Biết được đặc điểm sinh học của một số loại động vật hoang dã;
- + Hiểu Nắm được những kiến thức cơ bản trong chăn nuôi động vật hoang dã;
- + Biết được cách phòng và trị một số bệnh thường gặp trên động vật hoang dã.

- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành các bài thực hành sau:

- + Phân biệt được các loại động vật hoang dã;
- + Xây dựng được chuồng trại nuôi động vật hoang dã;
- + Phòng và trị được bệnh cho động vật hoang dã.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học chăn nuôi động vật hoang dã được sử dụng để giảng dạy trình độ Trung cấp ngành Chăn nuôi – Thú y.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Môn chăn nuôi động vật hoang dã là môn học tự chọn của học sinh. Môn học cung cấp những kiến thức về các đặc điểm sinh học của động vật hoang dã, kỹ thuật nuôi một số loại động vật hoang dã, biện pháp phòng và trị bệnh cho động vật hoang dã. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Chương 2, chương 3, chương 6, chương 7 là những kiến thức sát nhất với đối tượng người học.

4. Tài liệu tham khảo:

- Đặng Huy Huỳnh, 1986. *Sinh học và sinh thái của các loài thú móng guốc ở Việt Nam*. Hà Nội: NXB KHKT.

- Phạm Nhật, 2002. *Thú linh trưởng của Việt Nam*. Hà Nội: NXB Nông nghiệp.

- Phùng Đức Tiến, 2007. *Hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi đà điểu*. Hà Nội: NXB – LDXH.

- Viện Chăn Nuôi Quốc Gia, 2002. *Hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi Đà Điểu*. Hà Nội: NXBLĐ - XH.

- Võ Đình Sơn, 2006. *Phần tổng quát giới thiệu về chăm sóc và nuôi dưỡng động vật hoang dã*. TP.HCM: Thảo Cầm Viên Sài Gòn.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: KIỂM NGHIỆM SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

Mã môn học: MH02096

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 3 (hệ THCS).
- Tính chất môn học: Là môn học chuyên môn tự chọn.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Về kiến thức:
 - + Biết cách kiểm tra chất lượng sản phẩm chăn nuôi;
 - + Hiểu được các điều kiện vệ sinh thú y.
- Về kỹ năng:
 - + Thực hiện được quy trình kiểm soát giết mổ gia súc gia cầm;
 - + Ứng dụng được vào thực tế kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với học phần.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Giới thiệu môn học 1.1. Khái niệm 1.2. Mục đích, ý nghĩa 1.3. Sơ lược lịch sử môn học 1.4. Mối quan hệ với các môn học khác 1.5. Nhiệm vụ và quyền hạn của cán bộ thú y 1.6. Một số thuật ngữ dùng trong kiểm dịch thú y	2	2		
2	Bài 2: Kiểm dịch động vật 2.1. Kiểm dịch động vật 2.2. Đối tượng kiểm dịch động vật 2.3. Những bệnh cần kiểm dịch động vật	3	3		

Số TT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	2.4. Kiểm dịch nội địa				
3	Bài 3: Nguyên tắc xây dựng lò mổ và vệ sinh lò mổ gia súc 3.1. Lò mổ gia súc 3.2. Tổ chức một lò mổ 3.3. Khu hành chánh 3.4. Khu sản xuất 3.5. Khu hạ thịt và kiểm tra thịt 3.6. Phòng lạnh 3.7. Khu phụ phế phẩm 3.8. Khu chứa bản 3.9. Phòng xử lý 3.10. Phòng xét nghiệm 3.11. Phòng khử trùng 3.12. Phòng giam thịt 3.13. Hệ thống nước 3.14. Khu cách ly và giết gia súc bệnh	3	3		
4	Bài 4: Khám thú sống 4.1. Mục đích, yêu cầu 4.2. Kiểm soát gia súc khi vận chuyển đến 4.3. Chăm sóc và nuôi dưỡng gia súc chờ giết thịt 4.4. Khám thú trước khi đưa vào giết thịt 4.5. Tiêu chuẩn thú giết thịt 4.6. Biện pháp và xử lý khi khám thú sống	4	4		
5	Bài 5: Khám thịt và hạ thịt 5.1. Nguyên tắc 5.2. Kiểm soát vệ sinh 5.3. Quy trình hạ thịt 5.4. Phương pháp giết mổ gia súc, gia cầm	4	4		
6	Bài 6: Kỹ thuật khám thịt 6.1. Yêu cầu đối với người kiểm tra thịt	5	4		1

Số TT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	6.2. Khám thú trước khi giết thịt 6.3. Cách kiểm tra thịt 6.4. Quyết định của người kiểm tra thịt				
7	Bài 7: Thương tổn của thân thịt và biện pháp xử lý 7.1. Khái niệm thịt gia súc khỏe và tốt 7.2. Cấu tạo cơ thịt 7.3. Các giai đoạn biến chuyển của thịt 7.4. Thịt có mùi khác thường 7.5. Thịt bị bệnh truyền nhiễm	4	4		
8	Bài 8: Phương pháp kiểm nghiệm sản phẩm động vật 8.1. Cách lấy mẫu 8.3. Sữa và kiểm nghiệm sữa 8.4. Trứng và kiểm nghiệm trứng	5	4		1
	Cộng	30	28		2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1:Giới thiệu môn học

Thời gian: 2 giờ (LT:2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các khái niệm cơ bản trong kiểm nghiệm sản phẩm động vật;
- Hiểu được công việc kiểm dịch động vật, kiểm nghiệm sản phẩm động vật.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm

2.2. Mục đích, ý nghĩa

2.3. Sơ lược lịch sử môn học

2.4. Mối quan hệ với các môn học khác

2.5. Nhiệm vụ và quyền hạn của cán bộ thú y

2.6. Một số thuật ngữ dùng trong kiểm dịch thú y

Bài 2: Kiểm dịch động vật

Thời gian: 3 giờ (LT:3 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết cách kiểm dịch động vật, những bệnh cần kiểm dịch.
- Hiểu được việc kiểm dịch động vật và những bệnh cần kiểm dịch.

2. Nội dung:

2.1. Kiểm dịch động vật

2.2. Đối tượng kiểm dịch động vật

2.3. Những bệnh cần kiểm dịch động vật

2.4. Kiểm dịch nội địa

Bài 3: Nguyên tắc xây dựng lò mổ và vệ sinh lò mổ gia súc

Thời gian: 3 giờ (LT:3 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết cách thiết kế và xây dựng lò mổ;
- Thực hiện được xây dựng lò mổ và vệ sinh lò mổ.

2. Nội dung:

2.1. Lò mổ gia súc

2.2. Tổ chức một lò mổ

2.3. Khu hành chánh

2.4. Khu sản xuất

2.5. Khu hạ thịt và kiểm tra thịt

2.6. Phòng lạnh

2.7. Khu phụ phế phẩm

2.8. Khu chứa bần

2.9. Phòng xử lý

2.10. Phòng xét nghiệm

2.11. Phòng khử trùng

2.12. Phòng giam thịt

2.13. Hệ thống nước

2.14. Khu cách ly và giết gia súc bệnh

Bài 4: Khám thú sống

Thời gian: 4 giờ (LT:4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết cách khám thú sống trước khi nhập lò;
- Hiểu được việc khám thú sống trước khi nhập lò.

2. Nội dung:

- 2.1. Mục đích, yêu cầu
- 2.2. Kiểm soát gia súc khi vận chuyển đến
- 2.3. Chăm sóc và nuôi dưỡng gia súc chờ giết thịt
- 2.4. Khám thú trước khi đưa vào giết thịt
- 2.5. Thú đã đủ tiêu chuẩn giết thịt
- 2.6. Biện pháp và xử lý khi khám thú sống

Bài 5: Khám thịt và hạ thịt

Thời gian: 4 giờ (LT:4 giờ)

1. Mục tiêu:
 - Biết được quy trình giết mổ và hạ thịt;
 - Hiểu được quy trình khám thịt.
2. Nội dung:
 - 2.1. Nguyên tắc
 - 2.2. Kiểm soát vệ sinh
 - 2.3. Quy trình hạ thịt
 - 2.4. Phương pháp giết mổ gia súc gia cầm

Bài 6: Kỹ thuật khám thịt

Thời gian: 5 giờ (LT:4 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:
 - Biết cách khám và xử lý một thân thịt sau giết mổ;
 - Hiểu được quy trình khám thịt.
2. Nội dung:
 - 2.1. Yêu cầu đối với người kiểm tra thịt
 - 2.2. Khám thú sống
 - 2.3. Cách kiểm tra
 - 2.4. Quyết định của người kiểm tra thịt

Bài 7: Thương tổn của thân thịt và biện pháp xử lý

Thời gian: 4 giờ (LT:4 giờ)

1. Mục tiêu:
 - Biết những quá trình biến đổi của thân thịt và cách xử lý.
2. Nội dung:
 - 2.1. Khái niệm thịt gia súc khỏe và tốt
 - 2.2. Cấu tạo cơ thịt
 - 2.3. Các giai đoạn biến chuyển của thịt

2.4. Thịt có mùi khác thường

2.5. Thịt bị bệnh truyền nhiễm

Bài 8: Phương pháp kiểm nghiệm sản phẩm động vật

Thời gian: 5 giờ (LT: 4 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết cách lấy mẫu và quá trình đánh giá chất lượng sản phẩm động vật;
- Hiểu được việc lấy mẫu, kiểm nghiệm và đánh giá chất lượng sản phẩm động vật.

2. Nội dung:

2.1. Cách lấy mẫu

2.3. Sữa và kiểm nghiệm sữa

2.4. Trứng và kiểm nghiệm trứng

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, lò giết mổ.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, thiết bị, mẫu.

4. Các điều kiện khác: không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu:

+ Biết được quy trình giết mổ;

+ Hiểu được các bước kiểm nghiệm sản phẩm động vật.

- Kỹ năng:

+ Vận dụng các kiến thức đã học môn Bệnh truyền nhiễm và Ký sinh trùng để kiểm tra thịt;

+ Đánh giá được sản phẩm kiểm nghiệm.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

9. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học kiểm nghiệm sản phẩm động vật để giảng dạy trình độ Trung cấp.

10. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế công tác sau khi tốt nghiệp. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

11. Những trọng tâm cần chú ý: Bài 4, bài 5, bài 6, bài 7.

12. Tài liệu cần tham khảo:

-Đặng Đức Dũng, 1979. Hóa sinh học thịt gia súc. Bài dịch của Xmolxki. 165 p. NXBKHKHT

- Lý Thị Liên Khai, 1998. *Bài giảng kiểm nghiệm thú sản*. Tài liệu giảng dạy. Đại học Cần Thơ.

- Phan trịnh Chúc, 1984. *Kiểm soát vệ sinh thú y*. Trường ĐHNN1.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: GIÁO DỤC ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Mã môn học: MH02075

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; kiểm tra: 2 giờ).

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 3 (hệ THCS).
- Tính chất môn học: Là môn học chuyên môn tự chọn.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Về kiến thức: Hiểu được các khái niệm về biến đổi khí hậu và nước biển dâng; Giải thích được các tác động cơ bản của biến đổi khí hậu đến hoạt động sản xuất nông - lâm - thủy sản; Trình bày được các biện pháp cụ thể ứng phó với biến đổi khí hậu trong hoạt động sản xuất nông - lâm- thủy sản.

- Về kỹ năng: Vận dụng vào việc tham gia sử dụng nguyên, nhiên liệu một cách hiệu quả, giảm thiểu phát thải khí nhà kính trong sản xuất lĩnh vực nông - lâm - thủy sản.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với học phần.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
1	Chương 1: Tổng quan khí hậu, biến đổi khí hậu 1.1. Các khái niệm cơ bản 1.2. Hiện trạng biến đổi khí hậu toàn cầu 1.3. Nguyên nhân biến đổi khí hậu toàn cầu 1.4. Các kịch bản biến đổi khí hậu toàn cầu	6	6	
2	Chương 2: Tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu 2.1. Tác động của biến đổi khí hậu đến các lĩnh vực 2.1. Tác động của biến đổi khí hậu đến các khu vực	7	6	1
3	Chương 3: Tác động của biến đổi khí hậu đến Việt Nam	8	8	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	3.1. Biến đổi khí hậu ở Việt Nam 3.2. Tác động của biến đổi khí hậu đến các vùng miền của Việt Nam 3.3. Tác động của biến đổi khí hậu đối nông nghiệp 3.4. Tác động của biến đổi khí hậu đối với lâm nghiệp 3.5. Tác động của biến đổi khí hậu đối với thủy sản			
4	Chương 4: Các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trong các lĩnh vực nông - lâm - thủy sản 4.1. Ứng phó với biến đổi khí hậu 4.2. Các biện pháp và chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu của Việt Nam 4.3. Các biện pháp thích ứng biến đổi khí hậu trong nông - lâm – thủy sản 4.4. Các biện pháp giảm nhẹ biến đổi khí hậu trong nông - lâm – thủy sản	9	8	1
	Cộng	30	28	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Tổng quan về khí hậu, biến đổi khí hậu

Thời gian: 6 giờ (LT:6 giờ)

1. Mục tiêu:

Hiểu và trình bày được những khái niệm cơ bản về khí hậu và biến đổi khí hậu; hiện trạng, nguyên nhân và các kịch bản của biến đổi khí hậu toàn cầu.

2. Nội dung:

2.1. Các khái niệm cơ bản

2.2. Hiện trạng biến đổi khí hậu toàn cầu

2.3. Nguyên nhân của biến đổi khí hậu toàn cầu

2.4. Các kịch bản biến đổi khí hậu toàn cầu

Chương 2: Tác động của biến đổi khí hậu đến toàn cầu

Thời gian: 7 giờ(LT:6 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

Hiểu và trình bày được những tác động cơ bản của biến đổi khí hậu toàn cầu.

2. Nội dung:

- 2.1. Tác động của biến đổi khí hậu đến một số lĩnh vực
- 2.2. Tác động của biến đổi khí hậu đến các khu vực

Chương 3: Tác động của biến đổi khí hậu Việt Nam

Thời gian: 8 giờ (LT:8 giờ)

1. Mục tiêu:

Hiểu và trình bày được những tác động của biến đổi khí hậu đến sản xuất nông - lâm – thủy sản.

2. Nội dung:

- 2.1. Biến đổi khí hậu ở Việt Nam
- 2.2. Tác động của biến đổi khí hậu đến các vùng miền của Việt Nam
- 2.3. Tác động của biến đổi khí hậu đối nông nghiệp
- 2.4. Tác động của biến đổi khí hậu đối với lâm nghiệp
- 2.5. Tác động của biến đổi khí hậu đối với thủy sản

Chương 4: Các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trong các lĩnh vực nông - lâm – thủy sản

Thời gian: 9 giờ (LT:8 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

Hiểu và trình bày được các biện pháp thích ứng và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu trong sản xuất nông - lâm – thủy sản.

2. Nội dung:

- 2.1. Ứng phó với biến đổi khí hậu
- 2.2. Các biện pháp và chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu của Việt Nam
- 2.3. Các biện pháp thích ứng biến đổi khí hậu trong nông - lâm – thủy sản
- 2.4. Các biện pháp giảm nhẹ biến đổi khí hậu trong nông - lâm – thủy sản

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, giáo án.
4. Các điều kiện khác: Không

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu: Hiểu được nguyên nhân gây biến đổi khí hậu, tác động chính lên các lĩnh vực, khu vực, từng vùng miền Việt Nam, các biện pháp thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu ở Việt Nam.

- Kỹ năng: Vận dụng vào việc tham gia sử dụng nguyên, nhiên liệu một cách hiệu quả, giảm thiểu phát thải khí nhà kính trong sản xuất lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập các buổi học trên lớp;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc học phần. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022 /TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học Giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp BVTV, CNTY, TT, KTHCSN.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học phản ánh thực tiễn. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 2, 3 và 4.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2008. *Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu tại Việt Nam.*;

- Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2012. *Kịch bản biến đổi khí hậu nước biển dâng cho Việt Nam.* NXB Tài nguyên Môi trường và bản đồ Việt Nam.

- Lê Văn Khoa, 2012. *Tài liệu tập huấn Giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu.* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Lưu Đức Hải, 2009. *Biến đổi khí hậu trái đất và giải pháp phát triển bền vững Việt Nam.* Vụ Khoa học Giáo dục Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và đầu tư. NXB thống kê.

- Phạm Văn Cự, 2011. *Cuốn sách những kiến thức cơ bản về biến đổi khí hậu.* NXB Viện khoa học khí tượng thủy văn và môi trường.

- Viện Khoa học khí tượng thủy văn và Môi trường, 2011. *Biến đổi khí hậu và tác động ở Việt Nam,* NXB Khoa học Kỹ thuật.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: THỰC TẬP CHUYÊN MÔN

Mã môn học: MH06264

Thời gian thực hiện môn học: 270 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; thực hành: 268 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 4 (hệ THCS) sau khi đã học xong các học phần chung, học phần cơ sở, học phần bắt buộc và học phần có liên quan đến nội dung TTCM.

- Tính chất môn học: Là môn học bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Về kiến thức: Hiểu rõ các kiến thức chuyên môn của ngành học.

- Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học vào nội dung thực tập.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có thái độ nghiêm túc và chăm chỉ để hoàn thành nội dung nội dung thực tập; Chấp hành tốt nội qui làm việc được qui định tại nơi tham gia thực tập; Mạnh dạn áp dụng các kiến thức thu được trong học tập vào ứng dụng thực tế.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên bài, mục (công việc thực hiện)	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Viết đề cương thực tập 1.1. Học sinh thực hiện viết đề cương quy trình thực tập 1.2. GVHD và học sinh thảo luận về đề cương thực tập 1.3. Học sinh hoàn tất đề cương thực tập	16		16	
2	Bài 2: Xét duyệt đề cương 2.1. Học sinh nộp đề cương thực tập cho bộ môn 2.2. Hội đồng bộ môn thông qua đề cương thực tập 2.3. Học sinh chỉnh sửa đề cương theo góp ý của bộ môn	16		16	

Số TT	Tên bài, mục (công việc thực hiện)	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
3	Bài 3: Thực tập thực tế 3.1. Học sinh xuống điểm thực tập 3.2. Học sinh thực hiện các nội dung thực tập theo đề cương dưới sự hướng dẫn và giám sát của GVHD	206		206	
4	Bài 4: Viết báo cáo 4.1. Học sinh hoàn chỉnh số liệu và xử lý số liệu dưới sự hướng dẫn và giám sát của GVHD 4.2. Học sinh thực hiện viết báo cáo và nộp cho GVHD	32		30	2
	Cộng	270		268	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1 :Viết đề cương thực tập

Thời gian: 16 giờ (TH: 16 giờ)

1. Mục tiêu:

Viết được đề cương thực tập theo đúng yêu cầu về nội dung và hình thức.

2. Nội dung :

2.1. Học sinh thực hiện viết đề cương quy trình thực tập

2.2. GVHD và học sinh thảo luận về đề cương thực tập

2.3. Học sinh hoàn tất đề cương thực tập

Bài 2:Xét duyệt đề cương

Thời gian: 16 giờ (TH: 16 giờ)

1. Mục tiêu:

Hiểu đầy đủ các yêu cầu về nội dung và phương pháp của đề cương.

2. Nội dung :

2.1. Học sinh nộp đề cương thực tập cho bộ môn

2.2. Hội đồng bộ môn thông qua đề cương thực tập

2.3. Học sinh chỉnh sửa đề cương theo góp ý của bộ môn

Bài 3: Thực tập thực tế

Thời gian: 206 giờ (TH:206 giờ)

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện đúng các phương pháp của từng nội dung thực tập.

2. Nội dung:

2.1. Học sinh xuống điểm thực tập

2.2. Học sinh thực hiện các nội dung thực tập theo đề cương dưới sự hướng dẫn và giám sát của GVHD

Bài 4: Viết báo cáo

Thời gian: 32 giờ (TH:30 giờ; KT:2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức đã học để xử lý số liệu thu thập được trong thời gian thực tập theo đúng yêu cầu;

- Vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành báo cáo.

2. Nội dung:

2.1. Học sinh hoàn chỉnh số liệu và xử lý số liệu dưới sự hướng dẫn và giám sát của GVHD

2.2. Học sinh thực hiện viết báo cáo và nộp cho GVHD góp ý

2.3. Học sinh hoàn chỉnh báo cáo và nộp cho GVHD

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Không

2. Trang thiết bị máy móc: Các dụng cụ, thiết bị theo từng quy trình cụ thể.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các tài liệu tham khảo có liên quan đến nội dung thực tập.

4. Các điều kiện khác: Theo yêu cầu của từng quy trình.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua kết quả thực tế, bài báo cáo của học sinh.

- Kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học vào việc thực hiện quy trình.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Thực hiện đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, trung thực.

2. Phương pháp:

Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua điểm chuyên cần và bài báo cáo, bài phải đạt $\geq 5,0$ theo khung điểm 10.

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Không
2. Trang thiết bị máy móc: Các dụng cụ, thiết bị theo từng quy trình cụ thể.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các tài liệu tham khảo có liên quan đến nội dung thực tập.
4. Các điều kiện khác: Theo yêu cầu của từng quy trình.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:
 - Kiến thức: Đánh giá thông qua kết quả thực tế, bài báo cáo của học sinh.
 - Kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học vào việc thực hiện quy trình.
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - + Thực hiện đầy đủ thời lượng môn học;
 - + Chuyên cần, trung thực.

2. Phương pháp:

Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua điểm chuyên cần và bài báo cáo, bài phải đạt $\geq 5,0$ theo khung điểm 10.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn thực tập chuyên môn được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp ngành Chăn nuôi – Thú y.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
 - Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế công tác sau khi tốt nghiệp. Vì vậy giáo viên nên hướng dẫn và tạo điều kiện cho học sinh chủ động, tích cực trong quá trình thực tập để đạt được mục tiêu của môn học.
 - Đối với người học: Chủ động, tích cực vận dụng kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế.
3. Những trọng tâm cần chú ý: Bài 1, bài 3, bài 4.
4. Tài liệu tham khảo:
 - Cao Văn Thích, *Bài giảng môn thông kê ứng dụng*.
 - Các tài liệu chuyên môn có liên quan đến nội dung thực tập.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: KIẾN TẬP

Mã môn học: MH01099

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; thực hành: 44 giờ; kiểm tra: 1 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 4 (hệ THCS), sau khi đã học xong các học phần chung, học phần cơ sở, học phần chuyên môn.

- Tính chất môn học: Là môn học bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Về kiến thức: Hiểu rõ quy trình, tổ chức hoạt động của cơ sở sản xuất – kinh doanh, trang trại... tại các điểm đến kiến tập.

- Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học và tình hình thực tế tại các điểm kiến tập vào thực tiễn.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có thái độ nghiêm túc trong thời gian kiến tập; chấp hành tốt nội quy, quy định của điểm kiến tập; mạnh dạn áp dụng các kiến thức thu được trong kỳ kiến tập vào ứng dụng thực tế.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên bài, mục (công việc thực hiện)	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1 : Công việc chuẩn bị trước khi kiến tập 1.1. Thảo luận mục đích yêu cầu của đợt kiến tập 1.2. Xây dựng kế hoạch kiến tập 1.3. Triển khai đề cương kiến tập	5		5	
2	Bài 2 : Kiến tập 2.1. Học sinh đi đến điểm kiến tập theo kế hoạch 2.2. Thực hiện các nội dung kiến tập theo yêu cầu	34		34	
3	Bài 3: Viết báo cáo 3.1. Học sinh thực hiện viết báo cáo và nộp cho GVHD góp ý	6		5	1

Số TT	Tên bài, mục (công việc thực hiện)	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	3.2. Học sinh hoàn chỉnh báo cáo và nộp cho bộ môn sau khi được sự đồng ý của GVHD				
	cộng	45		44	1

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1 :Công việc chuẩn bị trước khi kiến tập

Thời gian: 5 giờ (TH:5 giờ)

1. Mục tiêu:

- Chọn được các nội dung và điểm kiến tập phù hợp với ngành học;
- Viết được đề cương phù hợp với mục tiêu và nội dung của đợt kiến tập.

2. Nội dung :

2.1. Thảo luận mục đích yêu cầu của đợt kiến tập

2.2. Xây dựng kế hoạch kiến tập

2.3. Triển khai đề cương kiến tập

Bài 2: Kiến tập

Thời gian: 34 giờ (TH:34 giờ)

1. Mục tiêu:

Hiểu được các quy trình, tổ chức hoạt động của các cơ sở đến kiến tập.

2. Nội dung :

2.1. Học sinh đi đến điểm kiến tập theo kế hoạch

2.2. Thực hiện các nội dung kiến tập theo yêu cầu

Bài 3: Viết báo cáo

Thời gian: 6 giờ (TH:5 giờ; KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức đã học và những nội dung đã được quan sát tại cơ sở kiến tập để hoàn thành báo cáo.

2. Nội dung :

2.1. Học sinh thực hiện viết báo cáo và nộp cho GVHD góp .

2.2. Học sinh hoàn chỉnh báo cáo và nộp cho bộ môn sau khi được sự đồng ý của

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: không

2. Trang thiết bị máy móc:Các dụng cụ, thiết bị theo từng đề tài cụ thể.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các tài liệu tham khảo có liên quan đến nội dung kiến tập.

4. Các điều kiện khác: Theo yêu cầu của nội dung kiến tập.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài báo cáo của học sinh cần đạt các yêu cầu: Đáp ứng mục tiêu, nội dung của đợt kiến tập.

- Kỹ năng: Vận dụng được kiến thức đã học và thực tế đã quan quan sát tại các điểm kiến tập.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Thực hiện đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, trung thực.

2. Phương pháp:

Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua điểm chuyên cần và bài báo cáo, bài phải đạt $\geq 5,0$ theo khung điểm 10.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn kiến tập được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp ngành Chăn nuôi – thú y.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế công tác sau khi tốt nghiệp. Vì vậy giáo viên nên hướng dẫn và tạo điều kiện cho học sinh chủ động, tích cực trong thời gian đi kiến tập để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Chủ động, tích cực quan sát, vận dụng kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Bài 2, bài 3.

4. Tài liệu tham khảo:

- Các tài liệu chuyên môn có liên quan đến nội dung kiến tập.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Mã môn học: MH10275

Thời gian thực hiện môn học: 450 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; thực hành: 448 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 4 (hệ THCS) sau khi đã học xong các học phần chung, học phần cơ sở, học phần chuyên môn.

- Tính chất môn học: Là môn học bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Về kiến thức: Hiểu rõ các kiến thức chuyên môn của nội dung chuyên đề thực tập.

- Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học vào nội dung chuyên đề thực tập.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có thái độ nghiêm túc và chăm chỉ để hoàn thành nội dung nội dung chuyên đề thực tập; Chấp hành tốt nội qui làm việc được qui định tại nơi tham gia thực tập; Mạnh dạn áp dụng các kiến thức thu được trong học tập vào ứng dụng thực tế.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên bài, mục (công việc thực hiện)	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1 : Công việc chuẩn bị trước khi viết đề cương thực tập 1.1. Học sinh chọn đề tài 1.2. Học sinh chọn giáo viên hướng dẫn (GVHD) 1.3. Học sinh gửi nội dung thực hiện sơ bộ để GVHD xem xét, góp ý (tên đề tài, mục tiêu, nội dung,) 1.4. Bộ môn phân công học sinh thực tập tốt nghiệp và giáo viên hướng dẫn 1.5. Trình bày phân công để Hiệu trưởng xem xét quyết định	32		32	
2	Bài 2:Viết đề cương thực tập 2.1. Học sinh thực hiện viết đề cương thực tập	46		46	

Số TT	Tên bài, mục (công việc thực hiện)	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	2.2. GVHD và học sinh thảo luận về đề cương thực tập 2.3. Học sinh hoàn tất đề cương thực tập				
3	Bài 3: Xét duyệt đề cương 3.1. Học sinh nộp đề cương thực tập cho bộ môn 3.2. Hội đồng bộ môn thông qua đề cương thực tập 3.3. Học sinh chỉnh sửa đề cương theo góp ý của bộ môn	16		16	
4	Bài 4: Thực tập thực tế 4.1 Học sinh xuống điểm thực tập 4.2 Học sinh thực hiện các nội dung thực tập theo đề cương dưới sự hướng dẫn và giám sát của GVHD	274		274	
5	Bài 5. Viết báo cáo 5.1. Học sinh hoàn chỉnh số liệu và xử lý số liệu dưới sự hướng dẫn và giám sát của GVHD 5.2. Học sinh thực hiện viết báo cáo và nộp cho GVHD góp ý 5.3. Học sinh hoàn chỉnh báo cáo và nộp cho bộ môn sau khi được sự đồng ý của GVHD	82		80	2
	Cộng	450		448	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1 : Công việc chuẩn bị trước khi viết đề cương thực tập

Thời gian: 32 giờ (TH: 32 giờ)

1. Mục tiêu:

- Chọn được nội dung đề tài thực hiện phù hợp với ngành học;
- Viết được tên đề tài phù hợp với mục tiêu và nội dung.

2. Nội dung :

2.1. Học sinh chọn đề tài

2. 2. Học sinh chọn giáo viên hướng dẫn (GVHD)

2.3. Học sinh gửi nội dung thực hiện sơ bộ đề GVHD xem xét, góp ý (tên đề tài, mục tiêu, nội dung,)

2.4. Bộ môn phân công học sinh thực tập tốt nghiệp và giáo viên hướng dẫn

2.5. Trình bảng phân công đề Hiệu trưởng xem xét quyết định

Bài 2: Viết đề cương

Thời gian: 46 giờ (TH: 46 giờ)

1. Mục tiêu:

Viết được đề cương thực tập theo đúng yêu cầu về nội dung và hình thức.

2. Nội dung :

2.1. Học sinh thực hiện viết đề cương thực tập

2.2. GVHD và học sinh thảo luận về đề cương thực tập

2.3. Học sinh hoàn tất đề cương thực tập

Bài 3: Xét duyệt đề cương

Thời gian: 16 giờ (TH: 16 giờ)

1. Mục tiêu:

Hiểu đầy đủ các yêu cầu về nội dung và phương pháp của đề cương tiểu luận.

2. Nội dung :

2.1. Học sinh nộp đề cương thực tập cho bộ môn

2.2. Hội đồng bộ môn thông qua đề cương thực tập

2.3. Học sinh chỉnh sửa đề cương theo góp ý của bộ môn

Bài 4: Thực tập thực tế

Thời gian: 274 giờ (TH: 274 giờ)

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện đúng các phương pháp của từng nội dung tiểu luận.

2. Nội dung :

2.1. Học sinh xuống điểm thực tập

2.2. Học sinh thực hiện các nội dung thực tập theo đề cương dưới sự hướng dẫn và giám sát của GVHD

Bài 5: Viết báo cáo

Thời gian: 82 giờ (TH: 80 giờ; KT:2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức đã học để xử lý số liệu thu thập được trong thời gian thực tập theo đúng yêu cầu;

- Vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành báo cáo, theo mục tiêu của tiểu luận.

2. Nội dung :

2.1. Học sinh hoàn chỉnh số liệu và xử lý số liệu dưới sự hướng dẫn và giám sát của GVHD

2.2. Học sinh thực hiện viết báo cáo và nộp cho GVHD góp ý

2.3. Học sinh hoàn chỉnh báo cáo và nộp cho bộ môn sau khi được sự đồng ý của GVHD

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: không

2. Trang thiết bị máy móc: Các dụng cụ, thiết bị theo từng đề tài cụ thể.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các tài liệu tham khảo có liên quan đến nội dung đề tài.

4. Các điều kiện khác: Theo yêu cầu của đề tài.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài tiểu luận của học sinh cần đạt các yêu cầu: Đáp ứng mục tiêu, nội dung và phương pháp của từng đề tài cụ thể.

- Kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học vào việc thực hiện đề tài.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Thực hiện đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, trung thực.

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua qua điểm chuyên cần + báo cáo tiểu luận và bài phải đạt $\geq 5,0$ theo khung điểm 10;

- Chuyên cần do giáo viên hướng dẫn chấm;

- Điểm báo cáo là điểm trung bình chung của 2 giáo viên chấm phản biện.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn thực tập tốt nghiệp được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp ngành Chăn nuôi – thú y.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế công tác sau khi tốt nghiệp. Vì vậy giáo viên nên hướng dẫn và tạo điều kiện cho học sinh chủ động, tích cực trong quá trình thực tập để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Chủ động, tích cực vận dụng kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Bài 2, bài 4, bài 5.

4. Tài liệu tham khảo:

- Cao Văn Thích, *Bài giảng môn Phương pháp thí nghiệm*
- Các tài liệu chuyên môn có liên quan đến nội dung thực tập.